

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ V — BỘ MỜI SỐ 76 — 15-3-1962

1.— Cảm ơn bạn cho lịch năm mới (thơ) Phan bội Châu	6
2.— Văn-nghệ phi-văn-nghệ Nguyễn Vỹ	7 — 9
3.— Tìm dấu vết Nguyễn Du Kiên Đạt	10 — 16
4.— Xe lửa hầm ở Anh-Quốc Michael Baker	17 — 20
5.— Những áng thơ hay Thăm Thệ Hà	21 — 26
6.— Ký giả thuở trước Tế Xuyên	27 — 31
7.— Đêm buồn (thơ) Duy Nhất	32
8.— Nhớ cha Thu Nhi	33
9.— Hai lá thư một chuyện tình (truyện ngắn) Hoàng Thắng	34 — 38
10.— Nhân vật xuân thu Thiếu Sơn	39 — 43
11.— Các loài khỉ giống loài người . . Huỳnh Anh Kiệt	44 — 49
12.— Chuyển lâu đêm (thơ) Trúc Bạch	50
13.— Đồi chim hoàng yến (truyện ngắn) . . Xuân Tước	51 — 54

14.— Vị trí trong Quốc sử của cụ Phan-châu-Trinh Thiếu Sơn	55 — 59
15.— Nước tôi (thơ) Nguyễn văn Cồn	60 — 61
16.— Tuổi, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ	62 — 66
17.— Những năm con Cọp trong lịch sử . . Lâm hữu Ngân	67 — 74
18.— Vì đâu cơ thể bài tiết ? Quang Hoa	75 — 76
19.— Danh nhân thế-giới : Graham Bell . . Tân Phong	77 — 82
20.— Minh ơi ! Diệu Huyền	83 — 90
21.— Cô lái bên sông (kịch thơ) Mặc Thu	91 — 98
22.— Đố bạn Ba Tèo	99 — 101
23.— Giở loạn thời gian (truyện rút ngắn) . . Phương Chi	102 — 107
24.— Kiếp dân Thầy Tú Be	108
25.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài) Nguyễn-Vỹ	109 — 113
26.— Sách báo mới Phở Thông	114 — 115
27.— Đáp bạn đồn phương Diệu Huyền	116 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong.
Tập-chi PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai
cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chi quốc-tế)
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liện trích
đăng những bài trong tạp - chi PHỔ - THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG »
và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc
mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



TẶNG BẠN cho lịch năm mới

Chúng tôi nhận được bài thơ sau đây trích trong di-cảo của Cụ Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU, chưa đăng báo lần nào, do Ông Anh-Minh NGÔ-THÀNH-NHÂN ở Huế có nhã ý gửi đến. Bài thơ trên đây, có nhiều ý nghĩa rất thâm thúy. Vậy chúng tôi xin trích đăng để bạn đọc nhàn lãm.

P.T.

Qua một niên rồi tới một niên,
Thấy tương lịch mới ngậm ngùi duyên.
Đám hồng, đám hắc, tân (1) giành chủ,
Ngày Pháp, ngày Nam dưới đội trên.
Kê tháng chạp ta đầu cuối xuống,
Trông mùa xuân họ, mắt dương lên.
Ơn người tặng lịch cho mình biết
Nhân phải làm sao định thắng thiên.

★ Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU

(1) Tân = Khách.

XÃ - LUẬN

★ NGUYỄN-VỸ

văn
nghệ

PHI

VĂN-NGHỆ



ÌNH ý lớn ăn hiệp đũa nhỏ,
ý mạnh ăn hiệp đũa yếu, thì đũa
nhỏ và đũa yếu nhứt định là phải
chịu thua rồi. Nhưng mình lần-
lượt nó như thế, đã không vinh-dự
gì cho mình mà lại còn tỏ rằng mình là người thiếu lương-tâm và
không biết khôn khéo trong khoa xử-thế, chỉ gây thù rước hận vô
ích mà thôi.

Và chẳng, hôm nay mình mạnh hơn nó, mình lớn hơn nó,
nhưng đã chắc gì ngày mai mình còn mạnh, còn lớn nữa không?
Còn đũa yếu, nó sẽ không yếu mãi, và đũa nhỏ sẽ có ngày lớn lên.

Kẻ khôn-ngoa luôn luôn nghĩ đến hậu-quả của ý mình nghĩ,
của lời mình nói, của việc mình làm, cho nên hành-dộng của kẻ
khôn-ngoa luôn luôn hợp tình, hợp cảnh.

Người quân-tử, có ai đem xỉ đến những lời chửi bới của kẻ

thất học, của đũa còn đồ? Nhưng dù không phải là quân tử, cũng không ai buồn nghe những lời nói ba-hoa, những câu dua-nịnh, những tiếng tăng-bốc, những danh-từ màu mè mà trống-rỗng, dùng làm lợi-khí.

Nếu nhờ những lợi khí ấy mà chiến thắng phần nào chăng nữa thì chắc không có gì đáng hãnh - diện lắm đâu! Người quân-tử không bao giờ nhận lãnh những cái thấp-hèn muốn đề-cao mình.

Sự nghiệp thực-tế phơi bày ra dưới mặt trời bao giờ cũng có giá-trị huy-hoàng cao quý hơn hết thảy các lời truyền tụng bợ-dỡ của những kẻ khác.

Gây sức mạnh cho cả một thế-hệ, thật là dễ, gây sức mạnh cho cá nhân, thật khó vô cùng. Không phải tuyên truyền cho mạnh, là mạnh. Không phải một lúc mạnh, là mạnh. Không phải ở ngoài mạnh, là mạnh. Đối với cá nhân cũng như với cộng đồng, chỉ có một sức mạnh trường cửu và thực - tại, là sức mạnh của thời - gian. Không có gì thắng nổi mãnh - lực bền-bì của Thời-gian.

Không cần nhắc lại lịch-sử của loài người từ xưa từ xưa. Socrate, Aristote, hay Khổng-tử, Lão-tử, Thích-Ca Mâu-Ni, Jésus Christ, là những ông thầy giỏi về khoa tâm-lý, đã để lại cho chúng ta những bài học về phép làm người. Những bài học của các vị đại-danh tư-tướng ấy, là những Giáo-sư của nghệ-thuật sống, đã được truyền bá cho nhân-loại cách đây gần 2500 năm mà vẫn còn xác-thực như mới giảng hôm qua.

Những kẻ nghĩ cạn, nói cạn, làm liều, làm bậy, toàn là những học-trò lười-biếng, không chịu ôn lại bài Thầy.

Tại sao đã có những xã-hội đầy-rẫy sai lầm, thất bại, rồi phải đổ vỡ một sớm một chiều? Vì xây dựng trên giả-dối, không có nòng cốt của thực-tế chân-lý. Như những pho tượng đồ sộ mà hai chân bằng đất sét.

Lịch-sử có những ngọn gió lạ kỳ, từ trong thâm-cung của nhân-kiếp thỉnh-thoảng thổi ra, ào-ạt, quét càn một trận, để lại bừa-bãi những điều tàn. Biết bao nhiêu suy-tư tuyệt-diễm, Lý-tưởng cao-siêu, chính vì thiếu nhựa sống hồi-sinh, thiếu cội rễ đâm sâu, đã phải, than ôi, sụp đổ trong các mùa gió loạn!

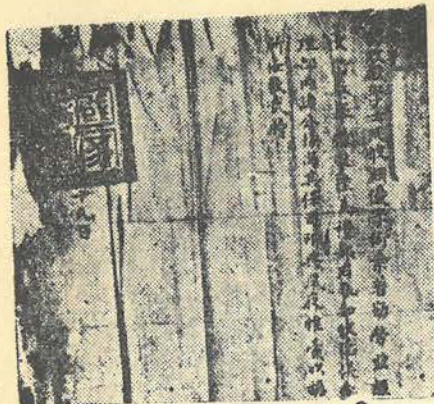
Văn nghệ, khoa học, xã hội, học đường, gia đình, tổ quốc, đều bị ràng buộc chung tất cả với định mệnh của Lịch sử. Không ai vượt ra khỏi. Nhưng không ai giam hãm được ai trong một vòng vây xiết chặt bên ngoài. Cũng không ai đè nén được ai trong bối cảnh bệnh hoạn bên trong. Muốn giải thoát toàn-diện ra khỏi nguy-biến, cần phải có MỘT Ý CHÍ đoàn kết tất cả chung quanh MỘT VIỆC. NGƯỜI chỉ là tượng trưng.

Đứng trong phạm vi Văn nghệ, nhà Văn hay nhà Thơ đều có ý thức một mặt trận. Đây là mặt trận Chân lý. Mặt trận Tư tưởng. Ghét Chân lý, và sợ Tư tưởng, là phi-Văn-Nghệ.

Có một hạng Văn-nghệ nhất thời, dùng làm lợi khí, có công dụng nhất thời.

Đó là loại Văn-nghệ giả tạo, loại phi-văn-nghệ, mà chất văn-nghệ trộn bột, pha màu, không còn hương trình huyền diệu của nghệ thuật và suy tư. Trong các xã hội loạn ly trải qua các thời đại, dưới các cường quyền chuyên chế hồi xưa, dưới Tần thủy Hoàng, César, Néron, Napoléon, Hitler, Staline..., thứ Văn-nghệ lợi khí tuyên-truyền, và văn-nghệ tăng-bốc, rất là thịnh-hành. Nó cổ đánh bại Văn-nghệ của Chân-lý và Tư-tưởng, nhưng không bao giờ chiến thắng. Bất-cứ ở thời-dại nào, ngay ở thời Néron tàn-bạo nhất trong Lịch-sử, Văn-nghệ phục-vụ cường-quyền cũng chỉ thịnh-hành dưới bóng độc-tài La-mã trong một thời khoảng ngắn-ngủi thôi. Quảng-dại quần-chúng vẫn không bao giờ mặc-nhiên công-nhận nhiệm-vụ tùy thời của loại Văn-chương ấy. Sinh-trưởng dưới bóng độc-tài, nó đã nảy-nở được trong máu lửa của độc-tài, nhưng nó sẽ khô-héo khi đem nó ra Ánh sáng thiêng-liêng của Thượng-Đế.

N. V.



Sắc ông Nguyễn-Du
đời vua Gia-Long

Tìm dấu vết

NGUYỄN - DU

★ KIỂM-ĐẠT

★ XUÔI DÒNG SÔNG LAM

BAO nhiêu lần dự định, tôi mới có dịp trở lại làng Tiên-Điền, quê cũ của Nguyễn-Du trong bầu không khí chiến-tranh. Trước tôi, đã nhiều nhà nghiên-cứu văn-học và lịch-sử đặt chân đến : Đào-duy-Anh, Nguyễn-thiệu-Lâu, Võ-tuấn-Sán. Tôi đọc họ với tất cả thèm muốn (1). Đến đây, tôi có cảm-tưởng như Tần-Đà đến làng Tây-Sơn-Nhất, huyện Qui-Ninh, tỉnh Bình-định, để viếng dấu vết của Nguyễn-Huệ, làm lễ tế, để chịu vào khám Qui-Nhơn.

Đến Đưc-Thọ (Hà Tĩnh) xuôi theo giòng sông Lam, du-khách chợt nhớ đến câu thơ của Nguyễn-Du hồi còn sinh-tiên :

*Thanh thần vọng Lam-giang
Lam-giang trường thu thủy*

nghĩa là :

*Sáng sớm ngó sông Lam
Sông Lam nước ngập đen* (2)

(1) Đào-duy-Anh : *Khảo-luận về Kim-vân-Kiều* (Quan hải lung thư) Huế — 1943 — Chương nói về : *Quê quán — Dòng họ.*

Nguyễn-thiệu-Lâu : *Chung quanh chuyện Nguyễn-Du và Dân Nghệ Tĩnh* (Thanh-Nghệ).

(2) Bản dịch của cụ Võ-Oanh (Đời Mờ).

Vào địa phận huyện Nghi-Xuân, thời binh lửa, ai mà chẳng cảm xúc. Làng Tiên-Điền, làng Uy-Viên ! Xa xa là núi Hồng cao ngất. Tôi nhớ đoạn : Từ 1787 — 1802, Nguyễn-Du sau 2 lần khởi-nghĩa Cần-vương (3) thất bại, đã lui về ẩn-dật tại núi Hồng. Khắp 99 chóp núi, chẳng có nơi nào là không in dấu chân Nguyễn-Du. Dấu chân người văn-nhân thời tao-loạn, ôm ấp một nỗi-niềm.

Qua núi Ngọc, qua một cánh đồng, là đến Tiên-Điền. Một màu sắc xanh tươi : ruộng lúa mơn mơn. Có lẽ chữ Tiên-Điền (Ruộng tốt) bắt nguồn từ đây. Phù sa của các sông : Ngân khôi, Ngân sáu, Ngân phổ tuôn về đục ngầu. Tôi đắm mắt nhìn đến con sông Cửa Lò chảy về thành-phố Vinh : nước trong hơn và chảy chậm hơn.

★ ĐẾN TIÊN-ĐIỀN

Hai bên bờ sông có sống đất cát pha gọi là giồng (cordon) do phù sa xấu tạo nên, cây cối khẳng-khiu. Tôi muốn chờ dịp nấn-na đề khảo-sát địa-chất này.

— Kia vườn cụ Nguyễn-Mai !
Lời người hướng-dẫn reo lên

khiến tôi bừng tỉnh những kỷ-vọng. Có gì đâu, chỉ còn một túp lều cỏn con. Tường phèn bằng đất đắp, dề dề - phòng bom napalm của Pháp. Cau, tre, lác-đác. Ngọn lửa chiến tranh tàn phá dấu vết của một thời vang vọng. Đặc-biệt nhất là vườn vãn còn trồng đầy dâu. Dâu ! Một cuộc bề dâu. Dâu lên xanh tốt lạ thường, nhưng không người trơ tr, ướp kén. Chiến tranh không dung-tha lựa là, vàng son. Dâu vẫn mọc, nhưng hóa ra vô dụng. Tôi chợt nghĩ đến chuyện « Trai phường nón » và « gái phường vải ».

«Tiệc thay duyên Tấn, phần Tần»

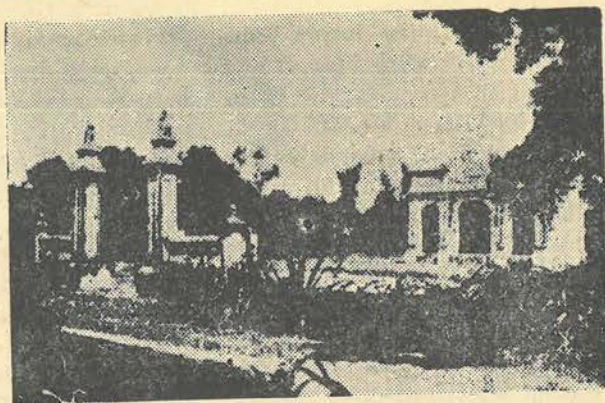
Nỗi lòng của Nguyễn-Du và Nguyễn-Huy-Hồ ngày xưa sôi nổi là phải ! Dâu tốt tầm ăn lên, kén chắc, thoi đưa và gái nón nà. Thì ra mỗi tình « Rối lòng như sợi, ai giường cho xong » (4) là thế.

Thật là đầy đủ quá : Có núi Hồng, sông Lam, xa xa là hòn Song Ngư, gần kia là cửa Hội Thống. Chỉ còn thiếu giữa cảnh:

(3) Cùng với người anh vợ là Đoàn-Nguyễn-Tuấn và 1 lần ám-mưu đi vào Nam.

(4) Bài « Thác lời trai phường nón » của Nguyễn-Du.

Đền thờ
Nguyễn Du



« Hồng Lĩnh sơn cao
Song Ngự hải khoáng »

Thiếu thời vàng son huy
hoàng của Hồng sơn Văn phái :
« Nhược trí minh thời
Anh hùng tú phát. »

★ DÒNG NGUYỄN-DU

- Lạy cụ ạ !
- Không dám. Các ông đi công tác.
- Thưa không. Chúng cháu đến hầu thăm cụ, thăm mộ cụ tổ (5).
- Quý hóa quá ! Các ngài (trịnh-trọng !) ở ban Văn-Nghệ Trung - Ương. Có, cách đây chừng nửa tháng, mười ngày cũng có mấy ông ở viện Khảo-Cổ gì đó, đến đây chụp mấy kiểu đất...

Chúng tôi lợi-dụng câu chuyện đề gợi ý :

— Dám xin cụ chỉ cho một ít tài-liệu về cụ Nguyễn-Mai, cụ Nguyễn-Du.

Cụ trăm-ngâm. Đến đây, tôi mới có dịp chăm-chú nhìn « dấu vết » của một dòng họ văn tài « phong-lưu rất mực... nền phú-hậu... thông - minh tinh trời... » Nét mặt cụ nghiêm nghị và khắc khổ, hàm răng cắn chặt, mắt dăm chiêu tư-lự, cổ ớn một quả khứ, không..., một trang sử oai hùng, chói-lọi, rạng ngời cao thom :

— Cha tôi (cụ Nghè Mai) đỗ tiến-sĩ, Pháp mời ra nhậm-chức mà không chịu. À ! xin lỗi, ông

(5) Ở Tiên Điền, gọi cụ Nguyễn Du là cụ Tổ, Nguyễn Khản là (Huỳnh Tổ) ».

đọc được chữ Hán chứ ! Trông kia !

Tôi dò theo :

— « Phụ giáp ư Hương, huỳnh ất ư Hội, quân hữu khôi vu Đình, khoa hoạn nhất gia trung, quốc sùng gia khương như thử giả ;

« Phan thê ư Nhật, Đặng khốn ư tù ; Ngô hữu lưu ư hải ; Kỳ-mi thiện lý ngoại, Cầm bào hoa hốt cánh hà vi »

(Gia đình bạn, cha đỗ Cử Nhân, anh đỗ Phó Bảng, Bạn lại đỗ Tiến sĩ, ơn vua lộc nước như vậy, còn đòi gì nữa ;

(Ông Phan-Bội-Châu còn trôi nổi ở Nhật, ông Đặng-Nguyên-Cần còn nằm trong tù, ông Ngô-đức-Kế bị đày đi Côn Lôn, bọn thân-sĩ nhà mình ở đâu đâu ngàn muôn dặm cả ; gia đình anh mang làm gì cái cầm-bào hoa hốt) (6)

Thần-sinh tôi — lời cụ tiếp — vận động văn thân ở khắp huyện, đứng dậy tiếp nối phong trào Cần Vương của cao trào Bãi-Sậy, Ba-Đình, Vụ-Quang, Qui-Đạt, Yên - Thế, nhưng không thành, đành thủ-tiết.

★ NÓI CHUYỆN VỀ NGUYỄN - DU

— Thưa cụ, di sản văn chương...

Cụ cướp lời :

— Ông muốn nói đến những thủ-bồn của tộc tôi ! Đành rằng người đời cũng thường nhắc đến câu « Bao giờ ngàn Hồng hết cây ; sông Rum hết nước, họ này hết quan », nhưng ông nghĩ... bao năm rồi ! Hết chiến tranh nọ, đến chiến tranh kia. Chỉ còn (cụ chỉ vào đồng gỗ ngoài sân) những thanh gỗ vụn và những câu đối.

— Những câu đối ?

— Vâng, rất nhiều, của cụ Tổ, của Huỳnh Tổ, của cụ Nguyễn Đạm...

— Trong « An-Nam ngũ tuyệt » ?

— Đó, chính điều tôi muốn nói. À, tôi biểu ông đi vật này. Cụ lui vào nhà sau, mang ra một hòm gỗ, mở ra thì trong đựng nhiều dụng cụ bằng gỗ, bằng sắt, bằng đồng, cả đến dao, đục, kéo, thước, thợ.

— Đây, tôi biểu ông tám găm thêu ở võ kiếm của cụ Tổ (Nguyễn Du) mà Việp-Quận-Công Hoàng-Ngũ-Phúc đã trao tặng.

— Rất đội ơn cụ ! Quý hóa quá ! Ngàn năm một thuở ! Thật quả « Cửa tin còn một... »

(6) Dựa theo bản dịch của Hoài-Đức.

—...Ừ, một chút này ! Tôi giữ kỹ lắm, chôn vùi mãi, có lần đã rơi vào tay bọn « Tây Rạch mặt » rồi đó, nhưng chúng ném ngoài cổng làng. Ông có nhớ câu thơ « Trường Kiềm » chứ ! Của Nguyễn Du ấy mà !

— Thưa cụ, có. Châu đọc thử :

«Nhất thiên phong nguyệt giao
tinh tại

Bách lý Hồng-Sơn chính-khi
đồng

Nhân đề phù-vân khan thế sự
Yêu gian TRƯỜNG KIỀM, quả
thu phong »

(Ta gửi mỗi tình theo một trời
trắng gió,

Mỗi chính-khi ta hòa theo trăm
dặm núi Hồng,

Ta xem cuộc đời như mây nổi ở
đáy mắt,

Trên lưng mang lưới kiếm dãi,
cuốn cả gió mùa thu)

— Trong «Thanh-Hiên Tiền
Hậu Tập» có một đoạn thiếu
sót, chắc cụ có thể bổ khuyết
cho !

— Nhiều quá, nhớ không thể
nào xuê được. Hồi cụ Nguyễn-
Du làm lều ở núi Ngọc, gần
Hồng-Sơn có làm nhiều thơ
lắm. Sống khổ mà thơ giàu.
Thơ đối, thơ đau, thơ nghèo,

thơ... khát-thực, ông nhớ chứ !

— Vâng, thưa có. Châu nhớ
đoạn thống-thiết nhất là :

Bách niên, thân thể ủy phong-
trần,

Lữ thực giang-lân hựu hải tân-
(Trăm năm thân thể chịu phong

trần,

Xin ăn từ bến sông này đến bãi
bề kia)

Cụ ngâm-ngùi :

— Kề cũng tội nghiệp, có
nhiều chặng đời, cụ đau liên
miền suốt ba năm. Ba năm
bệnh hoạn, nghèo không thuốc
(Tam niên tích bệnh, bản vô
được).

— Cụ còn giữ tập thơ nào,
nhớ bài thơ nào lúc cụ Tở ở
Quế-giang không ?

— Không, tôi chỉ biết là lúc
cụ Nguyễn-Du đau ốm, thuốc
thang không lành, nghe thầy
bói, vội ra ở Quế-giang thôi.

Tôi se-se ngâm :

— Đa bệnh, đa sầu, khi bất thư,
Thập tuần ngộ bệnh Quế-
giang cư.

★ MỐI TÌNH CỦA NGUYỄN-DU

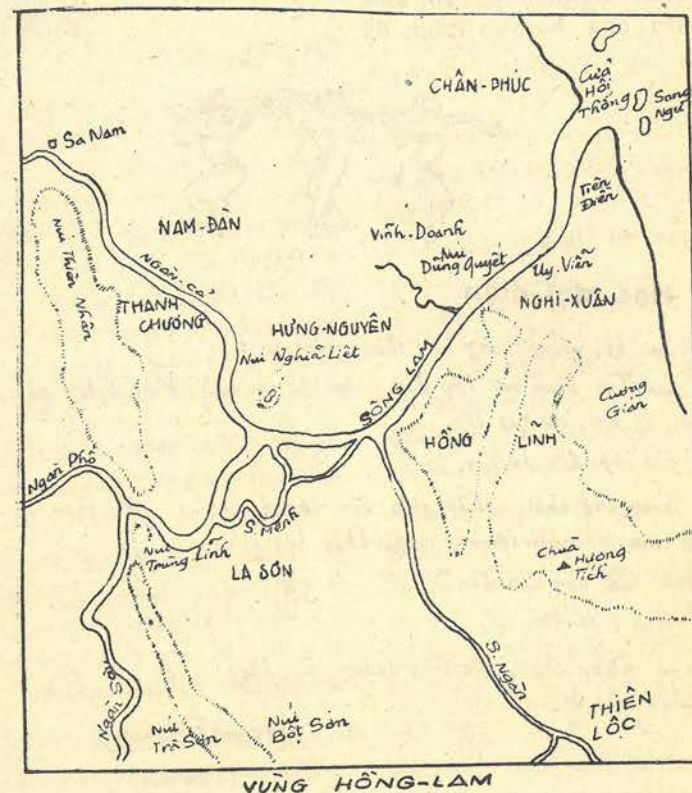
Chợt nhớ đến vấn-đề thắc-
mắc của phần đông các nhà

khảo-cứu văn-học, tôi nắm lấy
cơ-hội :

— Những bài « Văn-tế Trường
Đu nhị nữ », « Cầm giả dẫn »,
nói chung, những mối tình của
Nguyễn-Du chắc có nhiều giai-
thoại kỳ-thú. Dám phiền cụ
truyền lại cho cháu vài điều,
đòi chuyện.

Cụ mỉm cười trên nửa làn
môi khô khan :

— Tôi có nghe nói hoặc có
đọc những giai-thoại do các nhà
tiểu-thuyết thêu dệt. Tôi chỉ
nghe được chuyện « Cầm giả
dẫn ». Cầm là tên cô gái đánh
đàn. Cụ Nguyễn-Du cùng với
anh là Nguyễn-Điều gặp gỡ
trong một tiệc rượu ở Thăng-
Long-Thành. Nàng đẹp, hát hay,
đàn ngọt, tha hồ cho Linh Tây-



Sơn nô đùa, chọc ghẹo. Nguyễn Du cứu thoát ra khỏi tay bọn họ, rồi mời vào bàn tiệc. Nàng kể cuộc đời gian truân của mình: chiến tranh xảy ra, cha mẹ chết, họ hàng ly tán, nàng trải qua những phút chật-vật, mượn tiếng đàn để sống qua bữa. Đời nàng chỉ còn sót ở tiếng đàn. Chỉ có vậy. Tiếng hát còn lưu lại, cũng như tiếng thơ của Nguyễn-Du. Tôi nhớ có lần ông Nguyễn-Tuân đã

mượn cốt truyện này để viết thành cuốn «Chùa Đàn». Tình tiết éo le như vậy...

Tôi tiếc rằng không còn nấn ná được để hiểu thêm những nỗi ăn-khuất hơn của nhà thơ Hồng-Lam. Làm kẻ hậu sinh «tam bách dư niên hậu» mà chưa được «Kháp Tổ Như», âu cũng là tủi hổ. Rời Tiên-Điền một chiều «ngắt lạnh mù khơi».

KIỀM-ĐẠT



★ Học đại-diện

Sau khi giảng xong bài, thầy giáo nói:

— Tôi định mở lớp dạy thêm cho các anh. Vậy ở lớp này mấy người đi học, dơ tay lên.

Cả lớp đều dơ tay.

Sáng chủ nhật, thầy giáo đến lớp dạy thêm, chỉ thấy có một mình anh liên-đội-trưởng lớp. Thầy hỏi anh:

— Các bạn anh đâu?

Anh liền đáp:

— Thưa thầy, học-sinh trong lớp đồng thanh cử em đi học đại diện cho họ.

BÙI-VĂN-CẦU
(Tam-Kỳ)

XE LỬA HẦM Ở ANH-QUỐC

★ MICHAEL BAKER
(London)

TẤT cả những du khách đã bước chân lên xe lửa hầm ở Luân-Đôn đều công nhận rằng hệ thống giao thông này là « một trong những Kỳ Quan trên Thế Giới ».

Họ sẽ thấy rằng không có một hệ thống giao thông nào lớn bằng hệ thống ấy trên quả đất này cả. Mỗi ngày có những gần hai triệu người dùng xe lửa hầm để đi làm việc — nghĩa là mỗi năm số hành khách của hệ thống xe lửa hầm lên đến 666 triệu người.

Một hôm nhân được may mắn nói chuyện với một nhân viên xe

lửa hầm tôi mới thấy rằng tôi chẳng biết gì mấy về « chiếc thâm thần » thời nguyên tử mà hàng ngày tôi vẫn dùng để xê dịch ở Luân-Đôn.

Theo lời nhân viên ấy thì đường xe lửa hầm ở Luân-Đôn được khai mạc cách đây non một thế kỷ, vào năm 1863.

Đầu tiên người ta đào đường lộ sâu xuống để đặt đường rầy cho xe lửa hầm chạy rồi mới lấp đất lên và làm lại con đường đã bị đào cho xe cộ chạy bên trên. Sau này người ta mới đào hầm cho xe lửa hầm sâu xuống thêm nhiều nữa.

Tôi hỏi nhân viên ấy :

— Hệ thống đường xe lửa hầm dài được mấy cây số ?

Nhân viên ấy trả lời :

— Hệ thống đường xe lửa hầm chạy quanh Luân-Đôn và vùng ngoại ô dài những 414 cây số 400 thước.

— Tàu chạy bằng gì ?

— Chạy bằng điện do ba nhà máy phát điện lớn cung cấp.

— Các đoàn tàu được đóng bằng gì ?

— Bằng những hợp kim nhôm tối tân nhất. Các chất hợp kim được mang ra dùng từ năm 1952 vì nhẹ, không cần phải sơn và như vậy thì đỡ bớt chi phí nhiều.

— Có bao nhiêu đoàn tàu tất cả ?

— Mỗi đoàn tàu gồm có nhiều toa ghép lại với nhau. Có tất cả là 4.022 chiếc toa, trong số đó có một số ít toa có gắn máy để kéo các toa không có gắn máy.

— Giờ giấc hoạt động của hệ thống đường xe lửa hầm ấy như thế nào ?

— Xe lửa hầm hoạt động 20 tiếng đồng hồ liên tiếp mỗi ngày từ 5 giờ sáng đến 1 giờ sáng hôm sau. Trong khoảng thời gian từ 1 giờ đến 5 giờ khi xe lửa ngừng hoạt động thì người ta lại kiểm soát đường rầy và các hệ thống dấu hiệu. Việc kiểm soát ấy được thực hiện trong lúc dân chúng Luân-Đôn và vùng lân cận đang ngủ ngon giấc.

— Mấy phút thì có một chuyến tàu chạy ?

Trong những giờ đông khách nhất thì cứ một phút rưỡi có một chuyến xe. Và xe chỉ ngừng tại mỗi trạm chừng 24 giây đồng hồ là cùng.

— Cách cho xe chạy hay dừng lại thế nào ?

— Tất cả các toa đều có cửa tự động đóng mở theo lệnh của một nhân viên trên tàu. Nhân viên này chỉ cần bấm một cái nút là cửa mở ra hay đóng lại. Một ngọn đèn báo hiệu sẽ sáng lên khi tất cả các cửa của đoàn tàu đều đóng lại. Tàu không thể nào chạy được nếu đèn báo hiệu chưa đỏ lên.

— Một đoàn tàu có bao nhiêu toa ?

— Vào những giờ đông khách thì một đoàn tàu gồm từ sáu đến tám toa. Mỗi toa có 44 chỗ ngồi và độ 100 chỗ đứng. Vậy nên mỗi chuyến tàu có thể chở được chừng 1.100 hành khách.

— Đường xe lửa hầm nằm bao sâu dưới mặt đất ?

— Điểm sâu nhất của đường xe lửa hầm là ga Hampstead : 57 thước 6 tấc dưới mặt lộ. Có nhiều đoạn xe lửa hầm chạy dưới giòng sông Thames.

— Các đoạn đường chạy dưới giòng sông Thames dài bao nhiêu cây số ?

— Tất cả là 144 cây số. Đoạn đường chạy ngầm dưới giòng sông Thames dài nhất là 27 cây số 200 thước.

— Chắc không khí dưới hầm xe lửa không được trong sạch lắm thì phải ?

— Trái lại. Cứ 15 phút người ta lại thay đổi hết không khí dưới hầm một lần. Có những quạt gió khổng lồ có thể mỗi phút bơm xuống hệ thống hầm trên một

triệu thước khối không khí trong sạch trên mặt đất.

— Hành khách xuống hầm xe lửa bằng phương tiện gì ?

— Bằng thang máy và thang giây tự động (escalier roulant).

— Có bao nhiêu thang máy và thang giây tự động tất cả ?

— Có 98 thang máy tại 36 ga và 186 thang giây tự động tại 58 ga khác.

— Cái thang máy cao nhất ở tại đâu ?

— Ở tại ga Hampstead — 54 thước 3 tấc. Và đây cũng là cái thang máy chở hành khách chạy nhanh nhất ở Anh. Thang chạy được 240 thước mỗi phút.

— Thang giây tự động dài nhất nằm tại đâu ?

— Tại Công Trường Leicester — thang này đưa hành khách lên một chiều cao hơn 24 thước. Cũng như những thang giây chạy nhanh khác, mỗi phút thang có thể đưa 10.000 hành khách với một tốc lực là 54 thước một phút đi lên hoặc đi xuống.

— Ga nào đông hành khách nhất ?

— Hành khách khởi đầu bước lên xe lửa hàm nhiều nhất tại công trường Piccadilly — mỗi tuần có những 590.924 người. Nhưng nếu kể luôn cả những hành khách sang xe nữa thì ga King Cross nhiều hành khách nhất — mỗi tuần có những 883.000 hành khách.

— Vé được bán ra thế nào ?

— 85 phần trăm các vé được bán bằng máy tự động.

— Nhân viên hệ thống đường xe lửa hàm gồm có bao nhiêu người ?

— Chừng 20.000 người.

Hỏi đến đây thì tôi đã đến chỗ nên phải bước ra khỏi xe lửa hàm mà hàng ngày tôi vẫn dùng để xê dịch quanh vùng Luân-Đôn.

Như thế, cũng đủ lắm rồi vì tôi đã biết thêm khá nhiều điều về hệ thống xe lửa hàm này.

MICHAEL BAKER



★ TIỀN KHÁM BỆNH

Một bác-sĩ có tánh... be-he, ôm hôn ầu một nữ bệnh-nhân trong phòng khám bệnh của ông. Thiếu-nữ đỏ mặt, vùng-vàng, nhưng không nói chi. Sau khi khám bệnh và chích thuốc xong, thiếu-nữ chào đi ra. Bác-sĩ bảo :

— Cô quên trả tiền khám bệnh.

Thiếu-nữ đáp :

— Thưa Bác-sĩ, tôi đã trả rồi.



★ THẨM-THỆ-HÀ

Không công-danh thời
nát với cỏ cây.

Chí tang-bồng hồ-thỉ dạ
nào khuây.

Phải hăm - hờ ra tài
kinh-tế.

Người thế trả nợ đời là
thế

Của đồng - lẫn thiên-hạ
tiêu chung.

Hơn nhau một tiếng
anh-hùng.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

★ Phận sự làm trai

Vũ-trụ chức phận nội,

Đẳng trưởng-phu một
túi kinh-luân.

Thượng vị đức, hạ vị
dân,

Sắp hai chữ quân thân
mà gánh vác.

Có trung-hiếu mới đứng
trong trời đất,

NGUỜI xưa thường
cho rằng : « Địa linh
nhân kiệt ». Sách xưa lại từng
nói : « Nam nhi đương tự cường ».
Cả hai quan-niệm trên đều thích-
đáng với trường-hợp cụ Nguyễn
Công-Trứ.

Khí thiêng Lam-giang, Hồng-
lĩnh đã nung-đúc được một bậc
anh-tài quyết-tâm thực-hiện chí-
khí của mình bằng văn-nghệ-lĩnh
vô-nghệ-lĩnh. Bậc anh tài ấy là Uy-
Viễn Tướng-Công, người đã có
một đời sống hào-hùng và đã
từng thốt ra những lời thơ

chính khí trong bài « PHẬN SỰ LÀM TRAI ».

Vậy ta thử giải-thích và phê-bình bài ca trên, đồng-thời phân-tích mẫu người nam-nhi lý tưởng của cụ Nguyễn-Công-Trứ.



Đây là một bài hát nói-dù khổ, một lối sô-trường của thi sĩ Ngô-Trai. Đại-ý bài này, tác-giả nhận-định phận-sự kẻ làm trai là phải lập được công-danh, phải giữ tròn trung-hiếu, phải ra tài kinh-bang tế-thể để xứng-đáng với tiếng anh-hùng.

Theo cách bố-cục riêng của thể hát nói, bài này chia làm ba khổ :

1) **Khổ đầu** : vạch rõ phạm-vi hoạt-dộng và nhiệm-vụ cao-cả của kẻ trượng-phu.

(2) **Khổ giữa** : Xác-định phận-sự kẻ làm trai.

(3) **Khổ xếp** : tán-dương chí-khí anh-hùng.

Theo cụ Nguyễn-Công-Trứ, người con trai sống trong vũ-trụ đã mặc-nhiên nhận lấy một chức-phận. dầu muốn dầu không cũng phải làm tròn phận-sự của mình. Thọ - bầm tinh - anh của sông

núi, mang lấy cái thông-minh của trời ban (*thông-minh nhất nam tử*), kẻ làm trai không thể như nhi-nữ thường-tình, mà phải là một bậc trượng-phu với túi kinh luân, nghĩa là có tài «*trị quốc, bình thiên-hạ*». Cái tài ấy phải nhấm vào hai mục-tiêu «*vị đức, vị dân*» và hai nghĩa-vụ thể-hiện đạo-đức con người: *trung, hiếu*.

«*Vũ-trụ chức phận nội,*

Đấng trượng phu một túi kinh-luân.

Thượng vị đức, hạ vị dân,

Sắp hai chữ quân, thân mà gánh vác».

Cái phận-sự làm trai được thi-sĩ tóm-tắt chặt-chẽ trong hai «*câu thơ*» và cái chí làm trai được cụ thu gọn trong hai câu «*xuyên mau*» ở khổ giữa.

Trời, Đất, Người là ba ngôi quan-trọng trong vũ trụ, danh-từ triết-học gọi là *tam tài*. Trời, Đất vốn vĩ-đại, trường-cửu, vậy Người phải làm sao cũng vĩ-đại và trường-cửu như ba câu trên. Đã đành có người cho rằng : «*Thiên trường địa cửu*

lưu thời tận» để xác-nhận cái thuyết «*hữu hình tức hữu hoại*», nhưng cái tận của Trời, Đất sánh với cái tận của con người thật là cách-biệt nhau xa. Muốn trường-cửu với Trời, Đất, con người không thể luyện cái hình-hài mình được trường-sinh bất-tử mà phải làm nên những việc vĩ-đại, phi thường, để lưu tiếng thơm muôn thuở. Mà muốn tiến đến cứu - cách ấy, ta phải mượn công-danh làm phương-tiện để thực-hiện hoài-bảo lớn - lao, phải giữ vẹn đạo làm người (tức là đạo quân thân theo quan-niệm Tống-nho). Công-danh và đạo-đức là hai phận-sự chánh-yếu của kẻ làm trai. Có đạt được công-danh, ta mới thỏa chí tang-bồng, mới có thể ra tài kinh-bang tế-thể. Không công-danh, tài-ba sẽ mai một, chí lớn cũng tiêu-tan, và hình-hài rồi cũng sẽ nát với cỏ cây. cuộc đời trở nên vô-nghĩa.

«*Có trung-hiếu nên đứng trong trời đất,*

Không công-danh thời nát với cỏ cây.

Chí tang-bồng hồ-thì dạ nào khuây,

Phải hăm-hở ra tài kinh-tế.»

Con người sinh ra đã mang lấy cái nợ tang-bồng, thì phải tìm cách mà trả cho xong cái nợ đó. Trả nợ là phận-sự mà cũng là cách để thỏa chí. Trả nợ lại cũng có nghĩa là hưởng-thụ. Trong khi tranh-đấu để trả nợ, kẻ làm trai sẽ hưởng-thụ những chiến-lợi-phẩm tinh-thần lẫn vật-chất. Nhưng với ý-chí khác-thường, kẻ trượng-phu chỉ chú trọng ở chiến-lợi-phẩm về tinh-thần. Tiền-bạc luân-lưu từ người này sang người khác ; đến khi thác, ai cũng trở về với bàn tay không. Chỉ có tiếng anh-hùng mới là phần-thưởng tinh-thần cao-quý nhất của con người tích-cực tranh-đấu để phân-biệt sự hơn nhau trong thiên-hạ và để chiếm một địa-vị trường-tồn với thiên-địa.

«*Người thế trả nợ đời là thế, Của đồng-lần thiên-hạ tiêu chung.*

Hơn nhau một tiếng anh-hùng».



Đào sâu vào nội-dung, ta nhận

thấy cụ Nguyễn-Công-Trứ cổ ý trình-bày những phận-sự của một mẫu người lý-tưởng, khác xa hẳn với hạng người tầm-thường. Con người lý-tưởng ấy là kết-tính của hai mẫu người đặc-biệt khác : *bạc trượng-phu* và *bạc anh-hùng*.

1— *TRƯỢNG-PHU* là mẫu người lý-tưởng của Mạnh-Tử. Để khích-dộng tinh-thần kẻ sĩ thời loạn, Mạnh-Tử nêu lên một hạng nam-nhi gương-mẫu để ứng-phó với tình-thế. Hạng nam-nhi đó phải :

« Đắc chí dữ dân do chí,
Bất đắc chí độc-hành kỳ đạo. »

Nghĩa là : Khi đắc-chí thì cùng thực-hiện với dân, khi không đắc-chí thì tự-hành đạo cho riêng mình.

Bạc trượng-phu phải có những đức-tính :

*Phú-quí bất năng dâm ;
Bần-tiện bất năng di ;
Uy-vũ bất năng khuất.*

Nghĩa là : Giàu - sang không phóng-dăng, nghèo-hèn không đổi thay ; uy-vũ không

khuyết-phục.

Tóm lại, *bạc trượng-phu* phải bao gồm ba yếu-tố và ba đức-tính :

Ba yếu-tố : tài, dũng, lực.

Ba đức-tính : nhân, nghĩa, lễ.

2.— *ANH-HÙNG* là mẫu người lý-tưởng của nhân-dân. Người anh-hùng phải có tài cao, trí sáng, chí lớn. Hơn nữa, *bạc anh-hùng* phải có đạo-đức ; không đạo-đức sẽ hóa ra kẻ gian-hùng.

Đời Tam - quốc, Tào-Tháo khi luận về anh-hùng với Lưu-Bị, có phát-biểu rằng : « Người anh-hùng ví như con rồng, khi chưa gặp thời thì tiềm-ẩn, lúc gặp thời thì thừa thời mà bay lên, tung-hoành bốn-bể, biến-hóa vô-cùng ».

Họ Tào lại xác-nhận : « Người anh-hùng lòng em chí lớn, dạ chứa mưu hay, mưu-cơ bao-trùm cả vũ-trụ, chí lớn nuốt nhả cả trời đất ».

Tóm lại, *bạc anh-hùng* phải gồm ba yếu-tố và ba đức-tính :

Ba yếu-tố : tài, trí, chí.

Ba đức-tính : can-dảm, nhẫn-

nại, tự tín.

Đặc-biệt là người anh-hùng chỉ căn-cứ ở hành-động chứ không căn-cứ ở sự thành-bại, cho nên một nhà thơ đã viết :

« *Ai đem thành-bại luận anh-hùng* »

Cụ Nguyễn-công-Trứ đã khéo léo hòa-hợp hai mẫu người lý-tưởng trên để tạo thành một mẫu người lý-tưởng đặc-biệt theo quan-niệm riêng của mình.

Kẻ nam-nhi của Nguyễn-Công-Trứ trước nhất phải là một *bạc trượng-phu* :

« *Quyết tang-bồng cho phi chí trượng-phu,*

Trong trần-ai, ai có kém ai đâu. »

Bạc trượng-phu ấy phải có tài, dũng, lực, phải sẵn-sàng một túi kinh-luân, để sửa-sang giềng mỗi quốc-gia :

« *Kinh-luân khởi tâm-thương, Binh-qiáp tàng hung-trung.* »

Kể đó, kẻ nam-nhi của Nguyễn-Công-Trứ phải là một *bạc anh-hùng* tài kiêm văn, võ :

« *Chí những toan xẻ núi, lấp sông,*

Làm nên đấng anh-hùng đầu đầy tỏ. »

Bạc anh-hùng ấy chẳng những gồm đầy-dủ tài, trí, chí, mà còn phải cố-gắng lập công-danh để trả nợ tang-bồng :

« *Tang-bồng hồ-thi nam-nhi trái, Cái công-danh là cái nợ-nần.* »

Qua những điều phân-tích trên, ta thấy thi-sĩ Ngô-Trai đã nêu cao một mẫu « *người hùng* » để gán cho họ hai phận-sự cần phải triệt-để thi-hành :

« *Có trung-hiếu mới đứng trong trời đất, Không công-danh thời nát với cỏ cây.* »

Có làm tròn cả hai phận-sự trên, kẻ nam-nhi mới xứng-đáng gọi là *bạc trượng-phu*, *anh-hùng*, mới khác-biệt với bao nhiêu kẻ tầm-thường trong thiên-hạ.

Lập-luận thật là vững-vàng, danh-thếp ! Ý-chí thật là cương-quyết, hào-hùng ! Ta có thể gọi mẫu người trên đây là « *người hùng Nguyễn-Công-Trứ* » cũng như Tây-phương thường gọi « *người hùng Corneille* » (héros cornélien). Song le người hùng

Nguyễn-Công-Trứ vẫn chưa thể sánh với bậc anh-hùng qua lời suy-luận của Tào-Tháo. Cụ đã khe-khắt trời buộc kẻ nam-nhi trong vòng đạo-đức Tống-nho, đề-cao vai-trò độc-đoán của quân-quyền :

«Ba vạn anh-hùng đè xuống dưới,

Chín lần thiên-tử đội lên trên».

Nếu đó là một hôn-quân vô-đạo, kẻ nam-nhi khí-phách cũng cứ mù-quáng đội lên trên hay sao ?

Về phương-diện hình-thức, bài này có một ưu-điểm nổi-bật nhất là : từ đã theo kịp tứ. Chữ dùng thật chính-xác, âm-diệu thật rần-rỏi, bút-pháp thật vững-vàng. Cách bố-cục phân-minh, chặt-chẽ, làm sáng tỏ ý-tứ chứa-đựng trong bài.

Từ-diệu ở khổ đầu trang-nghiêm, chững-chạc, nhấn mạnh địa-vị quan-trọng của người trai trong vũ-trụ. Nhạc thơ ở khổ giữa, nhất là ở cặp xuyên-mau, thật hùng-hồn lưu-loát,

diễn-tả đúng mức cái cá-tính hiếu-dộng, hiếu-thắng của kẻ nam-nhi. Âm-diệu ở khổ xếp thật khoan-hòa, nói lên được cái chân-lý bất biến, không cần phải bàn-cãi nào-nức nữa.



Văn-chương muốn có giá-trị vượt không-gian và thời-gian, phải đạt được ba yếu-tố nghệ-thuật : Chân, Thiện, Mỹ. Cái đẹp, cái chân-thật, cái lành-mạnh—đầu chỉ là tương-đối — ta đều tìm thấy đầy-đủ trong bài hát nói PHẬN-SỰ LÀM TRAI của Nguyễn-Công-Trứ.

Mặc dầu sống trong thời-đại cách-biệt với tác-giả, ngày nay ta vẫn thấy hăng-hái, phấn-khởi trước những lời động-viên chân-thành và đẹp-đẽ của nhà thi-si đời Nguyễn. Cho hay văn-chương xây-dựng, hùng-mạnh có tác-dụng truyền-cảm, khích-lệ mạnh-mẽ, có thể cải-tạo dân-tâm và hướng-thiện loài người. Thi ca của Ngô-Traí là những chứng-minh hùng-biến nhất vậy.

● THẨM-THỆ-HÀ



(Tiếp theo P.T. 73)

TH Â M - thúy thay và cũng thống thiết thay.

« Hậu-Đình » ngụ ý là kẻ đến sau, nổi chí « Lan-Đình » và còn ẩn một ý rõ rệt đã phát-tiết trong hai câu thơ :

Thương nữ bất tri vong-quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu-Đình-Hoa.

Cái nghề cầm bút đã được một văn-sĩ Pháp mệnh danh là nghề « làm dĩ ». Vậy thì kẻ viết báo dưới thời thực-dân áp-bức, cũng chẳng hơn gì cô « thương nữ ». Ấy mà vẫn cứ phải viết, chẳng khác nào nàng ca-kỹ « chẳng biết hận nước mà cứ đứng bên song ca mãi khúc Hậu-Đình-Hoa ».

Tôi suy nghĩ thấy cái hay của bút hiệu u-buồn ấy. Lại nữa, trong lúc viên thủ-lãnh thuộc địa Nam-Kỳ nổi giận đuổi Bùi-

Thế-Mỹ về Huế, thì ký-giả họ Đào chẳng lo gì có kẻ « thọc mét » sẽ cắt nghĩa bút hiệu của anh với « quan thầy » chúng và có thể làm cho anh cuốn gói ra Hà-nội sớm.

Mặc kệ ! Hàng ngày Đào-Trình-Nhất vẫn phải ca hát và tạm quên cái hôn nước mất.

Khi mới xuất thân trong làng báo Bắc-Hà, năm 1921, viết cho « Thực-Nghiệp Dân Báo » họ Đào đã ký bút hiệu « Tinh-Vệ » cũng hàm-xúc một dụng-ý như bút hiệu « Hậu-Đình ».

« Tinh-Vệ » kêu gọi trong đầu óc người đọc cái ý nghĩa một người dân mất nước, mang nặng một mối căm hờn. Chim Tinh-Vệ là hồn con gái Viêm-Đế bị chết đuối oan dưới biển, quyết tâm tha đã để lấp biển báo thù.

Vốn lại là con của một nhà

tức nho cách-mạng, cụ Đào Nguyên-Phổ đã có tên tuổi trong vụ « Đông Kinh Nghĩa Thục », anh Đào Trinh Nhất lấy bút hiệu « Tinh-Vệ » trong thời thực dân cũng là một sự dụng ý.

Đó cũng là cái khi-tiết chung của con người ký giả không quên được nước.

Một cử chỉ nữa làm cho tôi phục Đào-Trinh-Nhất là trong khi viết báo « Đuốc Nhà Nam » dưới bút hiệu Nam-Chúc và giữ mục « Câu chuyện hàng ngày » cũng châm biếm thể sự, Đào-Trinh-Nhất chọc gan mấy ông trưởng tòa (thừa phát lại) vì thái độ khiếm nhã của mấy ông.

Nguyên là hồi đó, Trưởng Tòa được ai nhờ tổng đạt trát cho một người nào, họ cũng gọi là « tên » nọ « tên » kia hoặc « nó » và xưng mình là « ta » đầu người nhận trát có địa vị đi nữa.

Nam Chúc tức về chỗ khinh người ấy, — có lẽ là lỗi của thông dịch viên tòa án ; — anh bèn đặt ra một bức thơ tưởng tượng gởi cho trưởng tòa đại ý như sau đây :

« Ta là ông Nguyễn-văn-Mit trả lời cho « tên » trưởng tòa Hoàng

văn-Soài rằng « ta » đã nhận được trát của « nó » đòi nợ cho thân chủ « nó ». Song « ta » chưa có tiền nên « ta » đề nghị với « nó » để cuối tháng « ta » lãnh lương rồi sẽ trả nợ cho ».

Trưởng tòa có thể gọi tự nhơn là « nó » và tự xưng là « ta » thì tự nhơn Nam-Chúc sợ gì mà chẳng « trả đũa » bằng chính những danh từ vô lễ ấy.

Hồi đó Chương-lý các tòa án là ông Lafrique có tiếng là gắt gao nghiêm khắc với làng báo ; vậy mà thấy tờ báo công kích trưởng tòa vô lễ, ông không buồn mà còn cho lệnh trưởng tòa thay đổi văn tự trong công văn, không được « ta, mày » nữa.

Con người tinh thần của Đào Trinh-Nhất là như trên : một con người bất khuất, dầu có phải bề bút liệng đi, cũng còn hơn nịnh bợ kẻ giàu tiền nhiều thế.

Về hình thức bề ngoài thì anh có vẻ lạnh lùng, thận trọng, không vội gây thiện cảm với người sơ giao, nhưng ai đã quen biết với anh lâu năm, đều thấy lòng anh rất tốt. Anh thân mật, cởi mở với ai đã thành bạn tri âm của anh.

Xin đề cử ít lời của ông

Nguyễn-Đắc-Lộc, người bạn của anh Nhất từ thuở hàn vi, người hiểu rõ anh hơn ai hết :

« Được hân hạnh quen biết cậu thư sinh học trò trường « Quan Đốc học Nguyễn-đình-Tuân » tỉnh Đơ từ năm 1909, — cậu Nhất mới 10 tuổi, — tôi đã hâm mộ tài học của Nhất mà tôi rất lấy làm sung sướng kết bạn từ bấy đến nay ; từ tuổi thanh-mi cho đến lúc bạch phát, chúng tôi vẫn thân mến mà vẫn kính trọng nhau, hoàn toàn giữ lễ độ trong Nho giáo.

« Không suồng sã, không vờ vập, không quá thân, không quá sơ, lúc nào cũng hồn-nhiên, lúc nào cũng hiền hậu, lúc nào cũng chung thủy, lúc nào cũng kín đáo vui vẻ, Nhất không thay đổi tính tình...

« Cái tính thực-thà tự nhiên của anh làm cho người ta khó chịu mà ngộ nhận ở anh một nét xấu : làm bộ, làm phách, khiến người ta dễ ghét hơn dễ thương. Anh có ít bạn bởi sự xã giao vụng về của anh ; chỉ tại anh quá thực thà đối với anh và đối với đời nữa. Đời thích nịnh hót, anh không ưa nịnh hót ; đời thích giả dối, anh không ưa giả dối. Anh ưa tự-nhiên đối-ngộ cùng bạn hữu, cùng người sống chung

quanh, cùng người đời... Nhưng mà đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, đã là tri kỷ thì anh cũng tri kỷ như ai ; đã là chỗ tri âm thì cũng tri âm như ai. Anh không cầu ai mà cũng chẳng cạnh ai ».

Vài nét đề cử trên đây đủ mô tả con người của Đào Trinh Nhất.

Cần phải nhắc thêm điểm nữa là vào làm ở tòa soạn báo nào, Nhất cũng giữ một trọng trách, không chủ bút thì tổng thư-ký tòa soạn, vậy mà không bao giờ anh nêu chức tước trên tờ báo.

Người quen biết mới nhận ra anh là linh hồn của tờ báo.

Sẵn có một cái vốn Nho-học và Tây-học dồi dào, phong-phú, Đào-Trinh-Nhất viết văn rất giản-dị, bình dân, đọc lên là hiểu liền, không cần một óc suy-nghĩ. Văn của anh thật là lối văn viết báo, rất đặc dụng với báo hằng ngày.

Nhờ lối viết giản dị dễ hiểu ấy mà học thuyết Vương Dương Minh đã được anh trình bày trên báo một cách lý-thú, hấp dẫn, khiến người đọc không chán, càng đọc càng muốn đọc tiếp theo. Các bạn thanh niên tân-học, thiếu chữ Hán, đã nhờ đọc những bài biên khảo

của Đào Trinh Nhất trên báo «Trung Bắc Chủ Nhật» mà an-tưong được triết lý của họ Vương.

Vốn dĩ thông minh, anh lại còn là người hiếu học nữa. Dầu những lúc không giúp báo nào, đồng tiền eo-hẹp, anh vẫn mỗi tuần lễ tới nhà sách Portail ở đường Catinat Saigon, ôm một xấp báo chí về đọc. Hồi anh sang Pháp, với tư-cách một kẻ giang hồ đi cho biết đó biết đây, chớ không phải du học sinh, anh cũng thường nằng lúi tới «Thư Viện Quốc Gia» ở Ba-lê để sưu tầm tài-liệu, những sử-liệu rất quý-giá mà ở nước nhà không Thư-viện nào có được; anh còn không bỏ phí thi giờ, còn đến dự các lớp học của trường Đại học Sorbonne nữa.

Tinh hiếu học và ham trau-giồi nghề-nghiệp đã giúp cho anh sống mãi với nghề từ năm 1920, đến 1951, trong 30 năm trường; cho đến những tháng cuối cùng anh cũng hãy còn cộng tác với mấy tờ báo tại Saigon. Trong khi ấy từ bao nhiêu bạn đồng nghiệp cùng thế hệ với anh đã phải rút ra khỏi nghề cầm bút, hoặc vì tuổi cao sức yếu, hoặc vì không tiến kịp đề thích hợp với trào lưu lý-tưởng và văn nghệ.

Ba mươi năm trên đàn văn trận bút, kiếp tâm đã nhả biết bao nhiêu là tờ. Công trình của anh phần nhiều là những bài đăng trong các nhật báo; các sách xuất bản của anh không nhiều lắm, chỉ gồm một số ít cuốn mà đều là những cuốn có giá trị đóng góp vào kho sử liệu và văn-hóa nước nhà.

Xuất thân khoảng năm 1920-1921, Đào-Trinh-Nhất khởi sự viết báo tại Hà-nội, làm biên-tập-viên cho «Hữu-Thanh Tạp-chí» và «Thực nghiệp Dân-Báo» rồi nắm bút quyền tờ «Trung Hòa Nhật Báo» một cơ quan công-giáo của Nhà Chung.

Hồi có tờ báo Pháp «France-Indochine» ra một phụ trương bằng quốc-ngữ lấy tên là «Đồng Pháp» và mời Đào-Trinh-Nhất làm chủ bút tờ phụ trương này.

Thấy xứ Nam-kỳ được quyền ngôn luận tương đối tự do hơn ở Bắc-kỳ là xứ bảo-hộ, nên năm 1924, anh Nhất rời Hà-nội, vào Saigon và ra mắt độc giả miền Nam bằng một cuốn biên khảo công phu: «*Thế lực khách trú và vấn đề di-dân vào Nam-kỳ*».

Cuốn sách của anh làm xôn xao dư-luận và được nhiều giới chú-ý, vì anh đã mô xẽ

một vấn đề liên-quan đến tiền đồ đất nước. Anh giao - du một hồi với các nhà tri-thức Nam-Kỳ, những người lưu tâm đến tương lai xứ sở, rồi năm 1926, nhân có phong-trào thanh niên du-học ngoại-quốc, Đào Trinh Nhất trốn sang Pháp, với mảnh lối thông thường của người muốn xuất ngoại hồi đó: anh xin làm tàu rồi đến Marseille tìm cách xin thôi việc để ở lại đất Pháp.

Năm 1929 anh trở về Saigon, dùng sở năng của anh mà phụng sự văn-hóa trên báo chí.

Cộng tác với tờ «Đồng Pháp Thời Báo» rồi «Thần Chung» — hai tờ báo do ông Diệp Văn Kỳ khai thác — Đào Trinh Nhất đã cùng một nhóm ký giả cả tân học cả cựu học làm một cuộc cách mạng trong làng báo Việt-Nam. Học được những kỹ-thuật mới của nghề làm báo ở Ba-lê, anh đem áp-dụng một phần nào cho báo chí nước nhà. Nhờ vậy mà từ tờ «Đồng Pháp Thời Báo» do ông Diệp Văn Kỳ mướn của người khác đến tờ «Thần Chung» do chính ông Kỳ được phép xuất bản, Đào-Trinh-Nhất cùng các bạn đồng sự đã tung ra một tờ báo mới với bộ mặt cùng nội dung hoàn

toàn mới, chưa từng thấy trong làng báo Việt-Nam từ Saigon tới Hà-nội.

Cả 2 tờ báo ấy đã mở một kỷ nguyên mới cho làng báo nước nhà.

Sau khi «Thần Chung» bị rút giấy phép vì những tư tưởng quốc-gia, Đào-Trinh-Nhất nghỉ ít lâu rồi được bà Nguyễn-Đức-Nhuận, chủ nhiệm tuần báo «Phụ-Nữ Tân-Văn» mời về cộng tác; tất cả những cây bút có tiếng trong tòa soạn cũ «Thần Chung» cùng anh gia nhập tòa soạn tuần báo của bà Nhuận.

Đào-Trinh-Nhất có nhiều sáng kiến làm «Phụ-nữ Tân-Văn» thành một cơ-quan chung của phụ-nữ từ Nam ra tới Bắc. Đây là lần thứ nhứt, một tờ báo có một số độc-giả kỷ lục, phổ biến trong toàn-quốc (Hồi ấy còn có tờ «Tiếng Dân» của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng cũng có bán ở Hà-nội và Sài-gòn, song không phổ-biến rộng rãi bằng P.N.T.V.).

Sở dĩ có nhiều độc giả ham đọc «Phụ Nữ Tân Văn», vì ngoài những vấn đề phụ nữ, tòa soạn còn viết những vấn đề học thuật, tư tưởng có ích chung và vừa trình độ các tầng lớp dân chúng, nhứt là phái thanh-niên đang muốn học hỏi.

(Còn nữa)

đêm buồn

Ý thơ dâng hương.
Tình tôi dâng Thương
Hồn tôi vẫn vương.
Người nơi tha phương.

Tình thương dạt dào
Lòng tôi ước ao.
Rồi đây biết sao?
Người đi phương nào.

Tình ai hững hờ
Hồn ai trong mơ.
Người trong tâm thơ,
Ngày đêm mong chờ.

Sương rơi bên thềm,
Hồn nghe êm êm.
Trời khuya im lìm,
Buồn trong con tim.

Gió xuyên qua màn,
Trăng treo đầu cành.
Chuông chùa điểm canh
Hồn mơ mong manh.

Đèn khuya dần tàn,
Buồn trong tâm can.
Tiếng ai thở than
Sầu lên mê man.

DUY - NHẤT

(Biểu-Chánh — Phước-Hưng)



khúc c h a

Gửi Phan thị Mỹ-Khanh,
người đã khóc cha như tôi

Có những chiều thu nhạt nắng vàng
Thần-thờ tôi đứng tựa hành-lang,
Đăm đăm nhìn phía chân trời thăm,
Mường tượng cha hiền bước... bước... sang.

Rồi rít gọi anh « Ra đón tiếp !..
Cha về ! », ngập tiếng nói cười vang...
Nhưng mùa thu hết, rồi thu hết,
Giấc mộng than ôi, khéo bề-bàng !



Thương nhớ ngày nào lúc có cha,
Bà, ông, cháu, chắt, hợp vui nhà.
Mím cười, cha nhủ : « Con tôi lớn,
Mà cứ tưởng còn đốt pháo hoa !.. »



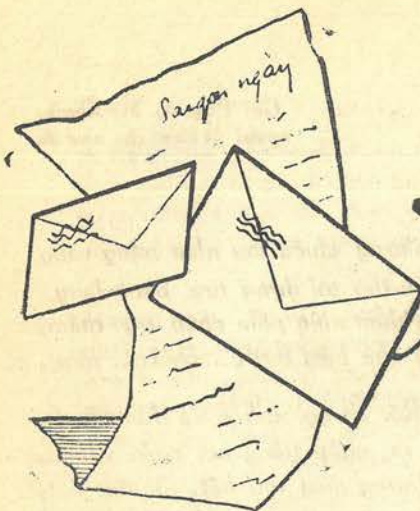
Bỗng một chiều Đông quá phũ-phàng,
Cha tôi vĩnh-biệt ! Một trời tang !
Hồn qua thế giới mờ hư ảo
Xác lịm nằm trong tấm áo hàn.

Vạn vật mờ phai trước mắt tôi
Cục đầu... chẳng thốt được nên lời !
Thôi, còn đâu nữa mà mong ngóng.
Biền-biệt xa cha suốt... suốt... đời !

THU-NHI
(Phan-Thiết)

HAI LÁ THƯ

Một chuyện tình



KÍNH ÔNG,

★ HOÀNG-THẮNG

TÔI xin ông thứ lỗi cho, khi tôi tự tiện viết bức thư này để gửi đến Ông. Thật ra Ông và tôi chưa quen biết nhau, nhưng sau khi đọc bài S.T. tôi thông cảm ngay đến tình cảnh Ông.

Nếu đúng, Ông là người trong câu chuyện, tôi xin san sẻ nỗi đau thương ấy với Ông một cách thành thật.

Chúng ta nên biết rằng, từ ngàn năm xưa đến nay, biết bao nam-nhi đều là nạn nhân của đàn bà — hay phụ-nữ — nói chung ! Đau khổ rồi âm thầm chịu đựng trước cảnh phụ-phàng phản-bội của họ. Thế mà phụ-nữ kêu rêu là chúng ta, đàn ông làm khổ đàn bà.

Trên báo chí, hay tuồng hát, các lỗi đều lại đổ dồn cho phái nam-nhi.

Hơn lúc nào hết hiện giờ phụ nữ chỉ theo lời gọi của vật-chất, địa-vị. Họ không thiết tha đến tinh thần, tình cảm gì nữa... Thương hại cho nam-nhi nào đa cảm, muốn đeo đuổi một tình chung thủy, mà thiếu kém về vật chất..!

Đàn bà bỏ rơi đàn ông dễ dàng quá. Đàn ông sanh ra để phải chịu đau khổ vì đàn bà !

Đối với tâm trạng phụ nữ hiện giờ, chúng ta không biết

đối phó cách nào để tránh khỏi nỗi đau thương ?

Có nên đừng yêu phụ-nữ, xem phụ-nữ một cách lơ đãng, hững hờ, đừng « thần-thánh hóa » họ, hay xem họ như « tiên nga » ở trần thế chẳng ? Nhất định đừng quan tâm đến họ hay là nuôi ý chí thù hận phụ-nữ ?

Tôi rất sợ phụ-nữ ! Cọp, sư-tử là thú dữ nhưng ta tránh được, vì không lại gần chúng. Còn phụ-nữ thì... chúng ta lại phải sống chung giao-thiếp hàng ngày.

Đời đảo ngược : đàn ông không còn là ong bướm đi tìm hoa mà là trái lại.

Nếu có gặp phụ nữ, chúng ta chỉ biết họ ngày ấy thôi, đừng bao giờ trông mong họ đến ngày mai nào khác nữa. Tình nguyên-ử là thế.

Tôi mong ông, lúc nào rảnh, hãy viết bài giống như bài S.T., nêu lên cảnh phụ-phàng mà phụ nữ gây ra cho giới nam-nhi, để an ủi những ai lâm vào cảnh ngộ ấy.

Trân trọng chúc ông được vui khỏe để sáng tác.

TRẦN-ANH

★

SƠN MẾN,

Câu chuyện tình của mình và Tính cậu cũng đã rõ, mình khỏi cần nói lại làm gì, nhưng có điều quan trọng nhất mà cậu không biết.

Từ khi cậu về Bạc-Liêu tới giờ, mình cũng không gặp Tính nữa. Nàng đã dọn nhà đi nơi khác. Mỗi tối chiều hôm qua mình mới gặp lại nàng do một sự tình cờ.

Trông thấy mình, Tính reo lên, vui mừng. Nàng bảo : « Em mới nhờ mấy người quen nhắn với anh là em ở đây thì anh tới ».

Lúc sau này Tính mập hơn trước nhưng mình nhận thấy trong ánh mắt của nàng có vương một nỗi buồn thăm kín.

Mình hỏi Tính về mối tình của hai người thì nàng buồn bã trả lời :

— Bây giờ em không dám nghĩ gì hết. Em phải đi làm để giúp đỡ thêm gia-đình và các em.

Mình buồn bực hỏi nàng : « Thì em cũng phải nghĩ tới em nữa chứ ». Tính chép miệng : « Những lúc này em chẳng dám nghĩ tới em nữa. Đời em khổ nhiều rồi, anh cũng biết đấy. Bây giờ em cứ mặc rồi nó muốn ra sao thì ra ».

Mình thắc mắc hỏi lại : « Hay

là tại xa nhau ít lâu rồi em quên anh chàng ? ». Tinh tỏ vẻ không bằng lòng lời nói của mình. Nàng bảo : « Không phải thế. Em vẫn nhớ anh, nhưng em thấy lúc này, em không dám nghĩ tới em nữa. »

Mình nhìn thẳng vào đôi mắt Tinh. Nàng chớp mau mắt đã long lanh ướt rồi quay mặt nhìn đi nơi khác. Mình cũng không biết nói sao, tinh sao cả. Cứ thế này mãi có lẽ cả Tinh lẫn mình cứ phải sống trong sự cô độc, trong mong đợi và phập phồng nữa.

Trước khi về, mình chỉ nói nhỏ với Tinh : « Dù thế nào chăng nữa, em vẫn không quên anh chứ ? »

Tinh lặng lẽ gật đầu, đôi mắt vẫn buồn mông lung. Nhìn ra đường, mình chợt nhận thấy mây đen đột nhiên ùn ùn kéo tới che lấp ánh mặt trời gay gắt, nên nói với Tinh : « Em coi lại sắp có cơn mưa bóng mây ».

Rồi mình cũng chợt nhớ tới một trận mưa đột ngột hồi mình với Tinh làm lành với nhau. Giờ đây, tình của mình và Tinh cũng đang đen tối như đám mây đang lan nhanh trên trời cao. Mình thầm nghĩ : « Biết tới bao giờ mới hết những đám mây đen ? »

Son mến,

Mình sẽ viết thư cho cậu biết tin khi nào những đám mây bao quanh mỗi tình của mình và Tinh đã tản đi phương trời khác.

Thân,
NGỌC



Ngọc ngồi trầm ngâm hất hết diếu thuốc này lại mỗi diếu khác. Anh thấy xót xa, tim đau nhói khi biết mình đang mất dần người yêu.

Người con gái mà anh đang đặt hết hy vọng vào nàng đang tuột dần ra khỏi sợi giây tình ái.

« Tinh ! Tinh ! » Ngọc kêu thầm trong cổ họng. Anh không muốn gọi to vì Tinh vẫn ngồi trước mặt anh, nửa thân người lấp sau quầy tiền màu tối xẫm.

Đưa ly rượu lên môi, anh ngấm nàng qua ly nước. Hơn lúc nào hết, anh thấy Tinh đẹp một cách man rợ. Đôi mắt long lanh sáng, mớ tóc uốn thả dài quá bờ vai. Khi nàng mỉm cười, đôi mắt hơi khép nhỏ lại trông quyến rũ làm sao !

Mới cách đây ít phút, Tinh đã đáp với anh một cách thân nhiên, hững hờ quá.



Cứ nghĩ lại những lời nói của nàng, anh thấy lòng sôi lên một niềm uất ức.

Tinh có thể thế được ư ?

Hộp chút bìa anh thấy đắng ngắt chứ không ngọt lịm mới như hồi nãy.



...« Tinh, anh nghe nói dạo này em hay đi chơi với người ta quá, có khi cả những người nhiều tuổi nữa. Họ thấy

em ngồi băng sau xe Vespa hoặc Lambretta. »

« Anh nghe người ta đồn làm gì. Em cũng có nghe nói lại như thế, nhưng họ nói mặc họ, em chỉ biết tin em là được rồi.

Luôn luôn em ngồi ở cửa hàng từ sáng tới tối, khi đóng cửa em thuê xe về luôn nhà ngay.

Chính vừa mới đây có mấy người tới. Họ xầm xì nói với nhau có gặp em ở tiệm nhầy. Có người lại còn nói, chính họ có nhầy với em mấy bài. Sự thật em chẳng biết nhầy là cái gì và cũng chưa hề bước chân tới một tiệm nhầy nào cả. »

« Nhưng chính má cũng nói với anh, có hôm em về muộn, hôm về sớm. Khi người này đưa về, khi người khác, má có khuyên em nên nghỉ nhưng em không chịu nghe. »

« Em biết có người yêu em lắm nhưng em không hề để ý tới người ta. Chính anh ấy đã tới nhà nói chuyện với má em những chuyện trong tự như trên rồi khuyên má em đừng cho em đi bán hàng nữa. »

« Em có biết tại sao anh lại hỏi như thế không ? »

« Cũng có nhiều người hỏi như anh. »

« Nếu em nói vậy thì em coi anh cũng như mọi người hay sao ? »

★

Ngọc bực tức dần mạnh lý tưởng mặt bàn. Khối nước màu vàng nhạt sóng sánh khắp ra ngoài. Tình giết mình ngừng nhìn anh. Thấy nét mặt Ngọc lộ sự giận dữ, người con gái vội nhìn ra ngoài lộ.

— Tình ! Em !

Người con gái quay mặt lại, chờ đợi.

— Anh biết giờ đây em được tự do nhiều hơn là hồi còn ở với gia đình. Cũng vì thế, những cái gì đẹp nhất của tình yêu đã bị tan vỡ vì sự tự do thái quá của em. Anh biết em không còn nghĩ tới anh nữa. Em không nói, anh cũng biết rõ như vậy. Thôi được, giả từ em.

Nhìn người yêu một lần chót để ghi hình ảnh cuối cùng của

nàng, Ngọc bỏ ra về, lòng sầu vơi vợi. Dù sao anh cũng không quên được nàng.

★

Anh Trần-Anh, Mạn phép anh, tôi được gọi bằng anh cho thân mật dù chúng ta chưa hề biết nhau.

Những hình ảnh mà anh vừa được biết, chính là của tôi vậy. Nhưng dù sao chúng ta cũng không nên trách đàn bà. Họ chỉ là những kẻ đáng thương hơn đáng giận vì họ chỉ là những con thiêu thân mà thôi.

Chính hoàn cảnh đã đưa đẩy họ tới sự quyết-định !

Xem như vậy, chúng ta cũng không nên oán trách ai hết, chính mình hãy tự trách mình trước đã. Tại sao ta không có đủ điều kiện để làm thỏa mãn những ý muốn của họ ?

NGỌC



★ Danh ngôn

Thà đi mà chân què còn hơn là ngồi luôn một chỗ.

Tục-ngữ NGÀ

NHÂN-VẬT



Lưu Thư ...

S AU khi lưu lạc 19 năm ở ngoại quốc Công-Tử Trùng-Nhĩ được, vua Tần đưa về nước làm vua lấy hiệu là Tần-văn-Công. Nhưng ông vua mới này còn mắc thêm một tai-nạn nữa, tưởng rằng đã

mất cả ngai vàng lẫn sanh mạng.

Ông bị bọn hàng-thần mưu phản nhưng lại được một hàng thần cứu nguy. Bọn hàng thần mưu phản do Lữ-Tĩnh, Khước-Nhuế cầm đầu. Lữ, Khước là quyền-thần của hai tráo vua trước đã thẳng tay diệt trừ phe đảng của Trùng-Nhĩ. Chính lão thần Hồ-Đột đã chết về tay bọn chúng như đã nói ở một bài trước. Nhưng khi Trùng-Nhĩ về nước được binh Tần ủng hộ, chúng bèn trở cò mà chạy theo vua mới.

GIA-BỘT-ĐỀ

★ THIẾU-SƠN

Mặc dầu vậy chúng vẫn nơm nớp lo sợ không biết tàn quân có quên được những mối thù xưa mà tha thứ cho chúng không? Nhơn đó mà chúng mưu phản tính dốt hoàng cung, giết Văn-Công để lập ông vua khác. Phe đảng chúng còn nhiều nhưng chúng thấy cần phải kết nạp thêm một người đắc lực. Người đó là Gia-Bột-Đề.

Bột-Đề đã phục vụ 3 trào : Hiến Công, Huệ Công và Hoài Công. Hiến Công đã sai chàng qua đất Bồ để giết Trùng Nhĩ. Trùng Nhĩ chạy thoát nhưng chàng cắt được một ché áo đem về. Huệ-Công đã sai chàng qua nước Địch để ám sát Trùng-Nhĩ nhưng lần này cũng thất bại vì Trùng-Nhĩ đã biết trước mà lánh xa. Tuy thất bại nhưng lần nào chàng cũng hăm hồ quyết-tâm và được cả hai vua nhìn nhận là chàng đã cố gắng. Hiếu-Công là cha Trùng-Nhĩ, Huệ-Công là anh Trùng-Nhĩ. Cha cố tình giết con, anh cố tình giết em, chàng chỉ là một kẻ thừa hành phận-sự, chàng cũng cố tình làm tròn nhiệm-vụ, không động tâm, không dè-dặt, không nhơn tay.

Lựa Bột-Đề, Lữ, Khước tưởng rằng đã lựa được đồng-minh đầy-đủ tín-nhiệm. Lữ Khước bắt Bột-Đề đã tỏ ra hoàn-toàn đồng-ý.

Nhưng lần này Bột-Đề thấy lòng mình thắc mắc và nảy ra những ý nghĩ như sau : « Ban đầu vương lệnh Hiến Công đánh tại Bồ thành, sau vương lệnh Huệ-Công qua Địch-quốc, ấy là chỗ vua Kiệt sửa vua Nghiêu, ai vì chủ nấy. Nay Hoài-Công đã thác, Trùng-Nhĩ lên ngôi, nước Tấn vừa yên, lại bày ra một cuộc đại-nghịch vô đạo. Nếu Trời, người giúp Trùng Nhĩ thì mình cũng chưa ắt làm nên. Mà dẫu giết được Trùng Nhĩ rồi, những kẻ từng vong biết bao nhiêu là hào kiệt, có lẽ chúng tha cho mình đứng sống hay sao? Chỉ bằng ta đến tận quân không cáo, ấy là chỗ chứa mình. »

Bột-Đề bèn tới nhà Hồ Yển xin cho vào yết kiến Văn Công để nói chuyện cơ mật. Văn Công nể lời Hồ Yển nhưng dạ còn chưa nguôi nên sai nội thị ra truyền trách rằng : « Mày chém đứt vật áo tao, áo hầy còn đây, ta mỗi lần thấy thì teo ruột, sau mày còn đến nước Địch đâm ta nữa.

May trời giúp ta không làm độc thủ. Nay ta về nước, mày còn mặt mũi nào ngó ta. Mau mau trốn đi, chậm thì ắt chết. » Bột-Đề cười lớn mà nói rằng : « Chúa công lưu lạc 19 năm trời, sao thể tình chưa am hiểu. Tiên-quân Hiến-Công cùng chúa công là cha con, Huệ-Công với chúa công là anh em, cha thù con, anh thù em, huống chi là Đề. Hồi đó Đề chỉ biết Hiếu, Huệ mà thôi, nào có biết chúa công ở đâu. Thuở trước Quân-Trọng vì Công-Tử Cừ bắn Hoàn-Công trúng nơi áo giáp, Hoàn-Công vẫn dùng mà làm nên nghiệp bá. Chẳng cho tôi ra mắt chẳng hại gì cho tôi. Chỉ e tôi đi rồi họa sẽ đến với chúa công chẳng xa. » Văn-Công cho Bột-Đề vào cung. Bột-Đề chẳng thêm xin lỗi, chỉ lạy hai lạy cung-hạ mà thôi. Văn-Công hỏi : « Ta nổi ngôi đã lâu sao hôm nay ngươi mới cung hạ ? » Bột-Đề thưa : « Chúa-Công lên ngôi chưa đủ mừng. Đặng Bột-Đề này, ngôi chúa công mới vững. »

Văn-Công nghe lời quái gở bèn đuổi kẻ tả hữu ra hết rồi biểu Bột-Đề bày tỏ điều cơ mật cho nghe. Bột-Đề đem hết mưu

mô của bọn Lữ, Khước nói ra hết rồi thưa :

« Nay phe chúng nó đã sẵn khắp thành, chúng lại tụ binh các phong ấp nữa. Chúa-công phải thừa dịp cùng Hồ Quốc-Cừ mặc đồ thường lên ra khỏi thành tỵ nạn, qua nước Tấn xin binh về dẹp mới yên. Còn tôi ở đây hòng giết quân nội ứng của chúng nó ». Tấn văn Công y theo kế đó cùng Hồ-Yển chạy qua Tấn. Âm-mưu của bọn phản loạn bị phá vỡ. Lữ-Tĩnh và Khước-Nhuế bị quân Tấn gạt rồi bắt giao cho Tấn-văn-Công. Bọn phản loạn phải đền tội. Gia-Bột-Đề được thưởng công. Trước khi chết bọn Lữ, Khước còn khai : « Bột-Đề có chung mưu uống huyết ăn thề, xin xử Bột-Đề đồng tội. » Văn-Công cười gằn nói : « Nếu Bột-Đề không uống huyết làm sao biết dặng mưu bày ? » Nói rồi nhà vua kêu võ-sĩ bắt giao cho Bột-Đề giám-trảm. Văn-Công còn sai Bột-Đề đem đầu Lữ, Khước chiêu vỗ nhân-dân.



Gia-Bột-Đề là một điển-hình

tàn-nhân của đa-số quần-thần thời phong-kiến. Câu nói : « Chó vua Kiệt sủa vua Nghiêu » đã bị lạm dụng một cách trắng trợn. Nhưng vua Kiệt không bà con gì với vua Nghiêu nên chó vua Kiệt mới sủa vua Nghiêu như sủa một người xa lạ. Còn Hiên-Công là cha, Huệ-Công là anh thì chó của Hiên-Công và Huệ-Công đâu có xa lạ gì với Trùng-Nhĩ và chắc chắn không bao giờ chịu sủa người trong nhà. Hơn nữa, Bọt-Đề đâu phải chỉ làm chó sủa mà còn làm chó cắn, cắn cho chết người trong nhà, một việc mà không bao giờ chó làm.

Ta không trách Bọt-Đề khi lãnh sứ mạng đi giết Trùng-Nhĩ, ta chỉ trách chàng sao dám ví mình với chó của vua Kiệt.

Thiếu gì kẻ đã thờ nhiều trào vua liên tiếp đối địch lẫn nhau. Nhưng Bọt-Đề hơn hẳn mọi người ở chỗ tận tụy như chó mà thiếu hẳn lòng kiên trì của chó. Chó nào biết chủ này nhưng Bọt-Đề không một chủ nào. Ai có quyền-thể là làm chủ nó được.

Phải chi khi lãnh mạng đi giết

Trùng-Nhĩ chàng cũng có đôi chút động tâm, cũng biết phê-bình cử chỉ vô luân của Hiên-Công và Huệ-Công, cũng biết nhòm gó cái công-tác của mình thì những lời chàng đã nói với Văn-Công mới đáng cho ta lưu ý một phần nào.

Chàng còn đại-ngôn ví mình như Quân-Trọng khi bán Tề-Hoàn-Công.

Thật ra thì chàng với Quân-Trọng cũng do một động-cơ thúc đẩy là cả hai người đều chỉ nghĩ tới mình, tới quyền lợi của mình chứ không cần trung thành với ai cả. Nhưng Quân-Trọng biết mình có tài an - bang tế-thế, cần phải thờ một minh chủ để thi thố cái tài-trí của mình. còn Bọt-Đề chỉ là một kẻ thất phu chỉ cần có chủ nuôi chó không cần gặp minh-chủ cho nên ai cũng có thể làm chủ nó được đầu đó là Hiên-Công, Huệ-Công, Hoài - Công hay Văn - Công Trùng-Nhĩ.

Những người như Bọt-Đề tới nay cũng vẫn còn. Ngay ở những nước được gọi là văn-minh

hay dân-chủ cũng còn biết bao nhiều người vì chén cơm, manh áo mà buộc lòng phải làm những việc trái lương-tâm, phải nhúng tay vào máu của những kẻ không oán, không thù để thi hành những mạng lệnh mà mình không quyền cãi lại. Nhưng hơn loại đã tiến nhiều theo chiều hướng dân-chủ thì đâu có phải làm những

công-việc như Bọt-Đề người ta cũng không có thể trắng trợn và tàn nhẫn như Bọt-Đề của thời Xuân-Thu. Được thế là nhờ người ta đã thấy xa hơn một ông vua phong-kiến, vì ngoài chánh quyền còn có nhân-dân và trên Tổ-quốc còn có Nhân-loại.

THIỆU-SƠN



★ Giá học-sinh

Một bà mới nói với nhà gái :

— Thưa, ông bà định thách nhà trai bao nhiêu ?

— Dạ thưa, mọi sự phí tổn về đám cưới thì xin nhà trai đài thọ cả, còn tiền mặt thì xin 10.000 đồng để sắm chút ít nữ-trang cho cháu thôi ạ.

— Vâng, số ấy kẻ cũng vừa phải. Nhưng tôi cũng xin thưa để ông bà biết, cậu đó đang là học-sinh. Đi ô-tô-buýt và xe lửa họ còn giảm tiền hưởng hồ việc này, vậy xin ông bà cũng theo đó mà giảm bớt 50...%.

ĐỖ-TIẾN-LỘC
(Qui-Nhơn)

LOÀI
KHỈ

LOÀI
NGƯỜI

★ HUỲNH-ANH-KIỆT

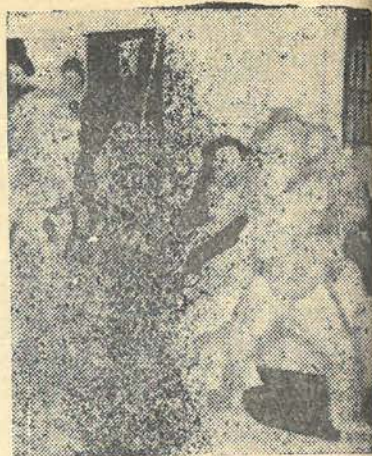
CÁC loài khỉ giống hình người gồm có : dã-nhân ở Á-châu, khỉ đột và hắt-tinh-tinh ở Phi-châu.

Chúng không có đuôi, thân hình cao lớn và có thể đi hai chân sau như người. Ngoài ra, giác quan, tạng-phủ, sinh-lực-khí, phản-ứng-huyết và hình dáng tinh-dịch của chúng cũng giống như của người. Về cơ-quan sinh-dục thì khỉ đực có một khúc xương ở bên trong còn khỉ cái thì thiếu xử-nữ-mạc.

Thời-kỳ kinh-nguyệt của khỉ cái cũng có hai biến-tượng như của đàn-bà : biến-tượng bao-noãn-tinh và biến-tượng hoàng-

thể-tinh (phases folliculaire et lutéinique). Khi một đời-thai vừa được một tháng rưỡi thì người ta khó mà phân-biệt được đó là phôi-thai của người hay của khỉ.

Sự hoạt-động tinh-dục của chúng cũng không bị hạn-định trong thời-kỳ động-ồn như các loài có vú khác, mà có thể có bất cứ lúc nào trong năm. Chính sự liên-quan mật-thiết giữa người và loài vật không-lở này, nhất là với giống hắt-tinh-tinh, đã cho phép bác-sĩ Serge Voronoff ghép một cách có hiệu-quả dịch-hoàn của khỉ đực cho những người đàn-ông lão-suy cho họ trẻ lại và thêm sức lực, và cả noãn-sào của khỉ cái cho những người đàn-bà đứng tuổi muốn hồi-xuân.



I. - DÃ NHÂN

Danh-từ này, ta dịch ở hai tiếng Mã-lai Orang-outan có nghĩa là người rừng. Ta còn gọi con vật này là dười-ươi hay sơn-nhân. Người ta chỉ gặp dã-nhân trên hai đảo Bornéo và Sumatra.

Dã-nhân có một thân-hình nặng-nề, lưng cong, ngực đẹp, bụng phệ, hai chân sau ngắn ; hai chân trước dài hơn nhiều, ta có thể nói đó là hai cánh tay vì dã-nhân vận-dụng hai cánh tay và hai bàn y như người vậy. Khắp thân mình nó, trừ ở mặt, đều có lông dài màu xám sậm hay hung hung bao-phủ. Đứng trên hai chân sau, dã-nhân cao độ 1th30 và nặng lối 80 ki-lô ; con cái thì thấp và nhẹ hơn.

Dã-nhân bề nhành lá để làm ổ trên những cây rậm rạp. Khi ngủ nó nằm ngửa hay nằm nghiêng, dùng cánh tay gối đầu, còn hai bàn tay bám lấy cành lá ; trong lúc ngủ nó cũng ngáy như người. Ngủ trên một ổ liên-tiếp trong ba bốn đêm rồi lại dời chỗ khác. Gặp những đêm mưa gió, nó lấy cành lá bao phủ cả mình. Đến sáng khi mặt trời mọc lên rồi, dã-nhân mới rời khỏi ổ để đi kiếm thức ăn gồm có trái, mầm non, rễ, măng tre và nhất là sâu-riêng và trứng

chim là hai món mà nó thích nhất. Đói lắm nó cũng xuống mé rạch để bắt cua, sò mặc dù nó không ưa những chỗ có nước.

Cử-động của dã-nhân chậm-chạp, gặp nguy-hiểm nó thận-trọng tìm đường trốn tránh nhưng không tỏ vẻ gì vội vã cả. Khác với giống hắt-tinh-tinh, dã-nhân đực, ngoài tuần trăng mật, thích sống cô-độc hơn. Được 15 tuổi, dã-nhân đã trưởng-thành. Sau thời-gian thụ thai 8 tháng rưỡi, dã-nhân cái chỉ đẻ có một con mà nó triu mến, mang theo và cho bú suốt năm trưởng. Đôi khi người ta cũng gặp năm bảy con cái cùng dã-nhân con hợp lại sống từng bầy.

Trừ ra những con đực già, thường câu-kính và hung-tợn, dã-nhân khi bị giam cầm tỏ ra là những con vật dễ thương, ưa hoạt-động, thích kết-giao với những loài vật khác giống với nó. Người ta có thể tập nó ngồi bàn ăn, xử-dụng nĩa và dao, rót nước vào ly, mặc quần áo, đi xe máy, đốt thuốc, hút thuốc, và dường như nó cũng thích hút thuốc lá. Trao cho nó một xâu 6, 7 cái chìa khoá khác nhau, nó biết lựa cái vừa vặn để mở một cánh cửa. Dã-

nhân cũng có tài nhớ dai, tỷ như nhìn được một người sau một năm vắng mặt, và sau 6 tháng tập luyện ông Furness đã dạy cho nó nói được tiếng « pa-pa », « cup » tiếng mà nó nói mỗi khi muốn xin nước uống.

Ở rừng, dã-nhân có thể sống đến 50 tuổi, nhưng trong cảnh bị giam cầm nó chỉ sống được nửa số tuổi ấy là cùng.

● KHỈ ĐỘT (gorille)

Trong các loài khỉ giống hình người khỉ đột là giống to nhất, con đực cao đến 2 thước, nặng 250 ký. Cổ to, bụng phệ, tứ chi dài. Với tiếng la hét rừng rú, kinh-khủng, với những cử-chỉ luôn luôn như hàm dọa, với tướng-mạo kỳ-hợm và hung-bạo, khỉ đột rõ là một con quái-vật mà các nhà thám-hiêm đầu-tiên ở Cameroun và Congo đã gán cho những hành-dộng cướp bóc, phá xóm, phá làng, bắt cóc phụ-nữ và trẻ con.

Khỉ đột con sợ beo và rắn, nhưng những con trưởng-thành thì không sợ kẻ địch nào khác hơn là người. Nó thích ăn trái, trùn-chim nhưng cũng không chê côn-trùng và sò ốc. Con đực vì phục-phịch nên không thể trèo cây được như khỉ con

và khỉ cái. Chúng không thích nước mặc dù biết lội, và ông Reichenow đã thấy tận mắt một con khỉ đột lội qua một con sông rộng 60 thước. Khỉ đột thường sống từng cặp, nhưng đôi khi người ta cũng gặp một anh chàng đi theo đôi ba nàng hầu. Trở về già, khỉ đực hay khâu-khó và thích sống cô-độc.

Trước ngày sinh-sản, khỉ cái xoay một cái ổ bằng nhánh lá khỏi mặt đất độ 2, 3 thước. Chỉ một chập sau khi sinh nở là khỉ cái bằng con theo chồng để tiếp-tục cuộc phiêu-lưu vô định của nó ở giữa rừng già. Được sáu tháng khỉ con đã biết leo cây, đến một tuổi nó có thể xoay-sở lấy nó, mặc dù đến 1 tuổi mới trưởng thành. Khỉ đột nhất-tính nhưng khỉ bị tấn-công trước nó là kẻ địch đáng sợ, nó vận dụng hai hàm răng bén nhọn, hai cánh tay khoẻ mạnh để cắn và xé kẻ địch ra làm hai. Nhưng nếu gặp kẻ địch mà không bị tấn-công trước, khỉ đột đứng trên hai chân sau, hai tay đập vào ngực nghe thỉnh thỉnh, nhe răng gầm gừ rồi rống lên những tiếng ghê sợ để cho kẻ địch « ngán », rồi quay bỏ đi. (Ở Nam-Mỹ cũng có giống khỉ Atele, gặp người cũng gầm thét, bẻ nhánh lá mùa men hàm dọa, phóng-uế vào tay kẻ

ném vào kẻ khuấy rối nó).

Nhà thám-hiêm Bác-sĩ Gro-mier, gặp một khỉ đột lần đầu tiên ở Congo có thuật lại như sau : « Tôi không khỏi kinh-ngạc trước tướng mạo kỳ-dị của con vật khổng lồ này. Lông dài và đen bao phủ khắp cả mình nó nhất là ở hai cánh tay. Thấy tôi nó nhe 4 cái răng nanh trông rất ghê sợ, chồm lông trên đầu nó dựng lên như bờm sư tử, hai tay khi thì múa men khi thì đập vào ngực vang lên như tiếng trống. Tôi có thể bắn con vật ấy một cách dễ-dàng, nhưng tôi đến đây để chụp lấy ảnh loài vật ấy, không phải để giết chúng. Và, nếu có giết được con vật ấy thì nữa, tôi cũng không thể mang xác nó về. Còn nói về việc xé lấy thịt nó để ăn — mặc dù lúc này chúng tôi đang thiếu thịt ăn — tôi không thể làm được vì tôi có một cảm-giác mơ-hồ có một mối tương quan gì-giữa tôi và nó. Thấy cử-chỉ hàm-dọa của nó không làm tôi nao núng, con vật ấy phóng tới như muốn vỗ lấy tôi. Tôi ném cái máy chụp ảnh, và vớ lấy khẩu súng khi tôi quỵ xuống, nhắm vào đầu nó và sắp lấy cò thì con quái-vật ấy bỗng xoay mình lại, rồi chậm rãi lần mình vào bụi rậm ».

Trong cảnh bị giam-cầm, khỉ đột lúc nào cũng cầu-nhau, cầu-kính, không chịu sự tập-luyện của người. Vì nó bị người da trắng ở Congo tàn-sát quá nhiều, nên chính-phủ Bỉ, độ trước, có ban-hành luật để bảo-vệ loài khỉ này khỏi phải bị tiêu-diệt.

HẮC-TINH-TINH (chimpanzé)

Trong những khu rừng nhiệt-đới và gần miền xích-đạo ở Phi-châu, hắc-tinh-tinh sống từng đoàn gồm có một hay nhiều gia-đình nhập lại. Chúng chuyên trên cây dễ-dàng hơn dã-nhân nhưng khỉ trở về già thì chúng chỉ có thể xê-dị trên mặt đất. Con cái cao 1 th 30 nặng lối 75kg, con đực cao đến 1 th 70. Ở rừng, hắc-tinh-tinh có ba kẻ địch là người có mang khí-giói, báo và rắn. Cũng như dã-nhân và khỉ đột, hắc-tinh-tinh xây ổ trên nhánh cây, từ 5 đến 15 thước khỏi mặt đất. Chúng hấp-lấp xây những ổ này vào lúc hoàng-hôn và chỉ dùng có một lần, từ tối đến lúc mặt trời mọc, lúc mà hắc-tinh-tinh rời khỏi ổ để đi kiếm ăn. Hắc-tinh-tinh trưởng-thành khi được 7, 8 tuổi. Kinh-kỳ con cái cách khoảng 26, 27 hôm cũng như

của đàn-bà ; thời-kỳ thụ-thai lâu từ 8 đến 9 tháng. Mỗi lần sinh được một con, cân nặng 2kg. Khi con lớn mau hơn đứa trẻ sơ-sinh, nhưng mức sống tối-đa của hắc-tinh-tinh là 50 tuổi.

Đề học khoa tâm-lý đối-chiếu giữa người và hắc-tinh-tinh, Ông Kelly đề cho đứa con 10 tháng của ông sống chung trong thời-gian 9 tháng với một hắc-tinh-tinh được 7 tháng rưỡi. Hai «đứa bé» được săn-sóc y như nhau, thức ngủ cùng một giờ, đi chơi cùng một lúc, cũng ăn những thức ăn như nhau (ngoài rau sống dành thêm cho khỉ). Trong mấy tháng đầu khỉ nhận thức mau hơn đứa trẻ về những lời sai-khiến của ông khi ông bảo chúng : «Ngồi xuống, đứng dậy, mang giày vào, v.v.» Khỉ cũng khéo tay hơn nữa ; nghe một tiếng gọi nó biết định-hướng để đến mau hơn đứa trẻ. Nhưng lần lần về sau đứa trẻ theo kịp và tỏ ra khôn ngoan lanh-lẹ hơn khỉ rất xa.

Hắc-tinh-tinh rất triu mến người săn-sóc nó, và biểu-lộ sự vui buồn, ganh-tị của nó bằng những cử-chỉ, bằng cái hôn, bằng những cái nhăn-nheo mặt trông vừa buồn cười vừa cảm-

động. Nhiều người viếng sở-thú Ba-lê đã được chứng-kiến một con hắc-tinh-tinh 3 tuổi ngồi thõn-thức bên cạnh khỉ mẹ vừa mới chết, hai tay nó khi thì ôm choàng lấy xác mẹ, khi thì bám lấy hai vai của mẹ nó để lung-lay như để gọi kẻ chết sống lại. Thật là một cảnh não lòng. Có điều là nó thõn-thức mà khóc không ra nước mắt được. Đường như quần-năng này Tạo-hóa chỉ dành riêng cho người, (chất nước nhờn và thơm mà người ta thấy ở khoé mắt của các con nai không phải là nước mắt của nó và không có liên-quan gì đến việc nó bị ví cùng đường.)

Trong các loài khỉ giống hình người, hắc-tinh-tinh là giống khôn hơn hết và rất dễ nuôi trong cảnh bị giam-cầm. Nhưng tốt hơn ta nên nuôi nó chung với một con hắc-tinh-tinh khác hoặc với bất cứ giống khỉ nào khác vì nó thích bạn-bè để trững giỡn chứ không chịu cảnh cô-độc. Trong quyển «Le Jardin des Plantes», ông Boitard có viết : « Con đực rất triu mến con cái, hề gặp kẻ địch, nó chụp lấy khúc cây hay tấn đả đưa cao lên để hăm-dọa, đợi cho khỉ cái lánh xa rồi nó mới trốn theo. Tuy-nhiên những cử-chỉ âu-yếm của con đực không chứng tỏ lòng trung-thành của

nó đối với khỉ cái. Ông De la Brosse trong quyển «Voyage à la côte d'Angola» có viết : « Hắc-tinh-tinh hay rình để bắt những phụ-nữ da đen về rừng sống chung với chúng ; những người bị chúng cưỡng ép như thế đều được chúng nuôi và săn-sóc rất chu-đáo. Chính tôi biết một thiếu-nữ da đen ở Loango đã sống với chúng 3 năm. »

Nhưng không phải chỉ đề thỏa mãn thú-tính của nó mà loài hắc-tinh-tinh cướp phụ-nữ da đen. Bằng chứng là chúng cướp cả những đứa trai trẻ nữa không mục-dích gì khác là để có người

sống chung với chúng cho vui. Ông Battel cũng có kể lại chuyện một đứa trẻ da đen trong số các gia-đình của ông bị hắc-tinh-tinh bắt vào rừng. Một năm sau, nó trở về, mập-mạp và khỏe-mạnh hơn trước, và nó khoe rằng những kẻ cướp đoạt nó hết sức ân-cần lo từng thức ăn cho nó.

Tài liệu rút trong :

1) Les singes anthropoides par Achille Urbain et Paul Rode.

2) La vie des animaux par Léon Bertin.

3) La conquête de la vie par Dr Serge Voronoff.



* Đau bụng

- Thế nào, em quyết định chưa ? Bỏ nhà theo anh nhé.
- Em ngại lắm anh à, chúng ta sẽ... ở đâu ?
- Túp lều tranh hai quả tim vàng.
- Như vậy... chúng ta uống nước lá để yên nhau sao anh ?
- Ừ, tình yêu lý-tưởng cần gì vật chất.
- Nhưng... em sợ uống nước lá đau bụng !

ĐỖ-TIẾN-LỘC

chuyến tàu đêm

Chuyến tàu đi giữa một chiều giá-lạnh,
Người tiễn người chen-chúc ở sân ga.
Phút luyến-lưu họ nhìn nhau thăm lặng
Lệ âm-thầm trong khóe mắt tuông ra.

Tàu run-rẩy thét lên hồi báo hiệu,
Xe từ... từ chuyến bánh nước đường xa.
Nhưng về mặt bờ-phờ buồn tiu-ngủ
Dừng chờ người mỗi mắt vọng xa... xa...

Tiếng còi rúc trong đêm buồn ai oán
Tiếng rừng thiên vọng lại giữa đêm trường.
Nghe vang rền như những mảnh hồn oan,
Bay vất-vưởng đang kêu rêu thăm-thiết.

Tàu mãi miết băng mình trong đêm tối,
Chở niềm-thương nỗi-nhớ ngập đầy toa.
Vượt bao nhiêu những thác, ghềnh, đồi núi,
Mang tình người đem trả lại từng ga.

Tàu dừng lại nơi đây là thương nhớ,
Lơ hững-thần cướp mất một đêm nao.
Tờ đạo ấy hồn tôi sâu bỏ ngõ,
Đời lạnh-lùng không ánh sáng trăng sao.

Hồn lữ-khách vừa rơi vào sa mạc,
Không tình thương, không quán trọ tiêu-sơ.
Mất mỗi mòn nhiều phương mờ, hướng lạc,
Biết về đâu trong đêm tối mịt-mờ.

TRÚC-BẠCH

★ (Bồng-Sơn)



● TRUYỆN NGẮN

ĐÔI CHIM

HOÀNG-YẾN

★ XUÂN-TƯỚC

HỌ là những người giang-hồ lãng-mạn. Bởi thế cho nên suốt một cuộc đời phiêu-bạt, họ vẫn mang theo bên họ một chiếc lồng có đôi chim yến áo vàng. Họ là ba người: một người chồng, một người vợ và một đứa con lên bốn, rất nghèo nàn, nhưng có một tấm lòng rộng rãi. Người chồng bao giờ trong đôi mắt cũng có mầm nguyện vọng, thiết tha yêu và tha thiết sống; người vợ lúc nào cũng không quên đề nổ trên môi một nụ cười hiền lành và êm-dịu, đứa con là hạnh phúc của gia đình.

Ai không biết họ khi nhìn đến sẽ bảo rằng họ sung sướng

lắm; cười nói luôn, có bao giờ nghĩ ngợi mà buồn. Nhưng nghĩ ngợi là chuyện trong lòng thì có ai biết được, họ nghĩ-ngoại lắm chứ, họ nghĩ đến hạnh phúc và đến tương lai rất nhiều.

Buổi chiều hôm ấy, sau khi chiếc ghe hát mà họ đi theo vừa cập bến, người chồng đứng trên mũi trông xuống khoan gọi vợ:

— Minh trông khéo nhé, nhờ đem đôi hoàng-yến lên, thẳng Trâm thì để đây tôi!

Người đàn bà nhìn chồng âu yếm:

— Kể thì chúng ta có ba người con mình nhỉ?

Câu ấy có một vị men nồng có thể làm lòng người đàn ông say được lắm! Vợ chồng khi yêu nhau vẫn thường bảo nhau những câu như thế. Người ta còn thấy gì ngoài ánh sáng, ngoài tình yêu. Người chồng nhìn vợ cảm-động, tay dắt đưa con vừa bước lên bờ, vừa ngảnh lại:

— Minh khéo nhé, minh!

Thế rồi hai vợ chồng cùng lên bờ. Người vợ tay xách chiếc lồng sơn một màu xanh dịu, màu của đất trời, màu của những tấm lòng êm-ấm, trong ấy có đôi chim hoàng yến. Tuy chiếc lồng có xao động, đôi chim cũng không để ý nào. Hai con chim yến ấy trông chừng như bằng lòng cảnh sống như thế này lắm. Con chim trống khẽ rĩa từng sợi lông cho con chim mái, thỉnh-thoảng lại kêu lên năm ba tiếng để giải sầu.

Đôi chim yến này, hai vợ chồng kép hát đã mua được vào một phiên chợ cuối mùa thu. Hôm ấy, tuy không được thừa-thãi lắm, hai vợ chồng cũng dắt nhau ra chợ. Trông thấy đôi chim yến trong chiếc lồng bé nhỏ, người vợ gọi chồng:

— Minh xem đôi chim yến sao mà đẹp thế!

Người chồng khẽ bước đến bên cạnh vợ, nhắc bổng chiếc lồng lên. Đôi chim yến vẫn không hề sợ-sệt, chúng không bay động chỉ đứng sát nhau. Người chồng khẽ bảo:

— Đôi chim này đẹp thật!

Về sung-sướng hiện rõ trên nét mặt người vợ. Nàng khẽ kéo xuống một chéo khăn để giấu đôi má ửng hồng, tay vịn vai chồng:

— Thế chúng ta mua về cho thằng Trâm, minh à.

Người chồng đưa mắt lên như dò ý vợ:

— Nhưng tiền không đủ thì sao?

Người vợ hiểu ý, mỉm cười nhìn lại chồng:

— Minh không lo, em có cả đây rồi!

Và hỏi người bán chim:

— Đôi chim này chú tính bao nhiêu, cả chiếc lồng?

— Bốn trăm bạc, thưa bà.

Người vợ đặt vào tay người bán chim số tiền dành dụm, bảo chồng:

— Minh xách hộ em.

Nói thế, nhưng khi người chồng xách chiếc lồng đi được chừng mười bước, người vợ nắm lấy tay:

— Ấy chà, đôi chim đẹp quá, về đây thằng Trâm sẽ sung-sướng biết chừng nào!

Người vợ không chán ngắm đôi chim. Tự nhiên lòng nàng băng-khuàng lạ. Nàng nhớ thuở mười ba đã nghe nói đến giống hoàng-yến là một giống chim giang hồ. Nàng hơi nghĩ đến cái kiếp giang-hồ của mình, và con người ta khi nghĩ đến cái thân-thể khổ nghèo vẫn hay buồn được lắm. Nhưng họ là đôi vợ chồng còn trẻ, chồng mới hăm bốn và vợ mới hai mươi. Đưa con họ lúc ấy lên hai, mũm-mĩm và dễ thương hơn nhiều con trẻ khác.

Vừa bước xuống ghe, người vợ đã gọi tên con:

— Trâm ơi! mẹ cho con cái này.

Nhưng nàng sực nghĩ: « Nó đã biết đi đâu mà ra lấy! » và vỗ mạnh vào vai chồng:

— Phải thế không minh?

Người chồng hơi ngẩn-ngờ một chút, nhưng rồi cũng hiểu được rằng vợ muốn nói gì. Khi người ta yêu nhau, người ta dễ hiểu nhau lắm!

Người vợ đem đôi chim vào cho con. Lúc ấy thằng bé vừa thức dậy. Nàng khẽ đặt chiếc lồng bên cạnh, cúi xuống hôn con:

— Chà, con tôi ngoan quá.

Con ngủ có ngon không?

Cậu bé đưa đôi mắt lóng tròng đen, nhìn mẹ không hiểu mẹ muốn nói gì. Nó đưa tay vờ lấy chiếc lồng. Người mẹ vội cản:

— Ấy, không nên, nó bay đi con ạ.

Từ đấy người mẹ có thêm một tình yêu: tình yêu đôi chim hoàng-yến. Nàng dành dụm thêm tiền để mua cho chúng nó một chiếc lồng rộng rãi hơn, và nàng sẽ bảo chồng:

— Minh xem sơn màu gì đẹp nhất, hay là màu xanh đi minh ạ, màu xanh nó dịu-dàng.

Nếu người vợ ấy hiểu được khoa thẩm-mỹ sẽ bảo chồng một cách khác hơn:

— Màu xanh với màu vàng trông sẽ đẹp. Trong một khung cảnh xanh, cái màu vàng sẽ rực rỡ hơn nhiều lắm!

Nhưng câu nói của lòng người bao giờ cũng thành thực hơn.

Sáng nào nàng cũng mang chiếc lồng có đôi chim hoàng yến ra treo trước mũi thuyền. Nàng sẽ ẵm đưa con yêu dấu vào lòng, lặng ngắm đôi chim đẹp và tươi như một màu xuân mới. Nàng vẫn để đôi chim đấy cho đến lúc hoàng hôn đỏ xuống mũi thuyền mới mang vào trong. Đôi chim dần

hết hột và đưa bé đã lên bốn tuổi rồi.

*

Hôm nay ghé lại bến này để hát chừng mười hôm rồi họ lại chèo đi nơi khác.

Người vợ mang chiếc lồng chim lên rap. Đôi chim vẫn mạnh khỏe, vẫn hót như thường. Ai trông vào mà không cho là hạnh-phúc! Nhưng bên trong, người ta có biết đâu rằng bên trong người vợ đang buồn rã rã vì đứa con giữa chừng phát bệnh.

Nàng nhìn lên đứa con. Thân hình nó đã gầy yếu lắm rồi. Nó vẫn mở mắt để gọi vài ba tiếng mẹ, những tiếng mẹ rất yếu, nhưng có thể làm rung động lòng người mẹ như một sợi giây tơ. Nàng vẫn hỏi thăm con. Đứa bé lúc đầu còn đáp lại, nhưng rồi cứ thiếp đi mãi mãi.

Lo sấm sột cho con, nàng quên đôi hoàng yến. Thế rồi một buổi sáng, khi nàng ra thăm chiếc lồng, nàng bỗng thấy lồng mình se lại: một con chim đã chết, con chim mái. Nàng nghẹn ngào muốn khóc nức lên. Con chim chết nằm còng-quẹo trong lồng và con chim trống đứng rũ ra bên cạnh, không buồn hót nữa. Thế có đau đớn lắm không? Nàng run lên đứng nhìn, đôi mắt rưng rưng lệ. Nàng suy nghĩ:

— Hay ta trả con chim còn sót lại cho kiếp sống giang hồ

của nó?

Trước mắt nàng hiện ra bao nhiêu cảnh tự-do, những rừng trúc xanh hơn chiếc lồng sơn nhiều lắm, trong ấy có bao nhiêu là hoàng-yến đang cùng nhau đua hót, những mỏm đá hoang ngoài biển mà những buổi chiều sương có hàng đàn chim yến bay về yên nghỉ. Lồng nàng rộn hơn lên một chút. Nàng nhìn lại con chim nghĩ tiếp:

— Nếu ta để nó lại đây thì sớm muộn gì nó cũng chết đi mất, hay là...

Tay nàng run lên một chút khi nàng mở cánh cửa lồng; con chim yến vụt bay ra, không luyến tiếc. Kề thì nó còn gì mà luyến tiếc nữa đâu! Nàng đứng nhìn theo con chim cho đến lúc nàng không còn thấy được nó đã đi ở phương nào. Nàng cầm lấy xác con chim chết đặt vào lòng bàn tay ủ lại.

... Nhưng đến chiều lại thì gió thổi về lạnh quá, mang đi đứa con thân mến của đôi nàng. Nàng một mình ôm lấy quan-tải con mà nức-nở. Con người chồng đang uống rượu để quên cả nỗi buồn...

*

Chiếc ghe từ từ ra khỏi bến. Tà áo những người đứng trên mũi bay phất-phới? Người đàn bà đang cúi xuống đỡ lấy chồng, an-ủi:

— Thôi mình ạ, buồn mà chỉ nữa khi con chim yến của kiếp giang hồ bay đi!

Vị
Trì
Trong
Quốc
Sử
của
Cụ

PHAN-CHU-TRINH



TRONG cuốn «Biên nhất lãm Văn-học cận-dại» Linh-mục Thanh-Lãng có nói đến hai cụ Phan. Về cụ Phan-châu-Trinh tác-giả đã viết những lời này: «Lập trường của Phan-châu-Trinh rồi đây sẽ đưa đường mở lối cho một thứ chánh-trị mới của thế-hệ sau: Chánh-trị Pháp-Việt đề-huê do Phạm-Quỳnh chủ-trương trong thời-kỳ ông này dùng chủ bút Tạp-chí Nam-Phong. (1917-1932)... Tuy vậy, tư-tưởng hợp-tác của ông trong thời-kỳ này chưa

phải là đồng nhất với tư-tưởng của Phạm-Quỳnh». Đoạn văn trên đây làm cho độc-giả có thể hiểu như vậy:

Lập trường của cụ Phan-châu-Trinh đã mở lối cho chánh-sách Pháp-Việt đề-huê của Phạm-Quỳnh mặc dầu tư-tưởng hai nhà không đồng-nhất. Nghĩa là họ Phan có thể được coi như đồ-dệ của họ Phan mặc dầu tư-tưởng

không giống nhau. Không giống nhau có thể là mạnh hơn hay yếu hơn, cấp-tiến hơn hay ôn-hòa hơn nhưng cũng chung một đường lối là đường lối Pháp-Việt đề-huê.

Tác-giả «*Biểu Nhất lãm*» có thể hiểu khác, nghĩ khác nhưng độc-giả đoạn văn trên này không thể hiểu khác hơn thế được.

Một người còn sục-sôi giồng máu văn-thân, đương bôn-chôn nóng nảy trước cảnh lầm-than của đất nước không thể di chung một đường lối với một người sau khi tốt-nghiệp ra trường đã được thực-dân ưu-đãi được mời làm chủ-bút của một tập-chí văn-học mà kẻ sáng-lập lại là Giám-đốc chánh-trị của Phủ Toàn-quyền : L. Marty. Chính Nam-Phong còn có tiền trợ-cáp của chánh-quyền thuộc-địa. Tôi nhìn nhận rằng ông Phạm-Quỳnh đã cố gắng dùng cơ quan này để xây dựng nền móng cho văn-học nước nhà. Nhưng tất cả tư-tưởng chánh-trị của ông đều là do ảnh-hưởng của thực-dân, sự-kiện này không ai có thể chối cãi được.

Thật ra thì 4 chữ «*Pháp-Việt đề-huê*» đã xuất hiện ngay từ khi người Pháp đề chùn tới Việt-Nam.

Họ cứ lầm-lì đánh giết dân ta và xâm chiếm đất nước của ta, nhưng cứ mạnh miệng hô-hào Pháp-Nam thân-thiện, Pháp-Việt đề-huê để dễ bề cai-trị. Đường lối của ông Phạm-Quỳnh là đường lối đó chứ không phải là đường lối của cụ Phan-châu-Trinh.

Tôi còn giữ được những kỷ niệm tốt đẹp về ông chủ-bút Nam-Phong, đã chịu ảnh-hưởng của ông và được ông dẫn-dắt trong những bước đầu trên con đường văn-học. Tôi vẫn coi ông như một bậc thầy và nhìn-nhận ông là một trong những người đã khai đường mở lối cho văn-học nước nhà trong thời-kỳ chuyển biến. Nhưng tôi không thể để cho cảm-tình lối cuốn mà không thấy rõ những cái gì vụ-lợi và đen tối khi ông cố động cho thuyết Pháp-Việt đề-huê và cái mà ông gọi là đảng Lập-Hiến của ông. Tôi khi ông bỏ tờ Nam-Phong để lãnh mũ cánh chuồn thì ông đã thành-công rõ rệt theo quan-diểm của thực-dân.



Cụ Phan-châu-Trinh cũng có điều lầm-lỗi nghiêm-trọng là cụ không phân-biệt rõ bạn với thù. Cụ ở

Trung-ky là nơi nhân-dân bị áp-lực của phong - kiến nặng nhứt. Vua bù-nhìn, quan tham-những, Triều-đình thối - nát, nhứt nhứt đều làm cho cụ bất-bình tới uất-hận.

*Vạn dân nô-lệ cường-quyền hạ,
Bất-cổ văn - chương tủy mộng
trung.*

*Trường-thủ bách-niên cam thóa-mạ,
Bất tri hà nhật thoát lao-lung?*

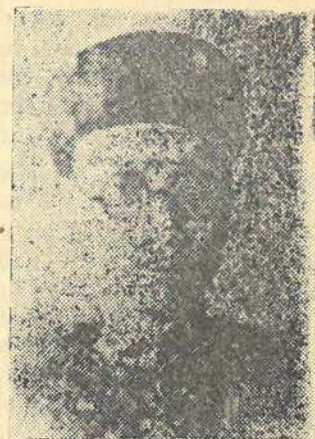
Những văn thơ trong «*Chi-Thành Thông Thánh*» đã nói ra được cái tâm-sự của cụ.

*Cường quyền chặn đạp mai dân,
Văn - chương tám vố say câu
mơ-màng,
Tháng ngày uất-giận đành cam,
Xỏ lồng, tháo cũi biết làm sao
đây?*

Thay vì đoàn-kết nhân-dân để tranh-đấu thì cụ lại kiêu-chúa-trùm của thực-dân để nói chuyện. Bức thơ cụ gởi cho Toàn-quyền Beau nam 1906 thật là thống-thiết, hiên-ngang, đàng - hoàng và xúng-đàng. Nhưng tổ-cáo với thực-dân nên cai-trị bất-nhơn, vô-đạo của Nam-Triều thì rồi họ sẽ xử-trí ra sao? Nếu họ không thì họ sẽ sửa chữa chút đỉnh để làm dịu lòng dân. Nhưng

nếu họ ngu thì họ sẽ cho tác-giả là ngây thơ, thật-thà như đếm. Nhưng khôn hay ngu thì họ cũng cứ phải củng-cố nền đồ-hộ của họ ở xứ mình, họ không có thể hy-sinh được những tay sai trung-thành của họ.

Dầu sao thì cũng nhờ bức thơ trên mà thực-dân đặc-biệt lưu-ý tới cụ, đã can-thiệp không cho Nam-Triều làm thịt cụ, và khi bị đày ra Côn-Son cụ còn được hưởng một chế-độ đặc-biệt khác hẳn với chế-độ của những người đồng cảnh ngộ. Cụ còn được Hội Nhân-quyền can-thiệp trả tự-do cho



PHẠM-QUỲNH

cụ sớm hơn người ta cả chục năm. Chính Toàn-quyền Pháp đưa cụ qua Tây, chánh-phủ Thuộc-địa cấp-dưỡng cho cụ và cấp học bổng cho con cụ. Ở Pháp, cụ thấy rõ nước Pháp, và hiểu rõ người Pháp hơn. Lần lần cụ làm quen được với những người Pháp trong sạch, vô-tư có tư-tưởng tự-do hay xã-hội. Thực-dân không nắm được cụ nữa. Họ cúp hơng cụ và cúp luôn học bổng của con cụ. Cha con cụ chịu sống trong cảnh nghèo đói, phải kiếm việc để nuôi thân, phải lượm đầu củ cải và ruột gà của người ta bỏ để ăn dặm. Nhờ thế mà cụ đã tỉnh-ngộ được phần nào. Chính cụ đã tâm sự với con cụ : « Hôm nay cha cảm thấy nước Pháp văn-minh chưa phải gồm toàn những người có tâm-hồn cao-thượng ».

Cụ thật là người quân-tử chơn-chánh, Phú-quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai-võ bất năng khuất. Cụ không bỏ chánh-sách Pháp-Việt để huê nhưng cụ đã thấy rõ phải để huê với ai và phải để huê như thế nào ? Chính năm 1925 cụ đã viết cho bạn cụ là Jules Roux những lời thống-thiết như sau :

« Tôi là người khổ-sở, đã từ bỏ quê-hương, từ bỏ vợ con có chín năm trôi rồi. Tôi đã chịu

trăm điều xấu-hổ, trăm điều cực-khổ, hy-vọng của tôi là cốt làm sao cho hai dân-tộc Pháp-Việt liên-hiệp một cách thật-tình... Nếu như tôi chết mà lợi cho nước tôi và có lợi cho nước anh thì tôi đâu chết cũng cười... »

Bức thư trên đây cụ viết sau khi về nước. Bốn tháng sau cụ chết, được toàn-quốc đề tang và được an-nghỉ ở miền Nam nước-Việt.

Cụ Tây-Hồ đã gặp cụ Sào-Nam ở Thượng-Hải và ở Hoàn-Tân. Sau nhiều cuộc thảo-luận và trước ngày chia tay cụ Tây-Hồ có nói với cụ Sào-Nam câu này : « Ông hết sức thận-trọng. Quốc-dân hy-vọng chỉ nơi mình ông. Kỳ Ngoại-Hầu không cần gì đâu ».

Trong sách « Tự-Phản » cụ Sào-Nam đã viết : « Cụ thì muốn đánh đổ quân-chủ, mà cốt vun trồng lay nền tảng dân-quyền, hãy dựa vào Pháp mà đánh đổ quân-chủ. Còn ý tôi thì trước muốn đánh đổ người Pháp, chờ lúc nước nhà độc-lập rồi mới bàn đến việc khác... »

Chính cụ Sào-Nam sau đó cũng có những biến-chuyển trong tư-tưởng và cụ đã nhìn nhận một cách thẳng-thắn những sai-lầm và khuyết-diểm

của cụ. Nhưng cụ không tranh đấu lẻ loi, cụ đã nhúng tay vào việc, cụ đã tổ-chức quần chúng và thành-lập chánh-đảng để cử-đo đại sự. Cụ là một nhà chí-sĩ nhưng cụ còn là một chiến-sĩ, vừa là cán-bộ cơ-sở vừa là cán-bộ lãnh-đạo.

Cụ là một nhà cách-mạng nhưng cụ Tây-Hồ không phải là nhà cách-mạng. Từ trước tới sau luôn luôn cụ chỉ đơn-thương độc mã, chiến-đấu lẻ loi. Ở trong nước cụ có một số bạn bè trong hàng văn thân. Qua Pháp cụ cũng chỉ có một số bạn bè trong đám những người Tây dân-chủ. Cụ không tổ-chức quần-chúng và cũng không ở trong một đảng chánh-trị nào. Thực-dân sợ cụ Sào-Nam nhưng họ không sợ cụ Tây-Hồ. Vì thế mà họ trọng-đãi và biệt-đãi cụ.

Cụ Sào-Nam đã nhìn nhận những thất-bại do những khuyết-diểm và lỗi lầm của cụ. Nhưng công việc làm của cụ có thể thành-công và thành-công thì to chuyện. Còn cụ Tây-Hồ trước sau chỉ là con người không tưởng vì cụ chiến-đấu lẻ loi, không có cơ-sở quần-chúng, lúc nào cũng công-khai đương-đầu với địch, không né tránh, không lẩn lút, không bí-mật và cố-nhiên là không nguy-hiểm. Cụ nhắm dựa vào người Pháp để đánh đổ Nam-Triều. Nhưng cho rằng cụ đánh

đổ được Nam-Triều thì người Pháp có trả độc-lập cho ta không ? Cụ chủ-trương cải lương và cụ không thiết thực làm việc cho cách-mạng.

Trong lòng người Việt-Nam cả hai cụ Phan đều có chỗ ngồi danh dự ngang nhau, không ai trên không ai dưới. Cả hai cụ đều là những tượng trưng, là kết-tinh tất cả những gì đẹp-đẽ nhất của dân-tộc. Cả hai đều là những chí-sĩ, nhưng chỉ có một người làm cách-mạng. Người đó là cụ Phan-bội-Châu. Đời của cụ Phan-châu-Trinh không phải là cuộc đời của một nhà cách mạng, mặc dầu cụ vẫn đau khổ vì nước và thiết-tha yêu nước.

Ông Cử-nhon Mai-đăng-Đệ có câu đối khóc cụ Tây-Hồ như sau :

Nhứt Phan tử-khứ, nhứt Phan hoàn, ta tại Tò-quốc !
Thiên-cổ Văn-chương, thiên-cổ tâm-sự, thù vi tiên-sinh ?

(Một Phan chết đi, một Phan trở về, than ôi Tò-quốc !

« Ngàn đời văn-chương, ngàn đời tâm-sự, ai là tiên-sanh ?)

Hôm nay kẻ hậu-sinh nói tới tâm-sự tiên-bối chỉ là đưa ra nhận-định trước đồng-bào, trước lịch-sử. Hai họ Phan không đi chung một đường lối nhưng họ vẫn có chung một chỗ ngồi. Họ Phạm đã có chỗ ngồi ở nơi khác, ở trong văn-học-sử. Ngồi ở đó ông đỡ ngượng-hơn.

NƯỚC TÔI

Ngày 4 Février 1962, tức là ngày Ba-Mươi Tết, Việt-Nam tại Palais d'Orsay ở Paris, trong buổi Dạ-hội Tết, anh Hà-Bình-Gi giới thiệu anh Đặng-trần-Vân, Kỹ-sư điện, ngâm bài «NướcTÔI»; và theo đó anh Trần-ngọc-Mỹ, giới thiệu Cô Rébeyre, nữ kịch-sĩ đã chiếm giải thưởng « TIẾNG VÀNG » (Voix d'Or) năm 1961, đọc bằng tiếng Pháp bản dịch bài « NƯỚC TÔI », của anh Nguyễn-văn-Côn.

Trong số này, xin hiến các bạn đọc Phổ-Thông cả hai bài, Việt ngữ, và Pháp ngữ.

P.T.

Nước tôi đã đúc thành một khối,
Từ Nam-quan tới mũi Cà-Mau,
Núi rừng khai khẩn bấy lâu,
Mồ hôi xương máu, giải dầu gian lao :
Núi Tân-Viên dạn màu sương gió,
Sông Cửu-Long thương nhớ đầy vơi,
Lúa vàng bát ngát Đồng-Nai,
Rừng xanh bao phủ giã dài Trường-Sơn.
Đây là nơi mồ chôn kẻ trước,
Đây là nơi hẹn ước người sau,
Nghìn thu sinh tử chung nhau,
Chung mong, chung nhớ, chung sầu, chung vui.
Nước non thế ai người biết tới ?
Biết hay không cũng tại lòng ta !
Hỏi rằng « Nước ấy gần xa ? »
Thưa rằng « Nước ấy tên là Việt-Nam. »

NGUYỄN-VĂN-CÔN

MON PAYS

(Interprétation française de Nguyễn Văn-Côn)



Mon Pays est fondu en un seul bloc,
De la Porte de Chine à la Pointe de Camau,
Nous avons défriché les forêts, sillonné les montagnes,
Et cette terre est baignée de notre sueur et de notre sang :
Le Mont Tân-viên travaillé par les vents et les brouillards,
Le Mékong s'enflant d'amour et de tendresse,
Nappes d'or de l'immensité des plaines du Donnai,
Verdure éternelle des forêts de la Chaîne Annamitique.
C'est ici les tombes de nos ancêtres,
C'est ici le rendez-vous des générations futures ;
Des millénaires durant nous sommes unis dans la vie et la mort,
Unis dans les tristesses et les joies, dans le rêve et l'espoir.
Un si beau pays, le connaissez-vous ?
Il est là, tout au fond de mon cœur !
Si vous me demandiez « Quel est-il ce pays ? »
Avec amour, je répondrais « Le Vietnam »

NGUYỄN VĂN-CÔN

(Paris)



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

(Tiếp theo P.T. số 75)

★ NGUYỄN-VỸ

Lễ Quốc-Khánh của nước Pháp, ngày 14 tháng 7 dương-lịch, được gọi là « Lễ Chánh-Chung ». Không biết ông Quan nào của Nam triều, hay thầy Thông thầy Phán nào của chính phủ Bảo hộ, đã đặt ra danh từ lạ-lùng ấy mà không ai hiểu ý-nghĩa đích xác là gì cả. Có nhiều ông Tú ông Cử nhà Nho nói rằng đúng chữ là « Chánh trung », nghĩa là ngày lễ đúng vào giữa năm. Ngoài ra còn có một danh-từ khác thông dụng hơn, là « Lễ cách-lót-rụy-dê », phiên âm theo tiếng Pháp.

Trừ ngày Tết Việt-Nam có tính cách nghi-lễ gia-đình nhiều hơn, người ta có thể nói rằng « Lễ cách-lót-rụy-dê » là một

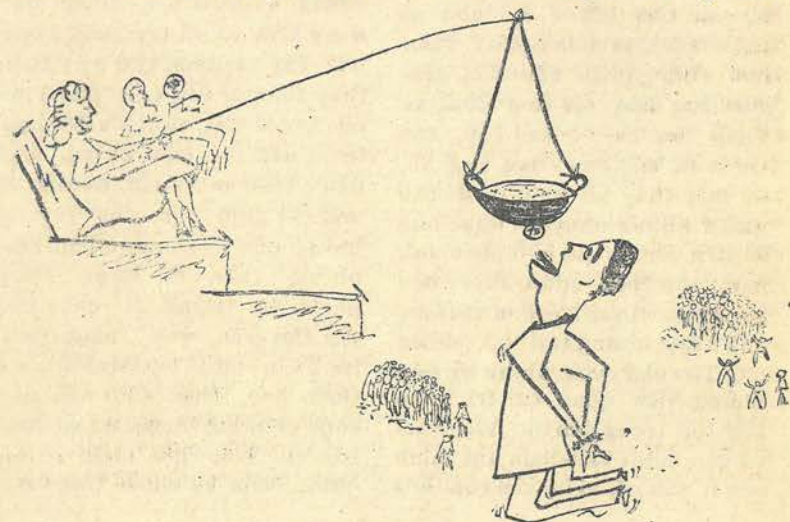
ngày đại hội toàn-quốc tung-bừng náo-nhiệt nhất trong năm, dưới thời đô-hộ Pháp ở xứ ta. Sáng sớm tinh sương, Tuấn-em vừa thức dậy đã nghe tiếng kèn linh tập thổi một bản quân nhạc đặc biệt vang lừng khắp tỉnh. Ngoài đường phố đã thấy linh khố - xanh rộn rịp, mặc toàn quân phục trắng của những ngày đại lễ. Sau nghi-lễ chính thức có ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ đọc diễn văn suy-tôn ông Công-sử, và tung bốc nước « Đại Pháp », và sau cuộc « diễn-binh » có hai anh linh thổi kèn đi đầu, Tòa Sứ có tổ-chức những cuộc vui công-cộng mà dân-chúng nô-nức từ các làng kéo về tỉnh để xem. Trước sân chợ, có

một môn giải-trí do Quan Tuần-Phủ bày ra. Trên khán-đài đông đủ mặt các « Quan Tây », « Quan An-Nam », và các Bà-đầm ngồi hàng ghế danh-dự, một thiếu-phụ Pháp cầm một cần câu treo một cái chảo dính đầy lọ nghe. Dưới dít chảo có dán một đồng bạc trắng. Quan Tuần giảng nghĩa trò chơi cho khán-giả nghe : « Ai muốn lấy đồng bạc kia, thì phải lấy khăn cột hai tay sau lưng, đứng dưới cần câu, ngược mặt lên dít chảo và đưa miệng lên gỡ lấy đồng bạc. » Nếu cần câu để yên một chỗ thì trò chơi không khó khăn gì, nhưng cô Đầm quái-ác ngồi trên khán-đài cố ý cầm cần câu nhử mồi như ai chơi cầm cục xương đưa cao lên

để nhử con chó vậy. Cô hạ cần câu xuống gần miệng người ham đồng bạc đang dùng mọi cử-chỉ lanh-lợi để đưa miệng lên tấp vào dít chảo sắp sửa thành-công thì cô Đầm lại dụt cần câu lên, cái chảo cũng lắc-lư ra xa. Người ham đồng bạc đã không gỡ được đồng bạc mà mặt mũi lại bị dính đầy lọ nghe.

Các Quan Tây, Quan Nam, và các bà Đầm, cô Đầm, đều cười rử-rươi, khoái chí lắm. Khán-giả « An-Nam » cũng cười rùm lên. Người ham đồng bạc vẫn không thất vọng, cứ chườn cái mặt lọ lem kià ra, cố há miệng cho to tấp vào dít chảo, mong tấp trúng đồng bạc...

Tuấn-em đừng xem cũng tức



cười như mọi người. Nhưng anh nó, thầy Phán Tuấn, sa-sân, nét mặt, bảo nó :

— Em muốn xem nữa cứ đứng đây xem, hay là đi xem các trò khác. Anh đi về.

Tuấn-em còn con - nít, ham vui, đi coi khắp các trò chơi công-cộng, như leo cột mỡ, bịt mắt bắt vịt, đua xe kéo kéo thùng nước dùng cho nước đổ ra ngoài, v.v...

Phán Tuấn về nhà, nghĩ lại cuộc chơi của « người An-Nam liếm đít chảo » trong ngày lễ Quốc-Khánh Pháp, cho rằng đây là một trò chơi nhục-nhã cho người Việt. Nhưng còn biết bao nhiêu cái nhục-nhã nữa, kể sao cho hết ? Kể cho ai nghe ? Mà ai dám nghe ? Tuấn làm Thông-phán đầu Tòa, gần-gũi hằng ngày với Ông Công-sứ Pháp và các quan Tây, các Quan ta, các ông Tổng, ông Xã, đã mắt thấy tai nghe biết bao nhiêu những chuyện nhục-nhã đê-tiện, khốn-nạn, bỉ-đi, do chính hạng « An-Nam nịnh Tây » nêu gương ra. Họ tưởng làm vui lòng ông Tây, nhưng trái lại chính ông Tây chê cười, khinh bỉ. Gặp những viên quan cai trị Pháp biết tôn trọng dân tộc Việt-Nam và văn minh Việt-Nam, thì mình còn ít xấu hổ, vì họ vẫn còn theo

thành-kiến dân-chủ và tinh thần bình đẳng, nhưng một số đông người Pháp đã có óc kỳ thị chủng tộc, nhiệm thói tự cao, tự đại với dân thuộc địa, lại gặp những người « An-nam-mít » tăng bốc họ một cách đê-tiện, vô liêm sỉ, thì họ càng lên mặt vênh váo, khinh khi cả giống người Việt và chà đạp dân ta như loài trùn loài dế vậy thôi.

Cuộc vui liếm đít chảo để lấy một đồng bạc, tự nó có thể được coi như một trò chơi bình dân, thực ra không đến nỗi xúc phạm đến Quốc-thể của một nước, nhưng chính vì do các « Quan Đại Pháp » chủ-trương, do các « Quan An-Nam » bày đặt, và cả một công chúng « An-Nam » đồng đảo đứng xem và vỗ tay cười trước mặt Tây và Đám, cho nên Tuấn thấy thương tổn đến phẩm giá của người Việt, và chạm đến lòng tự ái dân tộc của chàng. Mặc dầu Trần anh-Tuấn đương là một kẻ giúp việc cho Tây, ăn lương của « Nhà-nước Bảo-hộ », nhưng Tuấn đã được thấm nhuần tư tưởng ái quốc của vua Duy-Tân, vua Thành-Thái, lúc Tuấn còn là học-sinh trường Quốc học, Huế. Cho nên một cuộc chơi bày ra mà đa số đồng bào chỉ biết hòa nhau vỗ tay cười, Tuấn lại cho là trợn cười

nhục nhã. Tuấn bùi ngùi đau xót, tức giận, mà âm thầm không dám nói với ai.



Năm 1923, ở tỉnh có một đám rước « Thầy Tú vinh qui » thật là vui. Người ta nô nức đi xem, đông vô số kẻ. Đối với đám rước của Lê-văn-Thanh hồi chàng mới thi đỗ bằng tiểu học « Ri-Me » ở tỉnh thì đám này linh đình hơn nhiều.

Thầy Tú tân khoa là con một ông Bá-hộ có theo đạo Thiên Chúa. Cậu cũng học trường Quốc học, Huế, thi đậu bằng *Thành Chung*, lúc bấy giờ có một số người gọi là « *Tân học Tú Tài* ». Cũng như Trần-anh-Tuấn vậy. Kể ra năm 1923, lớp học sinh trung học thi đỗ bằng *Thành-Chung* ở Huế, Vinh, cũng như ở Hà-nội, Nam-định, Sài-gòn, Cần-thơ, v.v... đã nhiều rồi, không phải hiếm hoi như ba bốn năm về trước, nhưng ở tỉnh Q. toàn tỉnh mới có chừng 5 người. Hầu hết chỉ học đến lớp *Đệ-nhi-nien*, *Đệ-tam-nien* (2^e Année, 3^e Année Primaire - supérieure) đã thi ra làm « *Thầy-Thông* » ở các công-sở, như Thương-Chánh, Kho-bạc, Bru - điện, Kiểm-lâm, hoặc làm Trợ-giáo.

Một số ít con nhà khá-giả mới học thi bằng *Thành-Chung* cũng gọi tắt là thi *Diplôme* (1)

Lúc mới mở các học-đường thì chính người Pháp bày ra việc rước các cậu tuyển-sanh và tú-tài tân-khoa, sau đó vài ba năm họ bỏ lệ ấy. Nhưng ông Bá-Hộ muốn khoe-khoang, nên tự-ý tổ-chức riêng việc rước con trai của ông mới thi đỗ ở Huế. Cậu Tú mặc áo gấm, mang giày hạ, đội mũ trắng, ngồi trên lưng con ngựa-ô, trông rất oai. Đi trước là ông Bá-Hộ, bà Bá-Hộ ngồi trong hai chiếc cang. Có phường nhạc bát-âm và cò-xi lờ-loẹt, chuông trống vang-lừng. Đám rước phải đi gần mười cây số và đi thật chậm, để cho dân-chúng các làng các tổng ở khắp nơi kéo nhau đi coi mặt « *Thầy Tú vinh-quy* ». Về nhà, ông Bá-Hộ tổ chức một lễ tạ ơn Chúa và tạ ơn Đức Mẹ tại nhà Thờ Đạo trong Tổng, có Cha Sở và gần trăm bà con họ Đạo tham gia. Xong rồi ông giết ba con bò và năm con heo khao đãi dân làng và quan khách liên tiếp ba ngày đêm.

Tiếng đồn gần đồn xa, đến đổi bọn ăn mày ở khắp tỉnh, có đến năm sáu chục người, già, trẻ, lớn, bé, đàn ông, đàn bà, xách

(1) *Diplôme d'Etudes Primaires Supérieures franco-indigènes. (Bằng-cấp Cao - đấng tiểu-học Pháp-Việt).*

bị, chống gậy, bưng nồi bưng thúng, tổ chức thành một đoàn kéo đến ngồi chật cả sân ông Bá Hộ để xin một bữa ăn khao mừng thầy Tú Tân-khoa. Còn những bà con của thầy Tú, họ nội, họ ngoại, xa lắc xa lơ từ mấy đời, cũng lần lượt về mừng «cậu Tú nó», «anh Tú nó»... Kê vuốt ve, người ngấm nghĩa, trâm trở khen ngợi không hết lời. Thi đỗ bằng trung học về làng, chàng thanh niên 1923 vẫn còn được trọng vọng như một vị anh hùng của xóm làng, huyện tổng.

Quan Tuần, Quan Phủ, có con gái lớn 15, 16 tuổi, cũng làm le muốn gả cho Thầy Tú tân khoa. Thôi thì mai mối tập nập. Tất cả con gái trong tỉnh đều hồi hộp ước muốn được làm cô Tú.

Tết năm ấy, làng sở tại có tổ chức cuộc chơi Bài Chòi, sáng mồng Một thầy Tú được mời đến ngồi ghế tràng-kỷ với các vị Bô lão.

Tuấn - em đi xem về, thêm thuồng, hỏi anh nó :

— Anh Hai, anh cũng đỗ Thành Chung trước người ta, sao anh không làm lễ rước tân khoa ?

Phản Tuấn mỉm cười :

— Ở đời, có người thích thể này, có người thích thể khác. Chừng em học giỏi, thi đỗ, em có muốn được đón rước như thể không ?

— Không. Em bắt chước anh Hai. Anh Hai làm sao, em làm theo vậy.

KỲ SAU :

● Cô gái quan Thượng-thư đi du-học 3 năm bên Pháp về, không biết cầm dũa ăn cơm, và quên hết «tiếng An-Nam» ● Đức tượng Voi bằng đồng đề dâng vua Khải-Định ● Nữ-sinh lớp nhất 16 tuổi vẫn xưng bằng «con» với Thầy giáo mới 21 tuổi ● Kết-quả một cuộc tình-duyên của học-trò bị đổ-bề.



★ Ái-tình truyền-nhiễm

Một tạp-chí y-học Đức quả quyết rằng : mỗi khi một người đàn-ông và một người đàn-bà hôn nhau trên môi, (nói những người lành-mạnh) thì họ truyền lẫn cho nhau trong một phút say-sưa ấy ít nhất là 10.000 con vi-trùng gần đủ các chứng bệnh.

CỌP

những
năm
con



trong
lịch
sử

★ LÂM-HỮU-NGÂN

Nhâm - Dần (102).— Đời vua Hòa-Đế nhà Đông-Hán, ở phía Nam quận Nhật-Nam có huyện Tượng-Lâm, người trong huyện thường sang đánh phá quận Nhật-Nam, vua Hán đặt quan cai trị, để phòng việc rối loạn.

Mậu-Dần (618).— Nhà Tùy bên Tàu mất ngôi, nhà Đường lên thay. Nước ta vẫn bị lệ thuộc.

Bính-Dần (846).— Quân Nam-Chiếu sang cướp phá Giao-

Châu, Kinh-lược-Sứ, Bùi-nguyên-Dụ đem binh tảo trừ.

Mậu-Dần (858).— Nhà Đường sai Vương-Thức sang Giao-Châu làm Kinh lược sứ. Vương Thức có tài thao lược, trị dân có phép tắc, dẹp yên giặc-giã.

Bính-Dần (906).— Đời vua Chiêu - Tuyên nhà Đường, nhân vì trong châu có loạn, dân cử Khúc-thừa-Dụ làm Tiết độ sứ Giao-châu. Nhà Đường đã

suy, nên thuận phong cho ông làm Tỉnh hải Tiết-độ-sứ và gia phong Đồng bình chương sự.

Mậu Dần (1038).—

Đời vua Lý-Thái-Tông, Nùng Tồn Phúc làm phản ở châu

Quảng - nguyên (Lạng-sơn), tự xưng Chiêu thánh.

Hoàng-đế, lập A-nùng làm Ninh đức Hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Tráng sinh quốc, rồi đem quân đánh phá các nơi.

Canh Dần (1230).—

Niên hiệu Kiến trung thứ VI đời Trần Thái Tông, nhà Trần sửa sang thành Lý đắp thêm thành Thăng long.

Nhâm Dần (1242).—

Vua Trần Thái Tông chia nước ra làm 12 lộ. Mỗi lộ đặt quan cai trị là An phủ sứ, chánh phó 2 viên. Dưới An phủ sứ có quan Đại tư xã và Tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên làm Đại tư xã, lục phẩm trở xuống làm Tiểu tư

xã. Mỗi viên cai trị hoặc 2 xã, hoặc 3 hay 4 xã. Mỗi xã có viên xã quan là Chánh sử giám. Lộ nào cũng có quyền dân-tịch riêng của lộ ấy.

Bính Dần (1266).—

Nhân có sứ Mông Cổ sang nước ta, vua Trần Thánh Tông sai sứ sang đáp lễ và yêu cầu bãi bỏ lệ triều cống nho sĩ, thầy bói và thợ thuyền sang Tàu.

Mậu Dần (1278).—

Quân Mông Cổ do Sài Xuân điều khiển sang hạch vua Trần-Thánh Tông về việc sang châu và đem con em sang làm con tin ở Tàu.

Ngày 22-10 niên hiệu Bảo Phù thứ VI, vua Thánh Tông Trần Hoảng nhường ngôi cho Thái tử, lên làm Thượng hoàng.

Canh Dần (1290).—

Thượng hoàng Thánh Tông Trần Hoảng thăng hà tại phủ Thiên-trường, trị vì 21 năm, thọ 51



LÂM HỮU

NGÂN

tuổi, được táng tại Dụ-lăng, huyện Long hưng (Hưng yên). Thái tử Trần Khâm sai sứ sang Tàu cáo tang và cầu phong rồi lên ngôi hiệu là Nhân-Tông. Cũng trong năm này, Nhân-Tông thân chinh đánh giặc Lào.

Giáp - Dần (1314).—

Ngày 19 tháng 3 năm Hưng-Long thứ XXII, vua Anh Tông Trần Thuyên nhường ngôi cho con là Trần Mạnh, tức là Trần Minh Tông.

Bính - Dần (1326).—

Nguyễn-Trung-Ngạn đang làm Chiêm-tri Thánh từ cung sự, làm lỗi việc quan bị giáng xuống chức Thanh hóa Yên phủ sứ.

Giáp - Dần (1347).—

Đời vua Trần Duệ Tông, triều đình mở khoa thi Tiến sĩ đầu tiên, lấy hơn 50 người.

Giáp Dần (1374).—

Niên hiệu Long khánh thứ II đời nhà Hồ, thân phụ của Nguyễn-Trãi là Nguyễn Phi Khanh đậu Tiến sĩ.

Mậu-Dần (1398).—

Vua Nghệ Tông nhường ngôi cho Thái tử rồi đi tu. Cũng ngày ấy, Thái tử lên ngôi, hiệu Thuận Tông.

Canh - Dần (1410).—

Trần quý Khoách và nhóm Nguyễn cảnh Dị đánh thắng quân Minh ở Hồng Châu, đóng binh ở Bình than.

Nhâm Dần (1422).—

Bình định vương Lê-Lợi từ đồn Ba-lâm tiến đánh đồn Quan gia, bị quân Minh và Lào đánh bại, phải về giữ đồn Khôi sách. Quân Minh và Lào kéo tới vây bốn mặt. Vương và quân sĩ liều chết phá vây, chạy về núi Chí-linh.

Giáp Dần (1434).—

Vua Thái-Tông Lê Nguyên-Long đặt quốc hiệu là Thiệu-Bình.

Giáp Dần (1446).—

Đời vua Nhân-Tông Lê Bang Cơ, do Thái hậu cầm quyền, sai Lê Thụy, Lê Khả đánh Chiêm-Thành lấy được thành Đồ Bàn, bắt được Bí Cai và phi tần đem về ở Đông-Kinh (Hà-nội), lập cháu vua Bồ đề là Mã Kha Qui Lai lên làm vua Chiêm

Canh Dần (1470).—

Vua Lê Thánh Tôn đổi niên hiệu Hồng-đức.

Ngày 16-11 (28-10-1470), Hồng đức nguyên niên, Lê-Thánh-Tông đánh Chiêm-thành.

Canh Dần (1530).—

Mạc-dăng-Doanh lên nối ngôi.

cha là Mạc-đăng-Dung, đặt niên hiệu là Đại-Chính.

Nhâm Dần (1542).— Vua Trang Tông Lê Duy Ninh được Nguyễn-Kim phò tá, đem quân về đánh nhà Mạc ở Thanh hóa và Nghệ-an.

Giáp Dần (1554).— Mạc Phúc Nguyên đổi niên hiệu là Quang Bảo.

Bính Dần (1566).— Mạc Mậu Hợp đổi niên hiệu là Sùng Khang.

Mậu Dần (1578).— Vua Thế Tông Lê Duy Đàm đổi niên hiệu là Quang Hưng.

Mạc Mậu Hợp đổi niên hiệu là Diên Thành.

Canh Dần (1590).— Mạc Mậu Hợp đổi niên hiệu là Hưng-Trị.

Giáp Dần (1614).— Niên hiệu Hoàng Định đời Lê, khởi công xây Văn miếu tại phủ Hà Trung, tỉnh Thanh-hóa.

Bính Dần (1626).— Chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên sắp chống Trịnh, dời Dinh vào làng Phú an (huyện Quảng điền, Thừa thiên ngày nay).

Nhâm Dần (1662).— Niên hiệu Vạn Khánh thứ I, vua

Lê Thần Tông băng hà, trị vì 38 năm, thọ 56 tuổi, táng tại Quần-ngọc-lăng.

Giáp Dần (1674).— Vua Gia Tông Lê Duy Hội đổi niên hiệu là Đức-Nguyên.

Đời Trịnh Tạc, lĩnh Tam phủ tức là lĩnh Thanh và lĩnh Nghệ, giết quan Tham tụng Nguyễn-quốc-Trinh và phá nhà Phạm-công-Trứ.

Nước Chân - lap có Nặc-ông-Đài cầu viện nước Xiêm-la (Thái Lan) để đánh Nặc-ông-Đôn. Đôn sang cầu cứu chúa Nguyễn.

Bính Dần (1686).— Một Pháp kiều tên Verret được phép mở cửa hàng buôn bán ở Côn-đảo.

Mậu Dần (1698).— Chúa Nguyễn-Phúc-Chu sai Nguyễn-hữu-Kính làm kinh lược sứ đất Chân - lap, chia đất Nông Phố ra làm dinh, huyện, lấy Đồng nai làm huyện Phúc long, và Sài-gòn làm huyện Tân bình. Đặt Trấn-biên-dinh (Biên Hòa) và Phạm trấn dinh (Gia-dinh), sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ dân từ Quảng-bình trở vào, để lập thôn xã và khai đất hoang.

Canh Dần (1710).— Phạm-Khiêm-Ích đậu Thám-hoa.

Con Mạc-Cửu là Mạc-Thiên-Tích (Mạc-Tứ) chào đời tại Hà tiên (Nam-Việt).

Giáp Dần (1734).— Đời vua Lê-luân-Tông, Trịnh Giang có khắc bản in, in các sách phát cho dân chúng, và cấm không cho mua sách của Tàu.

Mậu Dần (1758).— Miền Bắc, Lê-quý-Đôn được lệnh đi sứ Tàu.

Miền Nam, đời Hiến-Tông Hiến-Minh Hoàng đế, Chương cơ Nguyễn-hữu-Cảnh đổi xứ Đồng-nai làm huyện Phước long, mộ dân đến khai phá, và đặt chia thôn ấp.

Nhâm Dần (1782).— Ngày 6-5, Viện quân công Nguyễn-Hoãn sai em biên thư hỏi La sơn Phu-tử Nguyễn-Thiếp về việc tu tiên.

Ngày 1-10, La sơn Nguyễn-Thiếp để tựa quyển «Hạnh am thi cao» của Cự.

Niên hiệu Cảnh hưng thứ 43, Phan-huy-Chú chào đời.

Chúa Trịnh Sâm mất, để di chiếu lập Trịnh - Cán con của Đặng-thị Huệ làm Chúa và Huy

quận công Hoàng-dinh-Bảo làm phụ chính. Quân Tam phủ nổi lên giết Hoàng-dinh-Bảo, phế Trịnh-Cán và Đặng-thị-Huệ, lập Trịnh-Khai lên nối ngôi nghiệp Chúa.

Vua Tây-sơn Nguyễn Nhạc cùng em là Nguyễn-Huệ đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần-giờ đánh với Nguyễn-Phúc-Ánh ở Thất kỳ giang (Ngã bảy) Nguyễn-Phúc-Ánh đại bại, một thuyền trưởng Pháp là Mannuel bị đốt chết theo tàu. Nguyễn-Phúc-Ánh bỏ Sài-gòn chạy về đất Tam phụ (Ba giồng) rồi ra đảo Phú-quốc.

Giáp Dần (1794).— Tháng ba, tướng Tây - sơn là Nguyễn-văn-Hưng đem bộ binh vào đánh Phú yên, và Trần-quang-Diệu vào vây thành Diên-Khánh.

Trịnh-hoài-Đức đang làm Ký lục dinh Trấn-ninh được thăng Hộ bộ hữu than tri.

Thế tổ Cao Hoàng Nguyễn-Phúc-Ánh sai ông Nguyễn Đò, thuộc Bộ Lễ, sửa sang văn miếu ở thôn Tân lại, huyện Phước-chính, tỉnh Thanh-hóa, Trung Việt.

Bính Dần (1806).—

Tuy đã đặt niên hiệu, lên ngôi từ năm Nhâm Tuất (1802) nhưng đến năm Bính Dần (1806), Gia-Long Nguyễn - Phúc - Ánh mới làm lễ xưng đế hiệu ở đền Thái - hòa.

Binh Bộ thượng thư hoàn thành bộ Nhất-thống địa-dư-chí gồm 10 quyển dâng lên vua Thế tổ Nguyễn-Phúc-Ánh.

Nhâm Dần (1842).—

Niên hiệu Thiệu-Trị thứ II, Cha của Phan-thanh-Giản là Phan-thanh-Ngạn từ trần. Cụ Phan về cư tang.

Giáp Dần (1854).—

Cụ Nhị Khê Lương-văn-Can chào đời trong một gia đình nghèo ở làng Nhị Khê tỉnh Hà-đông. Cụ Lương là học trò của Chu thần Cao-Bá Quát và là thầy học của Nguyễn-hải-Thần.

Bính Dần (1866).—

Đầu năm Tự-Đức thứ 19, Nguyễn - đức - Hậu, Nguyễn - trường-Tộ, Nguyễn-Điền sang Tây du-học.

Tháng 3, giặc Khách là Trương-cận-Bang xin hàng triều Nguyễn và nạp đất Cao-bằng.

Nguyễn-tri-Phương và Võ-trọng-Bình về Kinh phục mạng.

Tháng 5 dương lịch, thiếu tướng Pháp De la Grandière sai trung tá Doudart de Lagrée và đại úy Francis Garnier và vài người Pháp theo sông Mekong giả danh mượn đường sang Lào.

Ngày 9-8-1866, Nguyễn-Trường-Tộ dâng bằng điều trần thứ II về việc phái học sinh xuất dương. Ngày 1-9-1866, dâng bằng thứ III, và bằng sách « Lục lợi từ » bàn về 6 điều lợi ích. Ngày 3-9-1866 dâng bằng « 1 hiện hạ đại thể luận », nhận xét về tình hình Việt Nam và thế giới.

Nhâm Dần (1902).—

Toàn quyền Pháp Doumer về Pháp, ông Beau sang Việt Nam thay chức ấy.

Mùa thu, cụ Phan-Bội-Châu phái người tới giao du với Hoàng-hoa-Thám, nhưng việc không thành. Tháng 11, cụ nhờ Tổng-đốc Nghệ-an là Đào-Tiến cấp giấy đi chơi khắp Bắc-phần rồi tới đồn Phồn-xương gặp Đề-Thám. Nhưng vì Đề-Thám đau nặng, nên hẹn lần sau sẽ hội đàm.

Giáp Dần (1914).—

Cụ Trần-cao-Vân bị đày Côn

đảo được tha, về tới gia-đình ngày 1-1 âm lịch. Ngày 30-1 âm-lịch, thân phụ cụ là Trần-công-Trực tạ thế.

Đầu năm, Phan-xích-Long cầm đầu phá khám lớn Sài-gòn, nhưng thất bại. Vì vụ này, cụ Dương-Bá-Trạc, bị đày đi Côn đảo vừa được tha về giam lỏng ở Long xuyên, lại bị bắt giam vài tháng, sau được tha về an trí ở tỉnh Long-xuyên cạnh sở Cảnh sát châu thành.

Lập Nham Lương-ngọc-Quyển từ ngoại quốc trở về, bí mật tìm đến Dương Bá Trạc.

Tháng 4 dương lịch, Kỳ ngoại hầu Cường-Đế từ Luân Đôn đáp tàu về Bắc-Kinh ghé qua Marseille, có lên bờ chơi 1 hôm. Thượng tuần tháng 6, tới Bắc kinh, ở nhà Trung tướng quốc dân đảng Khúc-hồng-Phong để vào gặp Tổng trưởng lục quân Đoàn-Kỳ-Thụy bàn việc, nhưng kế hoạch không thành.

Đầu tháng 7, cụ Sào Nam Phan Bội Châu vào nhà ngục Quảng Châu được 8 tháng.

Lập Nham Lương-ngọc-Quyển sau khi hội đàm với Dương-Bá-

Trạc, lên Nam vang thăm cha là cụ cử Nhị-Khê Lương văn Can bị an trí nơi đây. Nguyễn-Bá-Trạc sau khi đầu hàng Pháp, muốn lập công nên mật báo cho thực dân bỏ lưới bắt Lương-ngọc-Quyển. Lương trốn về Sài-gòn, vượt khỏi Ô-Cấp (Cap Saint Jacques) sang tới Hương cảng là tô-giới của Anh.

Cuối năm Giáp-dần, ông bị cảnh sát trình thám Anh vây bắt tại nhà một người quen tại Hương-Cảng. Vài hôm sau em ông là Lương-Nghị-Khanh đang tòng học ở trường Đồng - văn thư viện từ Hoành - tân tới Hương-Cảng thăm anh, cũng bị bắt luôn. Lương-ngọc-Quyển bị nhà đương cuộc Anh bắt giữ ở Hương Cảng vài ngày rồi giải về Quảng-châu-loan, bí mật giao cho Pháp. Thực dân giam ông tại đây vài tháng rồi giải về Việt Nam vào đầu tháng hai năm Ất-mão (1915).

Bính Dần (1926).—

Tháng 2, tờ báo Thanh Niên, cơ quan của Việt Nam cách mạng thanh niên, xuất bản số đầu ở Quảng Châu, Trung-hoa.

Trong năm này, Nguyễn-an Ninh vào khám, vài tháng sau được tha ra, ông về ở Mỹ-hòa, vùng Quán tre (Gia định)

Đêm 12-2, hồi 9 giờ rưỡi (24-3-1962), cụ Tây hồ Phan châu Trinh từ trần, thọ 55 tuổi.

Ngày 21-2 âm-lịch (4-4-1926) an táng tại nghĩa địa Gò-Công.

Học sinh, sinh viên toàn quốc bãi khóa hưởng ứng phong trào truy điệu Phan Châu Trinh. Nguyễn Thái Học đang học trường Cao-đẳng, xin vào gặp oàn quyền Varenne và đưa ra chương trình cải cách.

Nhượng Tống, Phạm tuần Lâm, Phạm tuần Tài, v.v... họp nhau lập Nam đồng thư xã để nâng cao dân trí.

Đảng Tân Việt cách mạng đảng, đảng Phục Việt cũ, do Lê văn Huân và Nguyễn Đình Kiện lãnh đạo, hoạt động mãnh liệt ở vùng Nghệ an, Hà tĩnh và Sài-gòn.

Mậu Dần (1938).— Hoàng văn Khải, tức Cử Ngộ, Nguyễn đức Kính và Nguyễn đạo Kỳ lập Liên-đoàn cách-mạng quốc gia.

Nguyễn hải Thần môn đệ của cụ cử Nhị Khê Lương văn Can, thành lập Việt Nam Độc lập Đồng-minh-hội ở Quảng-châu, Trung-hoa.

Canh Dần (1950).— Quân đội Pháp bị kháng chiến quân Việt Nam đánh bật khỏi vùng Đồng khô, Cao-bằng, Lạng sơn (Bắc Việt).

Nhâm Dần (1962).— Đất nước Việt-Nam còn chịu chia đôi, lấy con sông Bến Hải làm ranh giới hai miền.

LÂM-HỮU-NGÂN

Tài liệu tham-khảo để viết bài này :

Tự Phán của Sào Nam Phan Bội Châu.

Ngục trung thư của Sào Nam Phan bội Châu.

Thi tù từng thoại của Huỳnh Thúc Kháng.

Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.

Đại Nam nhất thống chí của Cao xuân Dục v.v...



● VÌ ĐAU CƠ-THỂ BÀI-TIỆT ?

Chúng ta ăn để mà sống. Những chất ăn thừa, những thức vò-dụng, có thể bài-tiết ra ngoài. Bài-tiết là một hiện tượng sinh lý, cần thiết cũng như hàng ngày ta ăn, ta uống, ta thở, máu lưu thông trong huyết quản. Các chất bài tiết thuộc nhiều trạng thái khác nhau : phân, nước tiểu, mồ hôi, hơi ta thở ra. Những cặn bã do bộ máy tiêu hóa thải ra, chuyển sang ruột già, để tổng ra

★ QUANG-HOA

ngải. Nước ta uống và nước có lẫn trong các đồ ăn đi vào cơ thể, ngấm vào mạch máu, ngấm vào tế bào, luân chuyển, hòa tan một số các cặn bã khác, đi vào thận, lọc lại một lần chót rồi mới bị thải ra ngoài, thành nước tiểu hoặc qua da mà ra ngoài, tức là mồ hôi. Đồ ăn tiêu hóa được ngấm vào máu một phần chạy đi bù đắp cho khắp cơ thể, một phần bị đốt cháy tạo năng lực cho con người để hoạt động.

Cái bà của sự đốt cháy đồ ăn này là nước và thần khí, mà chúng ta thở ra ngoài đó. Như vậy, sự bài tiết đối với chúng ta rất là cực-kỳ quan trọng, cũng như sự tiêu hóa, sự tuần hoàn, sự hô-hấp. Muốn sống lâu, muốn luôn luôn vui vẻ trẻ trung, ta cần phải bài tiết điều hòa.

SUNG RUỘT THỪA TRIỆU CHỨNG THẾ NÀO ?

Người có ruột thừa sưng lên cơn nóng lạnh, nôn mửa, bón táo mấy ngày liền, bụng đau về phía bên phải, lấy tay ấn vào thì đau rội lên, hoặc ấn vào bên trái bên phải cũng đau, bụng dần cứng lên. Gặp trường hợp này, đừng có dùng thuốc xổ, mà phải được chuyên chở ngay đi nhà thương để giải phẫu. Dùng thuốc qua loa, hoặc chữa tạm, cũng không thể nào khỏi bệnh, mà chỉ làm nguy hiểm thêm lên.

MẮC BỆNH THỦY ĐẬU PHẢI LÀM GÌ ?

Bệnh thủy đậu (hay chân châu) (varicelle) là một bệnh rất hay lây, trẻ con từ hai tuổi đến mười tuổi thường dễ mắc, dù rằng đã trồng trái rồi. Bệnh không đến nỗi



nguy hiểm như bệnh đậu (bệnh trái trời, varirole). Nên để trẻ ở riêng một phòng, tiện săn sóc và tránh truyền nhiễm. Về phần điều trị, cốt nhất là đừng để cho vết mụn loét ra, rắc nhiều phấn và chăm thay quần áo cho trẻ. Những quần áo bẩn phải được giặt kỹ và ủi thật nóng. Nếu trẻ lên cơn sốt, thì cho trẻ uống thuốc giải cảm (euquinine 0,10). Nếu sợ những vết mụn mưng mủ nhiều, rắc thuốc hoặc cho uống sulfamides (như adiazine, thiazomide). Cũng có thể dùng aureomycine được.

Danh-Nhân Thế-Giới

Truyền-bản Thế-Kỷ Hai-Mươi

3.— BELL (Alexander Graham) (1847 — 1922)

★ TÂN-PHONG

Nhưng làm cách nào cho tiếng nói của con người có thể truyền xa được? Làm thế nào một người cầm ống nói ở đây mà một người ở bên kia mặt đất cầm ống nghe được rõ ràng? Ai phát-mình ra Máy-nói có công-dụng mệnh-mông như thế, mà lợi-ích thực-tế ở thời-dại tiến bộ nhanh-chóng này không cần phải nhắc đến nữa?

MỘT trong những thực-hiện tinh-vi tuyệt - hảo của khoa-học hiện-dại là MÁY ĐIỆN THOẠI. Nói tắt bằng tiếng Nôm cho mau hiểu, là MÁY NÓI. Ai dùng đến nó đều nhận thấy rằng đây là một dụng-cụ văn-minh tân-kỷ, chứng tỏ trí-óc «tạo hóa» của loài người phạm-tục còn thông-minh linh-nghiệm hơn tất cả các phép nhiệm-mầu của Thiên-lý-nhĩ ở thời-dại Thần-tiên ảo-tưởng. Nhờ máy Điện-thoại, một người ở Sài-gòn có thể nói chuyện trực-tiếp ngay với một người khác bất cứ ở nơi nào trong thành-phố, hoặc cách muôn nghìn dặm xa, ở Dalat, Huế, Paris, London, New-York, v.v...

Nguyên - tắc của Máy - nói, kể ra, thật là giản - dị. Hồi còn con nít, chúng ta đã chẳng từng chơi nói chuyện với nhau bằng một sợi nhợ rồi ư? Hai đứa đứng cách nhau xa, thí dụ một đứa ở ngoài vườn, một đứa ở trong bếp, mỗi đứa cầm một cái lon bằng thiếc dùi một lỗ để cột vào đấy một sợi chỉ, hoặc một dây giấy kẽm, nối dài từ lon bên này đến lon bên kia. Một đứa đề miệng vào lon, nói những gì thì đứa ở đầu sợi



giây bên kia kể tai vào lon nghe rõ mồn-một.

Đây là nguyên-tắc của máy Điện-thoại : sự truyền âm của tiếng nói qua một sợi giây.

(Téléphone, do chữ Hy-lạp : *têlê* : xa, *phônê* : tiếng.)

Năm 1782, có một linh-mục Pháp còn trẻ tuổi, tên là DOM GAUTHEY, đã trình lên Hàn-lâm-viện Khoa-học Paris một kiểu « ống nói » giản-dị hơn nữa : một cái ống dài bằng chì, rỗng ruột. Người nói nơi miệng ống bên này thì người đặt tai nơi miệng ống bên kia nghe rõ. Kiểu ống-nói thô-sơ này, gọi là *téléphone acoustique*, hiện nay vẫn còn được dùng trong nhiều nhà, hoặc các ty, sở, nhưng bằng ống cao su, để nói chuyện với nhau qua các gian

phòng cách xa nhau vài ba chục thước. Thí dụ : ông giám-đốc ngồi trong văn-phòng trên lầu có thể nói chuyện với cô thư-ký ngồi bàn giấy đặt ở căn nhà dưới, bằng một ống nói cao-su như kiểu trên kia. Khởi cần đi lên đi xuống mất công-

Năm 1861, ông giáo-sư âm-nhạc Đức. PHILIPPE REISS, cũng dùng kiểu ống-nói này để tổ-chức một đêm ca - nhạc cho một số rất đông thính giả ngồi nghe trong một rạp hát, trong lúc ông ngồi ca và đánh đàn tại nhà riêng của ông cách đây một trăm thước. Chính chữ « *Téléphone* » do ông đặt ra và được dùng đầu tiên trong dịp này. Ông gọi là : « một giờ-nghe ca nhạc bằng *téléphone* ».

Thế kỷ XIX, nhiều nhà giàu sang, và nhiều công sở, tư sở lớn ở Pháp, đều dùng kiểu « ống nói » bằng cao su. Những ống cao su này được bao bọc thêm phía ngoài bằng một lớp vải xanh cho đẹp mắt, và có đặt hai cái

前半部
世界
名人
錄

hoa nhỏ nơi hai đầu ống hai bên, để nói và nghe dễ dàng. Lúc bấy giờ người ta tưởng rằng ống-nói cao-su đó đã là một thực hiện tân-kỹ của khoa học, điển bộ cùng mức rồi, không thể nào vượt xa hơn được nữa. Nhưng trước đó, năm 1854, đã có một công chức Bưu điện, người Pháp, tên là CHARLES BOURSEUL, nghiên cứu về các âm thanh, đã có viết trong báo *Illustration*, ngày 26-8-1854, một bài tiên tri mà ta có thể trích một đoạn như sau đây :

« Nhiều khi tôi tự hỏi : có thể dùng ĐIỆN-LỰC để truyền tiếng nói đi xa được không ? Thí dụ ta có thể nói ở Vienne mà ở Paris nghe được không ? Theo tôi, có thể được... » Rồi Bourseul trình bày nguyên tắc về sự truyền thanh của tiếng nói. Xong, ông kết luận : « Tôi tin chắc rằng trong một tương lai gần đây, người ta có thể truyền tiếng nói đi xa, bằng ĐIỆN-LỰC. Tôi đã khởi sự thí-nghiệm. Cần tốn nhiều thì giờ, và phải kiên-nhẫn, họa may có kết-quả khả-quan... »

Sau khi bài báo trên đây ra đời, tác-giả của nó, Charles Bourseul, công-chức Bưu-điện, liền bị ông Giám-đốc nha Bưu-điện Paris gọi vào văn-phòng rầy la :

— Tôi yêu cầu ông đề thì giờ làm việc đứng-dẫn hơn, đừng bày đặt trò trẻ-con nhè !

Đã vậy, một nhà toán-học có danh-tiếng thời bấy giờ, là DU MONCEL, lại còn tàn-nhẫn phê-bình bài báo của Bourseul : « Rõ thật là một ý-nghĩ quái-gở, lỗ-lãng ! Dùng điện-lực để truyền tiếng nói đi xa ! Thầy Thư-ký nhà giấy thép kia điên hả ? » Bourseul nản chí, bỏ luôn các thí nghiệm dở-dang của mình. Suốt thời-gian 18 năm, cả nước Pháp và Âu-châu, không có một nhà bác-học nào đề-ý đến những điều trình-bày mới lạ của thầy thư-ký bưu-điện, Charles Bourseul.

Mãi đến năm 1872, (18 năm sau) một nhà Kỹ-sư Mỹ, tên là BARNEY đọc một quyển sách nhan đề là « *Wonders of Electricity* » (những kỳ-diệu của Điện-lực), trong đó có một chương nhắc đến những ý-kiến của Bourseul. Barney muốn thí-nghiệm, nhưng không thành-công.

Thế rồi, năm 1876, dùng một cái, chiếc Máy nói bằng điện của Graham Bell ra đời, gây sự ngạc-nhiên của mọi người ở Mỹ-châu và Âu-châu ! Chiếc Máy nói bằng điện ? Ồ, lạ quá nhỉ ! Tài-tinh nhỉ !

ALEXANDER GRAHAM BELL.

Người Mỹ, sinh năm 1847 tại Edimbourg, con nhà quyền quý, Graham Bell học hết ban Trung-học ở nơi đây rồi xin đi ngoại quốc học thêm. Vào trường Đại - học Wurzburg ở nước Đức. Bốn năm sau đỗ Tiến-sĩ Triết-học, về giảng học tại Canada mấy năm, chuyên môn nghiên cứu cách dạy học những kẻ câm và điếc. Nuôi dưỡng tư tưởng triết-lý, lại yêu-chuộng khoa-học, ông để hết thì-giờ trong việc nhận-xét về các tính tình của những người câm điếc, và căn-cứ theo đó mà đặt ra những phương - pháp mới-mẻ, có hiệu-quả, trong việc giáo-dục các lớp người tật-nguyên đáng thương này. Trong giới khoa-học quốc tế, ông đã lừng danh về những thí-nghiệm mà ông kiên tâm theo-đuổi về âm-thanh, nhất là về tính-chất truyền âm cho người điếc.

Ông cưới một cô học trò câm điếc của trường ông. Dĩ-nhiên là một cô học trò đẹp, rất đẹp, chỉ phải cái tội vừa câm vừa điếc nên xã-hội ruồng-rẫy, không ai ngó ngàng đến. Vì vậy mà ông giáo-sư Tiến-sĩ Graham Bell yêu cô và chính thức cưới cô về làm vợ. Ái-tình thiêng-liêng lắm hay sao? Có lẽ thế, vì chính là do lòng yêu cảm-động tha-thiết

một cô vợ không biết nghe, không biết nói, mà Graham Bell phát-minh ra cái Máy-nói. Hằng ngày ông lo tìm cách tập luyện cho cô nói được, nghe được, rồi nhân đó, ông đem ra thí-nghiệm nguyên - tắc truyền âm thanh bằng từ-lực (magnétisme). Máy điện-thoại đầu tiên của ông chế ra gồm có các cơ-cấu truyền âm bằng một miếng đá Nam-châm đại-khải như sau đây :

Một cái ống gỗ có một miếng sắt mềm, thật mỏng, đặt ở trên. Đầu miếng sắt mềm dẻo ấy kè vào một miếng Nam - châm, miếng Nam-châm cũng mỏng và hơi dài, làm trụ cột cho một cuộn chỉ bao bọc chung quanh. Hai mối chỉ được căng thẳng ra và buộc vào hai trụ nhỏ gần đây. Đây là «đầu giây mối nhợ» của «giây điện-thoại». Từ hai trụ nhỏ này hai sợi giây điện-thoại kéo dài ra (xa máy cũng được) để rồi tiếp nối với hai trụ nhỏ của một cái máy khác cũng giống hệt với máy này, đặt ở nơi khác, cách xa. Khi một người nói nơi máy đầu kia, (tạm gọi là A) thì tiếng nói có một cường độ khẽ làm rung miếng sắt mỏng (Vibrations), truyền qua đá Nam - châm, rồi truyền qua sợi giây, theo sợi giây đi xa, với một tốc-độ rất nhanh chóng, để vào máy B. Tiếng nói truyền vào miếng

nam-châm của máy B, chạm vào miếng sắt mỏng, lại gây ra một lần rung động (Vibrations) y như lúc phát âm.

Thế là người thứ hai đặt tai nơi máy B, thì dù cách xa 1000 thước, cũng có thể nghe được rõ ràng tiếng của người thứ nhất nói bên máy A. Đây là tất cả nguyên

tắc đại-cương của Điện-thoại. Chính vì ông muốn thí nghiệm một bộ máy như thế nơi tai cô vợ trẻ đẹp và điếc của ông để cô nghe những lời ông nói, mà ông giáo-sư GRAHAM BELL đã chế-tạo ra máy điện-thoại cho khắp cả thế giới thông dụng ngày nay!



Máy điện thoại đầu tiên của Graham Bell mới phát-minh năm 1-76. Một cái máy có thể vừa nói vừa nghe. Đây, một đôi linh nhân ở cách xa hai nơi, đang nói chuyện tình-tử với nhau bằng điện-thoại.

Ngày 10-3-1876, tại thành phố Boston (Mỹ) Giáo-sư Graham Bell trình-bày lần đầu tiên kiểu máy điện-thoại của ông, với người thợ máy trẻ tuổi đã cộng - tác với ông, là Auguste Watson. Hai tháng sau, ngày 4-7-1876 trong Hội-chợ Triền-

lâm Quốc-tế ở Philadelphie, kỷ - niệm một trăm năm ngày Độc - lập của nước Mỹ, công chúng bu đông nghẹt chung quanh một căn phòng, để nghe ông Graham Bell khánh-thành máy Điện-thoại công-cộng đầu tiên bằng một tiếng kêu mới lạ:

— Hello !

Suốt mấy ngày, công chúng đua nhau nói điện-thoại, và ai nấy đều hân-hoan, hãnh-diện. Năm sau, máy điện-thoại của Graham Bell được sử-dụng bên Pháp. Năm 1886, một đường giây điện-thoại trên không trung được nối giữa kinh thành Paris với kinh đô Bruxelles của nước Belgique. Năm 1891, một giây điện-thoại được đặt dưới đáy biển, nối từ nước Pháp qua nước Anh. Từ năm 1900, điện

thoại được dùng khắp cả thế giới.

Hiện nay, giây điện thoại được đặt dưới đất trong các thành phố, hoặc giăng trên không trung, và đặt dưới đáy bể để nối liền thông thoại giữa lục địa ngũ đại-châu.

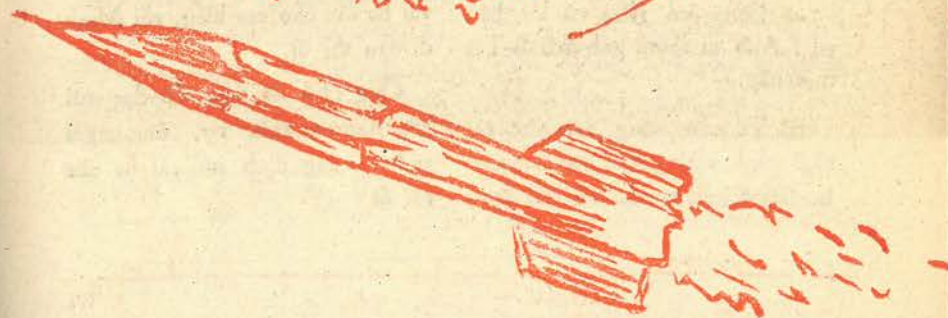
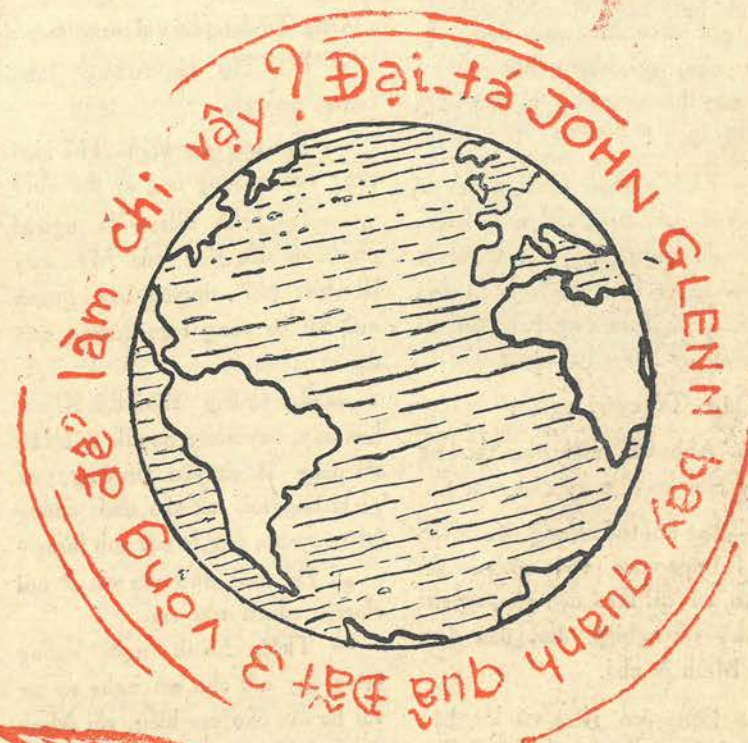
Giáo - sư Alexander Graham Bell, tạ thế tại Halifax (Canada) năm 1922, sau khi ông đã được thấy Thế-kỷ XX nói chuyện bằng máy Điện thoại của ông !

TÂN-PHONG



Graham Bell với máy nói của ông, đã được ông cải - thiện theo một hình-thức mới-mẽ, năm 1900.

Mình đi!



-MÌNH ƠI!
— Ơi rồi.

— Minh sửa soạn đi đâu đó ?

— Anh đi thăm anh bạn Minh-Tải. Nghe nói hôm Tết anh ấy bắt ghế treo lên quét dọn trên trần nhà, mà không biết rủi ro thế nào lại té xuống lỗ đầu. Tội nghiệp quá !

— Không phải. Chắc Minh có hẹn với cô nào, cho nên Minh mới diện thế. Cravate mới, áo sơ-mi trắng bốc, nước hoa thơm ngát... Đi thăm ông bạn đau mà diện chi « le » dữ vậy ?

Ông Tú cười ngất :

— Anh vẫn mặc như thường ngày chứ có diện gì đâu, em !

— Em nói thế nhưng nếu Minh có Rendez-vous với cô nào thì Minh cứ đi. Kẻo đến giờ, người ta chờ tội-nghiệp. Em đâu dám giữ Minh ở nhà.

— Đừng có ghen vô lối, bậu ơi ! Anh đi thăm anh Minh-Tải thật đấy.

Bà Tú nằm vồng, tay cầm tờ nhật-trình, miệng nhai kẹo caramel. Bà làm thính, coi lại bài báo đang

bỏ dở. Rồi, về mặt rất tự-nhiên, bà hỏi ông Tú :

— Minh ơi, sao mấy hôm nay các báo tán-dương cái ông đại-tá Glenn nào đây quá-xá thế hả, Minh ?

Ông Tú đang lui cui mang giày :

— Ủ. Họ tán-dương John Glenn quá-xá.

— Tại sao dư-luận Thế-giới cũng đều ca-tụng ông ấy thế nhỉ ?

— Tại John Glenn là người phi-hành đầu tiên của Mỹ vừa lái chiếc phi - thuyền bay quanh quả đất ba vòng trên đường quỹ đạo.

— Em tưởng thời-đại Khoa-học này, bay vòng quanh quả Đất thì cũng là chuyện thường, có gì là tài giỏi, mà sao dân chúng Mỹ suy-tôn ông là bậc anh hùng ?

— Để chốc nữa anh về, sẽ nói chuyện nhiều với em.

— Thôi, Minh ngồi xuống vồng đây nói cho em nghe sơ sơ vài ba câu cho em hiểu, rồi Minh đi đâu thì đi.

Ông Tú đã mặc đồ-đặc rồi hết, nhưng chịu vợ, ông ngồi xuống vồng định nói vài ba câu rồi đi :

— Phải, em nói đúng. Thời buổi này lái một chiếc phi-cơ tối-tân bay vòng quanh mặt Đất, là chuyện dễ ợt, chẳng có gì vẻ-vang. Nhưng điều khiến một chiếc phi-thuyền bay trên thượng tầng không-khí, cách xa mặt Đất những 250 ki-lô-mét, lại bay liên-tiếp ba vòng chung quanh Địa-cầu trong 4 giờ 50 phút, thì phải công nhận rằng đây là một công-tác vĩ-dại, một mạo - hiểm khoa-học đáng hành-diện giữa Thế-kỷ XX.

— Minh ơi, em không hiểu thế nào là thượng tầng không-khí ? Các chiếc phi-cơ bay trên trời xanh kia không phải là bay trên THƯỢNG TẦNG KHÔNG-KHÍ đó sao ?

— Không. Hình như có một lần anh đã nói với em rằng lớp không-khí bao-bọc chung quanh mặt Đất (và nhờ nó mà quả Đất xoay lơ-lửng giữa không trung, không rớt), lớp không - khí ấy chỉ đến đường Quỹ-đạo của quả Đất xoay chung quanh mặt Trời là bắt đầu thừa thớt dần, hiểm dần. Nhất là dương - khí nuôi sống vạn vật trên Địa-cầu, từ



● Phi hành gia không-gian John Glenn đứng trước phi thuyền không - gian Mercury Friendship 7 tại mũi Canaveral, Florida, Hoa Kỳ—trước khi khởi hành cuộc bay lịch sử trên quỹ đạo-trái đất 3 vòng trong 4 giờ 50 phút, ngày thứ Ba (20-2-62) vừa qua.

mức cao-độ 200,300 ki-lô-mét, không còn có nữa. Đây là vùng thượng tầng không-khí. Lên cao nữa, cách mặt Đất trên 3000 ki-lô - mét thì không còn một

nguyên-tử không-khí nào nữa cả. Đây là vùng « không-gian liên-hành-tinh ». — (Espace interplanétaire) mù-mịt tăm-tăm, không có mây, không có gió, không có không-khí, con người ta ở hạ-giới này lên đến đó không thể sống được nữa. Đây là vùng **NGOẠI TỪNG KHÔNG-KHÍ**.

— Minh ơi, phi-cơ tối-tân, như những phi-cơ phản-động-lực, vượt qua bức tường âm-thanh, không bay đến thượng tầng không-khí được sao ?

— Không. Phi-cơ tối-tân nhất hiện nay cũng chỉ bay lên cao **18, 20 KI-LÔ-MÉT** là quá mức cao của nó rồi. Lên cao hơn nữa, không-khí đã thưa thớt, dưỡng-khí hiếm-hoi, phi-công làm sao thở ? Làm sao ngồi yên một chỗ trong phi-cơ ? Vì thiếu không-khí cho nên vùng thượng tầng không-khí không còn trọng-lực nữa. Đây là vùng *phi-trọng-lực* (*apesanteur*), nghĩa là không có trọng-lực.

— Nếu thế thì ông John Glenn làm sao ngồi phi-thuyền bay lên trên cao 250 ki-lô-mét

được ? Vì đây là vùng phi-trọng-lực ?

— Thế mới là tài giỏi. Thế mới là một thành-công vĩ-dại của khoa-học. Phi-thuyền bay lên thượng tầng không-khí, chính là một yếu-tố tiến bộ tuyệt hảo cuối cùng của khoa-học giữa Thế-kỷ XX. Nói đúng ra, phi-thuyền chỉ mới xuất hiện trong hai năm **1961-1962**, và trên Thế-giới cũng mới chỉ có **2** người, một người Nga là Thiếu-tá **YOURI GAGARINE**, một người Mỹ là Đại-tá **JOHN GLENN**, là đã ngồi trong hai chiếc phi-thuyền đầu tiên bay trên vùng thượng tầng không-khí, chung quanh quả Đất. Nhưng người phi-hành Nga chỉ bay quanh quả Đất có **1** vòng, lâu **108** phút, (ngày **25-3-61**), người phi-hành Mỹ bay đến **3** vòng, mỗi vòng chỉ lâu **90** phút (ngày **20.2.1962**).

— Minh ơi, chiếc phi-thuyền khác chiếc phi-cơ như thế nào ?

— Chiếc Phi-thuyền do Đại-tá **JOHN GLENN** điều-khiển, tên là **FRIENDSHIP VII** (*Tinh-Thần-Hữu VII*). Nó đã được chế-tạo theo kiểu-mẫu của ông

Maxime A. Fagot, Trưởng-ban Cơ-quan Phi-hành của Tổ-chức **NASA** vẽ ra.

— N.A.S.A, là gì, hã Minh ?

— Là **National Air and Space Administration** (Tổ chức Hàng-không và Không-gian Quốc-gia) của Mỹ. Phi-thuyền « *Tinh-Thần-Hữu VII* » hình ống khối, cao **3 m 42** và đường kính phía đuôi rộng **2 m 16**, đường kính giữa thân rộng **1 m 80**, cân nặng **8500** ki-lô. Nó bay với tốc-độ **28.048** km một giờ.

Trong cuộc bay vòng quanh địa cầu, Đại-tá **JOHN GLENN** đã ngồi ngả người trên một ghế dài rất êm và rất vững-vàng, và lồm vào để đỡ lưng, đỡ đầu và tay chân. Hai tay của phi-hành-gia có mang bao tay để ngay trên 2 tay vận rất cần thiết : một để điều-khiển phi-thuyền và một để mở lối thoát ra ngoài phi-thuyền phòng khi nguy cấp.

Ngay trước mặt phi-hành-gia là một tấm bảng có những đồng hồ ghi rõ những hoạt động của các bộ phận của phi-thuyền giống như tấm bảng điều khiển trước mặt phi-công trên một phi-cơ

tối tân.

Phi-hành-gia phải luôn-luôn nhìn trên tấm bảng đó để kiểm-soát sự hoạt-động của các bộ phận phi-thuyền, như máy đo áp-lực, không khí, và dưỡng khí ở trong phòng của phi-hành-gia, tầm bay của phi-thuyền đối với trái đất, số lượng nhiên-liệu, v.v...

Một dãy những bóng đèn ghi nhận tình-trạng những bộ-phận quan-trọng nhất của phi-thuyền vào những lúc đặc-biệt của cuộc bay. Đèn xanh cho biết rõ sự hoạt-động của các bộ-phận của phi-thuyền rất đều-đặn, và đèn đỏ báo hiệu có sự trục-trặc của máy móc. Gần mỗi bóng đèn có một tay vận sẵn sàng để cho phi-hành-gia điều-chỉnh lại sự trục-trặc của một bộ-phận nào đó. Trong trường-hợp có sự trục-trặc quan-trọng, những đèn báo-động cháy đỏ và một hồi chuông báo-động gióng lên để cấp báo phi-hành-gia là có nguy cấp.

Giò, nước và tiếng động không thể lọt vào trong toa của phi-hành-gia. Phi-thuyền có lớp vỏ dày để bảo vệ phi-hành-gia chống

lại những trở ngại của không-gian như trạng - thái không có không-khí và lạnh dưới không độ.

Tính chung phi-thuyền có tất cả hơn 10.000 bộ-phận và hơn 11.000 thước dây điện.

Trong vị trí ngồi bình thường, phi-hành-gia có thể nhìn ra ngoài vũ-trụ qua một cửa sổ ở ngay trên đầu y hay qua một viễn vọng kính ở ngay giữa tấm bảng có những tay vận điều khiển các bộ phận của phi-thuyền. Hai máy chụp hình tự-động cỡ 16-ly mét, và một máy chụp hình khác cỡ 70-ly mét ghi những hình ảnh của trái đất và vũ-trụ.

Dưới chỗ ngồi của phi-hành-gia là hệ thống kiểm-soát những dụng cụ xung quanh y. Hệ thống đó gồm có một máy cung cấp dưỡng-khí cho phi-hành-gia, một máy điều-hòa không-khí trong phi-thuyền và một máy thu hút thán-khí và những chất độc khác ở trong toa của phi-hành-gia để đưa ra ngoài.

Những tiện nghi liên lạc của phi-hành-gia với địa cầu gồm có những máy phát và thu thanh



● *Phi hành gia John Glenn với nụ cười đắc thắng sau khi bay quanh quỹ đạo trái đất 3 vòng trong 4 giờ 55 phút, ngày thứ Ba (20-2-62) vừa qua.*

có tần số cao (HF) và tần số tối cao (UHF); một máy vô-tuyến-điện có làn sóng dài, và một máy phát thanh đặc-biệt tự-động truyền tin tức xuống các trạm quan sát ở trái đất. Theo những điều kiện tốt nhất thì những tín hiệu của máy phát thanh có tần số cao (HF), có thể nghe rõ ở

khoảng xa cách Địa-cầu 20.000 ki-lô-mét.

Ngày thứ Ba 20-2-1962, tại Trung-tâm thí-nghiệm Canaveral của Mỹ, đúng 9 giờ 47 phút buổi sáng, người ta bắt đầu phóng Hỏa-tiên Atlas-Mercury lên không-gian. Hỏa-tiên phun khói và lửa, và từ-từ rời khỏi mặt đất. Hỏa-tiên này có sức đẩy mạnh tới 162 000 ki-lô đã đẩy mạnh phi-thuyền vọt lên không-gian. Đại-tá Glenn điều-khiển phi-thuyền bay 3 vòng quanh Địa-cầu. Đúng 2 giờ 42 phút buổi chiều, phi-thuyền « Tình-Thân-Hữu VII » của Glenn từ-từ hạ trên mặt biển Đại-Tây-Dương sau cuộc bay lịch-sử lâu 4 GIỜ 55 PHÚT. Ông hạ xuống đúng vào nơi đã định trước, phía đông quần-đảo Bahamas. Đã có Khu-trục-hạm Noah chờ sẵn tại đây để vớt ông lên.

— Minh ơi, một chiếc phi-thuyền như thế, chắc là tốn kém nhiều lắm, Minh nhỉ ?

— Sự thành-công vẻ-vang của John Glenn đã tốn kém hết 400 TRIỆU Mỹ-kim.

— Bay vòng quanh quả Đất như thế có lợi ích gì, hả Minh ?

— Đại-tá JOHN GLENN bay 3 vòng chung quanh quả Đất trong 4 giờ 55 phút, được 129.000 ki-lô-mét trong Thượng-tầng không-khí mà lúc trở về Mặt Đất vẫn khỏe mạnh như thường. Cuộc hành-trình ấy với tất cả những chi-tiết kỹ-thuật đã thành-công được, chứng tỏ rằng người ta có thể ngồi trong phi-thuyền vượt qua ngoại tầng không-khí, bay vút lên Cung Trăng (Nguyệt cầu) cách xa Quả Đất chỉ có 584.000 ki-lô-mét, nghĩa là gần 3 lần cuộc hành trình của Đại-tá GLENN. Hiện nay người Mỹ và người Nga đang gấp rút thi-dua thực-hiện cuộc viễn-du phi-thường ấy.

— Cái ông Đại-tá Glenn đó được mấy tuổi, ông có vợ con không, Minh ?

— Ông 40 tuổi, có vợ và hai con.

Ông Tú ngó đồng hồ :

— 10 giờ rồi...

Ông đứng dậy. Bà Tú mỉm cười, nắm tay ông :

— Thôi, bây giờ Minh đi đi, kéo cô ấy chờ lâu, tội nghiệp !

Miệng thì nói thế, nhưng tay vẫn muốn níu chồng lại. Ông Tú bảo :

— Em khỏi phải níu. Nếu có cô nào chờ anh từ này tới giờ thì cô ấy cũng đã bỏ đi mất đất rồi !

Bà Tú cười ra vẻ ngoan-ngoãn lắm :

— Minh tha lỗi em nhé. Minh chịu em thế, em thích lắm... Bây giờ Minh đi thăm ông bạn của Minh, liệu về sớm-sớm kéo em mong, Minh nhé ! Minh về trễ, ở nhà em khóc đấy.

Diệu - Huyền

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN.
Rất tốt cho :
SÁM PHAU, SINH-VIÊN
NGƯỜI DẠU MƠ MẠNH

HEPATANA

Pharmacie TANA
42-44 NGUYỄN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
Phân phối tại THUỐC ĐỒ

HUYET-SON-DUONG

Đã cấp. Dược lý
và khách hàng tin

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
Được THUAN-KIEU CHOLON



cô lái bên sông

NHÂN VẬT :

— **CÔ LÁI ĐÒ** (xinh đẹp, sắc sảo).

— **CÔNG TỬ TRẦN** (lém lỉnh, trăn-tráo)

— **VIỄN KHÁCH** (văn rỗi, trầm ngâm).

— **ÔNG LÃO** (trung hậu)

THỜI GIAN : Có giặc xâm lăng Việt-Nam.

BÀI TRÍ : Đơn giản.

HÓA TRANG : Việt-Nam thời cận-cổ.



★ MẠC THU

(Màn mờ. Chiều tà trên một con sông vắng).

ÔNG LÃO

(nhìn ra phía mặt sông nói lẫn một mình).

Ồ ! Mới vừa đây, kia thuyền đã ra xa thêm một lần, lại một chuyến đò qua. Đời gang tấc, xem ra chừng ngắn ngủi Ta vẫn ngồi đây, hiu hắt đếm thu già

Chỉ thương cho cô lái Bến nước mười hai, lênh đênh phận gái Nắng bên sông, ngày thêm râm má hồng Khách sang sông, hừ, vài ba kẻ sang sông Thời bình lửa, bến đò càng mỗi vắng tội thân gái, hai sương quần quật nắng Sáng tới chiều, gạo chưa lửng nổi com Vậy mà vẫn cười tươi, chẳng một chút oán hờn (nâng hồ rượu, tợp một hơi)

Vẫn vui vẻ đón chào khi khách tới Cô lái này, xem ra có nhiều khi khải Nghe chuyện nước non, chừng như cũng xót xa

Quả không sai, vẫn giòng giống con nhà

Vẫn nền nếp nho phong, nhà cụ Tú,

(Cúi xuống toan cầm hồ rượu toan uống, thì từ một góc sân khấu, một người thoát ra mạnh có vẻ hấp tấp).

CÔNG TỬ TRẦN

(nhìn ra mặt sông, bực tức)

Thế là lỡ chuyến đò !

Này ông Cụ ! Chừng bao lâu lại có chuyến đò sang ?

ÔNG LÃO

(ngẩng lên, chậm rãi)

Cái ấy còn tùy ! Vâng ! Tùy khách quá giang

CÔNG TỬ TRẦN

(câu mặt)

Sao lại tùy ?

ÔNG LÃO

Tùy vì khách bên kia, nhiều hay ít

Lão ở bên này sông, làm sao mà biết !

(nhìn Công Tử Trần quan sát)

Dễ thường ngài còn phải gấp đi xa ?

CÔNG TỬ TRẦN

Ồ ! không ! ta chỉ sang bên kia huyện lỵ

Vị đường quan đó là chỗ người nhà

cùng với ta vốn có tình thức bá nhân tiện qua thăm, đem cho quà qui

ÔNG LÃO

Vậy, chính ngài là... ?

CÔNG TỬ TRẦN

(mỉm cười, gật đầu)

Phải, công tử họ Trần !

Vị công tử nức tiếng hào hoa phong nhã

suốt vùng này chẳng một ai còn lạ

Bữa nay may cho ông cụ được gặp ta

ÔNG LÃO

(cười mai mỉa)

Thật là may ! Vậy, lão cứ ngỡ là người tráng sĩ sang sông, tìm lên Kẻ Chợ

Lung xóc dao cung, ruồi rong mình ngựa

Ra chiến trường để cản giặc xâm lăng...

CÔNG TỬ TRẦN

(cười khẩy)

Ồ ! ông cụ muốn nói giặc Bắc chăng ?

Việc cản giặc đã có ba quân, tướng sĩ

Ta giòng giống quyền sang,

Chỉ rắp lo rùi mai kinh-sử đợi mai sau còn tế thế, an bang

ÔNG LÃO

(nhìn ra mặt sông)

Kìa, thuyền cô lái đã sang ngang

CÔNG TỬ TRẦN

(nheo mắt nhìn ra sông, mỉm cười, gật gù)

Ừ ! Cô lái từ xa trông mềm mại Mảnh lưng ong nhịp nhàng theo chiếc lái

tà áo nâu non đùa theo gió phất phơ bay

Ồ ! Tiếng đồn « người đẹp » quả không sai !

ÔNG LÃO

(ngảnh lại)

Vâng ! người gái đẹp của mười hai bến nước

Phường tục tử có khi nào thấy được

Ếch giếng khơi !

Có khi nào nhìn thấy ánh sao rơi !

CÔNG TỬ TRẦN

(chừng mắt, toan sinh sự)

Cụ nói sao ! Và tục tử là ai ?

ÔNG LÃO

(diềm đạm mỉm cười)

Là những kẻ không giống giòng quyền thế

Là những kẻ không có tài an bang, tế thể

So với công tử đây, một vực, một trời,

Cô lái kia và công tử thật vừa đôi !

CÔNG TỬ TRẦN

(dịu mặt tươi cười)

Ồ ! ông cụ thật là người tri kỷ
Và, người xưa nói quả không sai :

«Anh hùng đoàn giữa trần ai
mấy già».

(THÊM CÔ LÁI)

CÔ LÁI

(tươi cười, bước ra)

Kia ! Chào cụ, Cụ vẫn ngồi
uống rượu

Trời đã xế chiều, cháu sắp sửa
neo thuyền

Bầm cháu lúc này, hẳn đã nóng
đội bèn hiền

(nhìn thấy công tử Trần, cô
Lái có vẻ dụt dè...)

Còn qui khách... ?

CÔNG TỬ TRẦN

(cười trai lơ)

Vâng ! Tôi muốn phiền người
ngọc

Thuyền chớ vội neo, dám xin
đừng ngại nhọc

Giúp qua sông, một lữ khách
đường xa

Đã nghe đồn, cô lái đẹp, không
ngoa

ÔNG LÃO

Ồ ! Này, cô lái !

Mãi rượu say, lão quên chưa
kịp nói

Công tử đây, là công tử họ
Trần

CÔ LÁI

(hơi ngạc nhiên, nhưng bình
tĩnh lại ngay)

Đây, công tử họ Trần ?

ÔNG LÃO

Ừ ! Người nức tiếng là trang
hào hoa phong nhã

Tiếng tăm người, cả một vùng
không ai còn lạ...

CÔ LÁI

(ngạc nhiên)

Tiếng tăm chi, thưa cụ, cháu
chưa hề nghe ?

ÔNG LÃO

Ghà ! Còn tiếng tăm chi ! Tài
võ nghệ, văn thơ

của công tử đây, thật siêu quần,
quán chúng

Lời thơ đẹp như cánh mai
ngàn trên tuyết rụng

Bầy bước chân thơ cầm tú bằng
hoa

Kiểm thép vung lên, ánh nguyệt
cũng nhòa

Thưa có phải...

CÔNG TỬ TRẦN

(hãnh diện)

Vâng ! chính phải !

CÔ LÁI

(mỉm cười, chế diễu)

Vội tài đó, gặp nơi đây, thật là
vạn hạnh !

CÔNG TỬ TRẦN

(nghe mình, kiểu cách)

Lời khen nọ, kẻ hèn này, xin
bái lĩnh

Nhưng, tiểu sinh e còn thiếu
sót một vài

Chẳng những thơ hay, văn võ
toàn tài

ngu mỗ lại còn lâu thông
bình thư trận pháp

Chỉ hiềm nổi bấy nay vẫn khát
khao người đẹp

Đàn Tương Như chưa này
hứng nàng Quân

Cho tới hôm nay,
được gặp nàng, như gặp được
mưa xuân

Lòng khắp khởi, chắc tiền
duyên hẹn trước

CÔ LÁI

(giọng lạnh lùng)

Vâng, có lẽ ! có lẽ thôi...

Nhưng còn nạn nước

Vó ngựa xâm lăng đã sát tới
kinh kỳ

Sao chớ nghe chàng nhắc tới
chuyện chi

Đâu có lẽ, ngồi đây, bàn chuyện
quấy

ÔNG LÃO

Lão quên chưa nói, tuổi già
thật bầy

Chuyện nước non đã cũng
công tử có luận bàn

Ai mà quên giải gấm vóc giang
san

Nhưng cản giặc là việc ba quân,
trường sĩ

Tài công tử đây, còn dành đề
mai sau an bang, tế thể

Đâu có đem hy sinh cuồng đại
Cùng đám dân đen

Phải không thưa công tử...

CÔNG TỬ TRẦN

Vâng ! chính thế !

Kể tài lớn, thì nước ta đâu
mấy kẻ

Bỏ uổng đi đầu mũi ngựa, hòn
tên

Thì thưa nàng, việc đó nghĩ
không nên !

CÔ LÁI

(giọng mai mỉa)

Ôc ngu muội, hôm nay được
mặt trời soi sáng

Thân cỏ nội, hoa hèn đâu xứng
đáng,

Cùng với ai vai sánh dưới vừng
Đương

Chỉ thương cho những kẻ mới
lên đường

đem xương máu gởi mũi tên,
hòn đạn

Ôi, ngao ngán là những trai
thời loạn

Ôi, sượng sùng là những kẻ
cầu an

Thương bao nhiêu những giọt
máu sa tràng

Thẹn dường bấy những con tim
vong quốc

Ôi, những chàng trai ra đi vì
nạn nước

Quên yêu đương, chỉ yêu một
non sông

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa tấm
lông hồng

Roi Cầu Vị ào ào rung mặt
trống

Ôi, trước trận, loa gào và ngựa
rống

Bức chiến bào pha giáng đỏ
máu thù

Vì thân người có gục xuống
biên khu

Tên cũng mãi thơm ghi cùng
lịch sử

(ngảnh sang phía công tử Trần)

Chiều đã muộn, dám thừa Trần
công tử,

Tiếc chẳng thể đưa người, đầu
chốc lát, sang sông

Xin giã từ...

TRẦN CÔNG TỬ

Kia cô lái !

(Một tráng sĩ, áo trắng bụi
đường vạt ra như ngọn gió)

VIỄN KHÁCH

... Xin kính chào chú vì tôn
ông !

Kia, may mắn vẫn còn đây cô lái,
Trời đã xế chiều, nhưng nếu

cô không quản ngại
Xin giúp cho tôi sang được bờ
sông...

CÔ LÁI

Khách có việc chi, trời đã chiều
mà còn vội qua sông ?

Vì chẳng gấp, thì, xóm làng đây,
xin dừng bước tạm

VIỄN KHÁCH

Tôi chẳng dẫu, vì giờ Thìn,
ngày mai xuất trận

Hiện trong mình còn mang một
bình phù

nội đêm nay phải trình diện
trước doanh cơ

Nếu không tiện, xin mượn
thuyền chèo lấy !

(nhìn ra mặt sông, nét
mặt lo lắng)

Giữa lúc trời chiều, phiên cô
là thật quấy

Mặt sông kia tuy thừa sức bơi
qua.

Chỉ ngại trong lưng còn có bức
bình phù

Không khỏi ướt, e sẽ vì vào
tướng lệnh...

CÔ LÁI

Ồ ! Nếu vì việc quân, và quả
khách cần đi

tiện nữ này, đầu quân ngại
điều chi

Thuyền dưới bến, xin khách
đi, kéo trể

VIỄN KHÁCH

(chắp tay vái cô lái)

Thật ! Muôn vạn cảm tạ !

CÔNG TỬ TRẦN

(vội vàng chạy theo)

Ồ ! Còn tôi ! Tôi cũng vội sang
sông

Đã đợi từ lâu, trước vị này
trộn khắc

Xin hãy chờ tôi...

CÔ LÁI

(cầm mái chèo)

Thưa công tử, tiếc rằng «chẳng
được»

Tôi chỉ nhận đưa một vị khách
này thôi !

CÔNG TỬ TRẦN

Ồ ! Đâu có chuyện lạ đời !

Ai cũng khách, lý nào cô lựa
chọn

ÔNG LÃO

(cười)

Có lý lắm ! Vì thưa, là thời loạn
Trên chiến trường cần những

kẻ múa gươm
Nước non nhà cần những kẻ
can trường

Đâu cần đến những người quen
mùa lưỡi

CÔ LÁI

Còn Công-tử, xin người vui
lòng đợi

Tài lớn văn thơ, vũ nghệ song
toàn

Xin đề dành chờ tế lễ, an
bang

Khi nước đã thái bình, không
bóng giặc

VIỄN KHÁCH

(lúng túng)

Ồ ! Như vậy, e không toại lòng
quí khách

Có lý nào, mình tôi dành cả
chuyến dò

Xin đề người, tiện một chuyến
sang cho...

CÔ LÁI

Thưa tráng sĩ, chiếc thuyền
nan vốn nhỏ

Vả, bến sông này, từ lâu, tôi có
lệ

Dầu khách đông, chỉ trở trước
quân nhân

Khách sớm một giây, quân thù
chậm vạn bước chiến

Mảnh đất tổ, đỡ được một phút
giây oằn oại,

Xin khách chờ, vì chút tình qua
đường, mà e ngại...

Công tử tôi đây, không chuyện
gi mà vội vàng đi

Mai sớm sang sông, hay sớm
mốt, cũng chẳng hề chi...

(cô lái dầy thuyền ra khỏi bờ)

VIỄN KHÁCH

(đứng ở đầu thuyền vãi công
tử Trần)

Vậy, xin ngài thứ lỗi!

(Thuyền quay đi khuất vào
sau sân khấu)

CÔNG TỬ TRẦN

(tức giận rút lưỡi dao ở
lưng ra)

A! Con tiện tỳ, khinh ta quá
lắm!

Chờ xem đây, mày hay nó
sang sông!

(Giang tay phóng lưỡi dao ra...
Ông lão nhanh như chớp chụp
đấy, dùng một thế võ bề khuỷu
tay công tử Trần ngoặt ra phía
sau).

CÔNG TỬ TRẦN

(nhăn mặt kêu lên)

Ái! Ái! Trời! quá đau! ông
cụ,

Cụ quên sao, Trần Công-tử
đây mà!

ÔNG LÃO

(xô mạnh cho Công tử Trần
tê khuỷu xuống đất)

Quân khiếp nhược! Chỉ quen
bề đánh lén,

Quên sông này, còn có lão già
đây,

Tuy là say, nhưng với nước
non này,

Với tinh thần cô lái đó, lão
muốn say đâu có nỡ...

(ngửa cổ lên trời cười sảng
sức)

MÀN HẠ HẾT



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRỮ AU ĐƯỢC

ĐỒ BẠN :

VIII.— 1) Đồ bạn trong tất cả
các loài chim trên thế
giới, con chim gì lớn
nhất?

2) Con vật nào sống
lâu nhất, (đến
152 tuổi)?



*Răng cùn-sang
đoán Bài Toán!!*

* **NGUYỄN-BA-TUI**
Biệt-hiệu : BA-TÈO

3) Trong tất cả các loài thú có 4 chân, con nào chạy
nhanh hơn hết thảy?

4) Nhờ bạn làm ơn điền những con số (từ số 1, đến
số 9) vào những chữ X trong khung vuông dưới đây, mà điền thế
nào cho cộng mỗi hàng về chiều ngang cũng như chiều dọc đều thành
số 34.

9	X	X	X	= 34
X	X	7	X	= 34
X	X	X	X	= 34
X	7	X	X	= 34
34	34	34	34	

Bạn nào trả lời đúng hết 4 câu hỏi trên đây. Nguyễn-Ba-Tui, biệt hiệu Ba-Tèo, sẽ xin gửi tặng 1 quyển Phổ-Thông số 77. Xin lưu ý quý vị, — à quên, — xin quý vị lưu ý: Thư gửi về tòa soạn nhứt định phải đề tên tui (Me-xu Ba-Tui) thì tui mới nhận. Tui sẽ ngồi trước cửa tòa báo Phổ-Thông đón thư quý bạn cho đến **đúng 12 giờ khuya** ngày thứ Ba **20-3-1962** thì Tui đi ngủ, không nhận thư nữa. Auf wiedersehen!

NGUYỄN-BA-TUI

✱ **Đáp bài đồ số VII trong Phổ Thông số 75, trang 92.**

Tui xin phép quý vị cho tôi nhắc lại câu hỏi: 3 quyển Phổ Thông dựng đứng từ trái sang phải, kế tiếp nhau: quyển số 72 có **132** trang, rồi quyển số 73 có **132** trang rồi đến quyển P.T. Xuân số 74 có **244** trang. Vậy xin hỏi từ trang đầu của quyển 72 đến trang cuối của quyển 74 có tất cả bao nhiêu trang?

Câu đố, mới nghe thì thấy dễ ợt. Có bạn lại tưởng tui «hỏi giỡn (l) chỉ làm bài toán cộng chớ gì!» Sự thực, nếu bạn có con mắt tinh tường, quan sát thực tế, tìm tòi chân-lý, dùng vội-vàng hấp-tấp, để khỏi bị sự vật trên đời lừa gạt mình, thì bạn sẽ thấy rằng:

Quyển số 73 (ở giữa) có **132** trang. Trang nhứt của quyển số 72 sát với trang cuối của quyển 73, và trang cuối của quyển 74 sát với trang nhứt của quyển 73. Vậy thì **tính từ trang nhứt của quyển 72 đến trang cuối của quyển 74** sẽ có tất cả là:

$$132\text{tr} + 2\text{tr} = 134 \text{ trang.}$$

Bạn nào không tin, xin lấy 3 quyển Phổ-Thông sắp dựng đứng từ trái sang phải, như tôi đã sắp, rồi xem kỹ xem có đúng như vậy không nè?

Chỉ có 5 bạn đáp trúng:

- ✱ **Ô. Trần văn Thế**, Nha Cảnh-sát Công An Cao-Nguyên Trung Phần — Banmethuột.
- ✱ **Ô. Lê văn Trước**, 341A, Lê Thái Tổ — Vinh Long.

- ✱ **Ô. Nguyễn sỹ Minh**, 104, Hoàng Diệu — Khánh Hội.
- ✱ **Bạn Đàm văn Hiếu**, Lớp Đệ-Ngũ trường Phan Chu Trinh — Đà Nẵng.

✱ **Ô. Phạm văn Kiêm**, 350 Alexandre de Rhodes, Định Tường.

Tui đã yêu cầu cô « chủ-bút » Diệu Huyền chuyển năm địa chỉ năm ông bạn trên đây sang Ty Phát-hành để gửi báo Phổ Thông số **76** này đây thân tặng năm ông.

Còn **747** bạn đáp sai: người thì nói 508 trang, người thì nói 504, 506, 500, 496, 480, v.v... và v.v...

Đáp trúng hay không đáp trúng, Ba-Tui tui cũng xin thành thật cảm tạ « Quý vị chừ hữu hiền hữu bốn phương » đã có thịnh-tình trao về cho Ba Tui tui thư trả lời một chồng cao... hơn chồng bánh chưng bữa Tết! « Xin lưu ý quý vị », Ba Tui què mùa cục kích rồi có câu nào lầm lỡ, xin « quý vị... Hội trường » tha lỗi. Vạn tạ, vạn tạ.

Nguyễn Ba Tui
biệt hiệu: Ba Tèo

● « **Danh ngôn** » của Ba Tui:

- ✱ Cái gì mình tưởng là dễ, chính là cái khó.
- ✱ Muốn hiểu đời: rất dễ, nghĩa là rất khó.

AI TÍN

Chúng tôi được tin **Ô. HÀ-HUY-LIÊM**, Dân-biểu Quốc-hội, giáo-sư Đại học Văn-khoa Đà-lạt, và Đại-học Sư-phạm Saigon, vừa tạ thế tại nhà riêng 137 Phan thanh Giản Saigon. Chúng tôi xin thành kính có lời phân-ưu cùng tang quyến và cầu nguyện cho linh hồn bạn Hà-huy-Liêm được an giấc nghìn thu.

NGUYỄN-VỸ — THẨM-THỆ-HÀ

GIÓ LOẠN THỜI GIAN

★ JOHN STEINBECH
● PHƯƠNG-CHI dịch-thuật

Lời giới thiệu. — Đây là một cốt chuyện đã xảy ra ở Na-uy khi quân Đức đến chiếm đóng xứ này.

Tác-giả tả lòng dưng cảm của những người yêu nước và sự hèn hạ của quân mại quốc cầu vinh.

Tác-giả dụng ý khuyến khích :

Một dân tộc không chịu sự chinh-phục, rất cuộc họ không bị chinh-phục.

SỚM mai chúa-nhật này, 12 người lính của Thị-xã dậy sớm để tham-gia một cuộc thi bắn do ông Công-Liên, một đại thương-gia, tổ chức. Họ là những người vui-vẻ, dân-dị, tuy to lớn nhưng chậm-chạp, nặng nề.

Khi nghe tiếng phi-cơ, họ hấp-táp chạy trở về thành-phố. Giữa lộ-chính, bọn xâm-lãng đặt những ổ liên-thanh án-ngữ. Những chàng trai can-

đảm không biết một tí gì về kinh-nghiệm chiến-tranh và cũng không hiểu mấy may về sự bại-trận, đã dương súng lên bắn. Họ bị trả đũa lại bằng vài loạt đạn liên-thanh. Sáu người chỉ còn lại là sáu cái xác mang những vết đạn, ba người thì sắp chết nằm đó, còn ba người thoát được nạn, na súng đồng vào núi.

Giàn nhạc của bọn xâm-lãng cử những bản trầm hùng ở Công-trường Thị-xã. Dân

GIÓ LOẠN THỜI GIAN

ngơ-ngác nhìn những tên lính đội nón sắt, đi tuần với chiếc tiêu-liên trên tay.

Ông Ô-Điền, một ông Thị-trưởng già được chỉ định tiếp quan chỉ-huy dịch là Đại-tá Lanson. Cuộc hội kiến đòi bên ấn định vào lúc 11 giờ tại Thị-sảnh.

Trong nhà, một phòng khánh tiết đủ tiện-nghỉ trang trí với một vẻ cao-quí ưa nhìn.

Bác-sĩ Vĩnh-Tế ngồi cạnh lò sưởi. Vành râu bạc bao bọc khuôn mặt ông là dấu hiệu hiền-hòa và dân-dị. Đó là một người vừa hành nghề thầy thuốc vừa chép sử-liệu đương thời. Ông nhìn Sát, tên đầy tớ của ông Thị-trưởng đang sửa sang những chiếc ghế sơn son thếp vàng và hỏi :

— Ông Thị-trưởng bận gì trong ấy, Sát ?

— Thưa Bác-sĩ, ông đang mặc đồ để tiếp Đại-tá.

— Anh không giúp ông ta sao ? Một mình ông ta không khi nào trôi chảy.

— Thưa, đã có bà Thị-trưởng giúp đỡ. Bà muốn cho ông được hân-hoai hơn.

Ngoài cửa kính nơi lối vào hiện ra một chiếc nón sắt theo liền một tiếng gõ cửa khô khan. Ánh sáng dịu dàng tỏa trong

phòng bỗng sầm lại.

Bác-sĩ ngừng lên nhìn chiếc đồng hồ treo.

— Kia, họ đã đến sớm hơn. Mời họ vào, Sát.

Sát ra mở cửa. Một quân nhơn mặc áo toí dài, mang tiêu liên bước vào. Hắn đưa mắt nhìn rất nhanh chung quanh phòng. Sau hắn, một sĩ-quan đứng án ở ngưỡng cửa, bây giờ bước vào và chăm chú nhìn bác-sĩ Vĩnh-Tế.

— Thưa ông, ông là ông thị-trưởng Ô-Điền ?

— Không, không. Thưa không phải ạ.

— Vậy ông là phụ-tá của ông Thị-trưởng ?

— Cũng không ạ. Tôi là thầy thuốc và là bạn của ông Thị-trưởng.

— Vậy ông Thị-trưởng ở đâu ?

— Ông ta đang mặc áo để tiếp ông. Thưa, ông là Đại-tá ?

— Không phải ạ. Tôi là Đại-úy Bà-Tích.

Viên sĩ-quan nghiêng mình và ông thầy thuốc gật nhẹ đầu chào lại.

— Theo kỷ luật nhà binh, tôi phải khám xét phòng này trước khi vị sĩ-quan chỉ-huy đến. Tôi xin ông đừng xem đó là một cử

chỉ thiếu nhả-nhặt.

Ông ta quay đầu qua vai gọi :

— Trung-sĩ !

Tên hạ sĩ-quan xáp liền đến bên Sắt, lấy tay sờ khắp mình, rồi nhìn Đại-úy Bá-Tịch lắc đầu tỏ dấu không có gì.

Viên sĩ-quan xây qua bác-sĩ Vĩnh-Tế :

— Thưa bác-sĩ, xin ông thứ lỗi cho.

Viên Trung-sĩ lại bắt đầu lục xét ông thầy thuốc. Bỗng tay hắn ngừng lại ở một túi áo của ông già. Lẹ làng hắn thọc tay vào và kẹp đem ra một chiếc bóp bằng da đen rồi trao cho Đại-úy Bá-Tịch. Ông này mở ra : Chiếc bóp ấy đựng ít dụng cụ về khoa giải-phẫu. Ông đóng lại và trao trả cho vị Bác-sĩ.

— Đại-úy thấy không, tôi là một viên thầy thuốc ở chốn quê mùa này. Tôi đã có lần giải-phẫu ruột dư với một con dao thái thịt. Từ đó không khi nào tôi quên đem theo túi đồ nghề này.

— Tôi nghĩ rằng trong nhà này có khi giới, Đại-úy Bá-Tịch nói.

Vừa nói ông ta vừa rút ra một quyển sổ bìa da và lật tra.

Bác sĩ hỏi :

— Hẳn Đại-úy đã biết lắm việc ở chốn này ?

— Vâng, đã từ lâu chúng tôi có một người của chúng tôi ở đây.

— Tôi nghĩ e không tiện hỏi ông tên nhân-vật đó....

— Sao lại không tiện, Bá-Tịch nói. Nhiệm-vụ người đó đã hoàn thành. Tôi thấy không có gì trở ngại cho Bác-sĩ biết tên. Đó là ông Công-Liên.

Bác-sĩ Vĩnh-Tế không dấu nổi sự ngạc-nhiên và kinh-hãi.

— Công-Liên ! Trời ơi ! Không thể tin nổi. Công-Liên ! một người đã giúp ích cho thành-phố. Một người đã treo giải thưởng về cuộc thi bắn sớm mai này.

Nói đến đó, Bác-sĩ thấy một tia sáng loé ra trong óc :

— À, ra thế mà Công-Liên tổ chức cuộc thi bắn này !

Cánh cửa bên trái sực mở. Ông Thị-trưởng Ô-Điền bước ra. Ông mặc áo đuôi tôm, chiếc áo dùng vào lúc lễ lạc. Sợi giây chuyền và tấm thẻ dấu-hiệu chức-vụ lòng thông nơi ngực. Mái tóc bạc được chải vuốt đã bắt đầu chững lên một cách ngạo-nghe bất chấp cả lừng lự. Sau ông là bà Thị-trưởng, người mảnh-khảnh, má đã nhàn, bước những bước dè-dặt.

— Kia, thưa Ngài Đại-tá, bà mở lời.

— Thưa bà không phải ạ. Tôi là người đến sắp đặt cuộc viếng

hăm của Đại-tá.

Đại-úy Bá-Tịch cất tiếng gọi :

— Trung-sĩ.

Viên hạ-sĩ quan đang lục đục lật nệm lên để tìm tôi, nghe gọi liền đến ngay bên ông Thị-trưởng vỗ vỗ vào các túi áo.

— Xin Ngài bỏ lỗi cho cử-chỉ này, đó là một quy-tắc. Thật là một sự bắt-buộc không đẹp để một chút nào.

Khi Đại-úy Bá-Tịch bước ra khỏi phòng, theo sau là viên Trung-sĩ, một tay cầm hai khẩu súng tịch - thu, một tay cầm chiếc tiểu liên, bà Thị-trưởng hồi đồng :

— Không biết họ sẽ đến mấy người ? Tôi phân-vân chưa biết phải đãi họ gì đây : trà hay rượu ?

Trong khi bác - sĩ Vĩnh-Tế ngĩnh đầu lên cười mỉm, ông Thị-trưởng nói với vẻ nửa đùa, nửa buồn :

— Chắc ! Tôi không có một chút lòng nào thích cụng ly với họ.

Bà Thị-trưởng phân-bua với Bác-sĩ :

— Sao thế nhỉ ! Thông lệ dạy rằng : sau cuộc giao tranh, hai địch-thủ cụng ly chúc thọ nhau. Tại sao ta không theo tập quán của người văn-minh ?

Ông Thị-trưởng nhìn vợ với nét mặt dịu-dàng :

— Xin bà đừng phép cho ! Không nên đãi rượu lúc này. Sáu thanh-niên ta vừa bị giết ! Một tiệc rượu danh-dự không thích-hợp tí nào !

Ông Thị-trưởng mở nút áo nhìn đồng-hồ rồi cài lại nhằm khuy. Bà phải đến sửa lại cho ông cho chỉnh đốn.

Bác-sĩ hỏi :

— Mấy giờ rồi nhỉ ?

— 11 giờ thiếu năm.

— Những kẻ ấy xem ra đúng hện. Ông muốn tôi đi nơi khác chứ ?

Ông Thị-trưởng tỏ vẻ cứng cỏi :

— Ông đi ? Sao lại thế ? Ông nên ở lại chứ !

Rồi cố gắng nở một nụ cười, ông Thị-trưởng tiếp :

— Phải thú thật rằng tôi cảm thấy hơi hãi... Nói sợ thì không đúng mà tức tức thì đúng hơn. Trái bao thế kỷ, đây là lần đầu ta bị vây...

Ông ngừng lại lắng tai nghe. Xa xa vẫn là một điệu quân nhạc.

Bỗng một tiếng gõ nhẹ ở cửa. Sắt bước ra mở cửa.

Một người mặc toàn xám, đội nón sắt, mang bao tay trắng hiện ra.

— Đại-tá Lan-Son giao-phó cho tôi chuyển lời chào ngài Thị-trưởng và xin ngài vui lòng tiếp Đại-tá.

Sắt mở rộng cửa. Viên hạ sĩ-quan ấy bước vào, đưa nhanh mắt nhìn quanh phòng, rồi đứng dang về một góc, hô to :

— Đại-tá Lan-Son.

Một nhân-vật mặc quân-phục giống như viên hạ-sĩ-quan, nhưng cấp bậc khác nhau do phù-hiệu trên vai, bước vào. Theo sau, một người mặc thường phục màu đen.

Đại-tá Lan-Son là một người giữa hai lứa tuổi, tóc điểm sương, cử chỉ cứng cỏi và có vẻ mệt nhọc. Nhìn vóc dáng lực sĩ, người ta biết ngay ông là một sĩ-quan chuyên nghiệp, nhưng ông ta không thiếu cái nhìn cao quý mà thường thường hạng quân-nhân không có. Còn người mặc thường phục thì nhỏ thó, đầu sỏ, đôi mắt bé và đen, miệng cổ vẻ dâm-dật, bước từng bước e-dè với gót giày.

Đại-tá đỡ nón nghiêng mình :

— Kính chào Ngài Thị-trưởng. Kính chào Phụ-nhân.

Đoạn ông ra lệnh cho viên hạ-sĩ-quan đóng cửa và đưa mắt nhìn về phía Bác-sĩ tỏ ý dò hỏi.

Ông Thị-trưởng liền giới thiệu :

— Bác-sĩ Vĩnh-Tế.

— Bác-sĩ là một nhân-vật trong chính quyền ?

— Thưa không phải ạ. Bác-sĩ là một thầy thuốc và tôi rất vinh-dự giới thiệu thêm rằng Bác-sĩ là một sử-gia trong thành phố chúng tôi.

Đại-tá quay về phía người bé nhỏ và nói :

— Tôi tưởng Ngài đã biết ông Công-Liên... ?

— Ông Công-Liên ! Vâng, tôi biết. Dĩ-nhiên là chúng tôi đã quen nhau. Kia, chào Công-Liên !

Bác-sĩ Vĩnh-Tế dứt ngang lời và dẫn từng tiếng :

— Ông Công-Liên ! Ông bạn Công-Liên của chúng tôi đã sắp đặt cuộc chiếm cứ mảnh đất này. Ông Công-Liên người ân-nhân của dân chúng đã gửi số lính của chúng tôi đi châu Diêm-Vương để cho chúng tôi hết phương chống cự. Cũng ông Công-Liên ấy thường được chúng tôi mời đến xơi cơm cùng một bàn. Cũng ông Công-Liên ấy đã làm một bản kê khai súng ống của dân trong thành phố. Kia ông bạn Công-Liên quý báu của chúng tôi !

Công-Liên xám cả mặt :

— Tôi hướng về một chính-nghĩa. Tôi làm việc cho chính-

nghĩa ấy. Như thế có chi là mất danh-dự !

Ông Thị-trưởng đứng lặng cảm khi nghe những lời nói trên. Ông hết nhìn Bác-sĩ Vĩnh-Tế đến nhìn Công-Liên, rồi chậm rãi :

— Có lẽ nào như thế ! Công-Liên ơi ! người cải chính đi ! Người đã dùng bữa ở bàn ta, người đã giúp đỡ bệnh-viện. Không ! Không có lẽ nào như thế !...

Ông Thị-trưởng nhìn thẳng vào mắt Công-Liên và hẳn nhìn lại ông với vẻ khiêu-khích. Sự im lặng diễn ra một hồi lâu. Mặt ông Thị-trưởng rắn lại, rồi với một giọng rất nghi-thức ngoại-giao, ông mở lời với Đại-tá :

— Tôi không có lòng nào nói chuyện trước nhân-vật này.

Công-Liên vụt thẳng người lên :

— Tôi có quyền dự thỉnh. Tôi là một quân-nhân như những quân nhân khác. Chỉ có điều là tôi không có quân-phục, thế thôi.

— Tôi sẽ không nói gì cả trước nhân vật này, ông Thị-trưởng nhắc lại.

Đại-tá can-thiệp :

— Ông Công-Liên, tôi xin ông rút lui.

— Tôi có quyền ở đây, Công-Liên nói.

Giọng của Đại-tá trở nên quyết-liệt :

— Ông Công-Liên, tôi xin ông rút lui. Tôi là người chỉ huy ở đây.

Công-Liên ném một tia mắt cuồn giận qua ông Thị-trưởng, rồi bước hối hả ra ngoài. Bác-sĩ Vĩnh-Tế hắng một tiếng nhỏ ra về thỏa mãn.

Giữa lúc đó Na, cô đầu bếp của ông Thị-trưởng, ló mặt ra khung cửa, mắt đỏ ngầu, tóc rủ ở vành tai. Cô có vẻ hung hăng :

— Thưa bà, có những tên lính đứng cạnh cửa đằng sau nhà.

Đại-tá nói :

— Đừng sợ. Chúng không vào đâu. Chúng chỉ đứng gát đấy thôi.

Bà Thị-trưởng giọng gay gắt :

— Na ạ, có điều gì muốn thưa thì bảo Sắt. Nhé Na !

— Xin bà thứ lỗi cho. Tôi có ý nghĩ họ muốn xông vào nhà. Mùi cà-phê hấp dẫn họ.

— Na ạ, thôi chứ !

— Vâng, thôi vậy để được đẹp lòng bà...

Nói xong Na rút lui, đầu ngưỡng lên về khiêu khích.

(Còn nữa)

KIỆP DÂN THẦY

(hay là lời than của một công chức sắp về hưu)

MƯỠI

Một ngày bốn buổi đi về,
Năm này, năm khác mãi lê đưng quần.
Chế mồn thân cũng mồn dần,
Ngánh ra duyên hết mà xuân sắp tàn.

NÓI

Nhanh nhường chớp mắt,
Ba mươi năm thắm thoát là đây.
Nghĩ buồn thay cho cái kiếp dân thầy,
Danh là thể mà dở, hay là thể thể.
Tóc cứ đổi thay theo nguyệt tuế,
Thân thì đầy đặn với phong sương.
Nợ áo cơm cố bám lấy đồng lương,
Bỏ cũng dở mà tơ vương thì cũng dở.
Khéo ăn thì no, khéo lo bớt nợ,
Mai nữa về hỏi vợ tính làm sao?
Vợ rằng đất thấp trời cao,
Thôi thì sẽ liệu trông vào đàn con,
Rời ra con lớn nợ mồn!

★ TÚ-BE



Truyện dài tình-cảm thời-đại

★ NGUYỄN-VY

(Tiếp theo P. T. 75)

Cô giáo Toàn đến thăm trường mù ở Chợ Lớn. Cô đi thẳng đến Văn - phòng ông Hiệu-trưởng, xin vào yết-kiến. Ông Hiệu-trưởng cũng là một người mù, nhưng học giỏi, đã đỗ tốt nghiệp một trường mù ở bên Pháp. Ông niềm-nở tiếp chuyện với cô giáo. Cô hỏi:

— Thưa ông Hiệu-trưởng, tôi có một người bạn trai bị mù. Trước kia anh ấy đã thi đậu Trung-học đệ-nhất-cấp, do một biến-cố rủi ro anh ấy bị mù từ mấy năm nay. Nay tôi muốn đến xin ông Hiệu-trưởng làm ơn nhận cho anh ấy vào dạy tại trường này, thưa ông Hiệu -

trưởng có thể được không ạ?

— Người ấy có học mẫu - tự Braille của người mù chưa?

— Dạ thưa... chưa.

— Chưa, thì làm sao dạy được? Chương-trình học-vấn ở trường mù khác hẳn chương-trình các học - đường khác. Chúng tôi không phải dạy bằng lối chữ viết thường, mà bằng lối chữ nổi của Louis Braille. Cho nên các giáo-viên cần phải biết lối chữ ấy.

— Thưa ông Hiệu-trưởng, nếu thế thì xin ông Hiệu-trưởng làm ơn cho người ấy vào học mẫu-tự Braille một thời-gian. Có lẽ người ấy sẽ mau biết. Trong lúc đó, nhờ có bằng Trung-học đệ nhất cấp người ấy sẽ có thể tạm giảng bằng

miệng các bài học trong chương trình, như Sử, Địa, Văn-chương chẳng hạn. Trong thời-gian học chữ Braille, bạn tôi xin đóng tiền học phí, và nếu được ông Hiệu-trưởng cho tạm dạy tập sự bằng miệng, người bạn tôi cũng không dám xin lương bổng gì cả.

— Nói đúng ra, nếu thầy ấy đã có học lực đến T.H.Đ.N.C. thì học thêm mẫu-tự của người Mù sẽ mau chóng, và sẽ áp-dụng được ngay trong việc giáo huấn cho các em. Đây là trường tiểu-học, vì ở nước ta chưa có riêng trường Trung-học cho người Mù. Nếu người bạn của cô sẽ quen thuộc với chữ nổi được rồi, thì thầy ấy có thể trở thành một giáo-viên rất tốt. Xin thú thật với cô, ở trường Mù đây chúng tôi chưa có giáo viên đỗ T. H. Đ. N. C. Cô có thể cho tôi biết ngoài trình độ học vấn, người bạn của cô còn có khả-năng gì khác nữa không?

— Dạ thưa ông Hiệu-trưởng, người ấy rất giỏi về âm-nhạc.

— À, thế hả? Âm-nhạc gì?

— Thưa, người ấy chuyên về tân-nhạc, và cũng rất giỏi về cổ nhạc Nam-phần.

— Hát được k hông?

— Dạ thưa, người ấy ca cũng hay lắm.

— Thế thì tốt lắm. Chính lúc này chúng tôi đang tổ-chức một Ban Ca Vũ-nhạc của Trường Mù. Ở đây có một Thầy ca rất hay, nhưng chỉ ca Vọng-cổ, thầy ấy đang học ca tân-nhạc. Người bạn của cô hiện giờ ở đâu?

— Thưa, người ấy hiện ở Mỹ-Tho.

— Bao nhiêu tuổi?

— Thưa, 25 tuổi. Vì tôi dạy tại trường Nữ Trung-học Mỹ-Tho, có quen với anh ta, nên anh ấy nhờ tôi lên xin giùm ông Hiệu-trưởng.

— Được, tôi xin tán thành. Tôi sẽ nhận thầy ấy ăn ở luôn trong Trường khỏi tốn tiền, trong thời-gian thầy ấy cố gắng học mau lẹ phương-pháp xử-dụng lối chữ nổi riêng cho người mù, thầy ấy sẽ dạy về ca nhạc, và giúp chúng tôi thành-lập mau chóng Ban Ca Vũ Nhạc của người Mù, để kịp biểu-diễn trong dịp Tết sắp đến, lấy tiền giúp quỹ nhà trường. Vì xin thú thật với cô, quỹ của nhà trường nghèo lắm. Chúng tôi muốn mở thêm nhiều ngành hoạt-động mới cho học-sinh Mù, theo những điều học-hỏi

của tôi ở các trường Mù bên Pháp, nhưng chỉ vì tài chính eo-hẹp nên chúng tôi đành phải bó tay. Nếu ban Ca-vũ-nhạc của trường Mù chúng tôi sẽ thu được kết-quả mỹ-mãn, đó là hy-vọng duy-nhất cho công-quỹ của nhà trường được dồi-dào hơn, và hoạt-động của chúng tôi sẽ được phát-triển hơn. Tương lai của các học-sinh Mù sẽ nhờ đó mà được thêm bảo đảm. Tôi chỉ còn lo tìm người dạy về môn vũ. Môn vũ thì hơi khó, vì một là cần phải các môn vũ lành mạnh của các em ở học đường, hai là dạy cho các em Mù khó hơn dạy các em thường.

— Thưa ông Hiệu-trưởng, nếu ông Hiệu-trưởng cần đến, tôi sẽ xin tình nguyện giúp về môn vũ, vì tôi được biết chút ít các môn vũ ở học đường.

— Nếu thế thì còn gì hơn. Phải, đúng là các môn vũ ở học đường phải do các thầy giáo và cô giáo có khả năng và kinh nghiệm về bộ môn ấy, chỉ huy cho các em trường Mù thì thích hợp lắm. Tôi xin thành thật cảm ơn cô giáo có thiện chí rất tốt đẹp ấy.

— Nhưng vì tôi bận dạy học suốt cả tuần lễ ở Mỹ-Tho, tôi chỉ có thể về Sài-gòn chiều thứ

Bảy. Vậy tôi xin đến đây dạy giúp về môn vũ cho các em học sinh buổi sáng Chủ Nhật. Tôi có thể dạy đến 4 giờ chiều, rồi còn phải đi xe đò về Mỹ-Tho, để sáng thứ Hai có mặt ở trường tôi.

— Nếu cô sắp đặt cho chúng tôi mỗi tuần được một Chủ Nhật như thế, cũng đã quý lắm rồi. Về vấn đề đãi thọ các...

— Dạ, xin thưa trước rằng riêng về phần tôi, tôi xin giúp không, không dám nhận món tiền nào cả. Mong ông Hiệu trưởng cho phép tôi có dịp giúp đỡ chút ít các em học sinh Mù, và được vinh hạnh cộng tác với quý trường về một phương diện rất hợp với sở trường của tôi là môn văn-nghệ.

— Cô Giáo tử-tế quá... Có làm cho tôi vô cùng cảm-động...

— Xin ông cho tôi biết bao giờ thì ông cần đến tôi?... Chủ nhật tuần tới chăng?

— Dạ vâng... Nếu thuận tiện cho cô. Chúng tôi cũng đang gấp rút tổ-chức, vì chỉ còn hai tháng nữa là đến Tết.

— Ông Hiệu-trưởng định tổ-chức trình-diễn trong Tết hay ngoài Tết?

— Chúng tôi chưa nhất định.

Xin thú thật với cô rằng vì thiếu « nghệ-sĩ » chuyên môn, thiếu « tài-tử », nên trước đây chúng tôi định tổ-chức một cuộc trình-diễn tạm-tạm thôi, và chúng tôi cũng không mấy háng-hái. Chúng tôi đã cho dò hỏi ý-kiến ba bốn nam-nữ danh-ca, nhờ họ giúp sức, nhưng một vài người đòi hỏi tiền thù-lao quá nhiều, một vài người không nỡ đòi tiền thì lại tìm cách từ chối. Thành thử chúng tôi cũng bị mất ít nhiều nhiệt-hung, tự thấy mình là bọn người Mù, ít ai thương xót tới, xã-hội ruộng bỏ... Lắm lúc nghĩ mà tủi nhục lắm, cô Giáo ạ !

— Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng hoạt động để tổ cho xã-hội thấy rằng người Mù cũng là người, và cũng có đủ khả-năng, có lẽ còn hơn những người không Mù nữa.

— Nếu ai cũng nghĩ như cô thì an-ủi cho chúng tôi biết bao !

— Thưa ông Hiệu-trưởng, bây giờ tôi xin phép tạm biệt ông để về Mỹ-Tho. Ngày mai tôi bận dạy ở trường, nhưng chỉ dạy vài hôm là nghỉ lễ Tết Tây, vậy chiều ngày 1 tháng 1 tôi sẽ xin đưa người bạn tôi ở Mỹ-Tho lên trình diện ông Hiệu-trưởng.

— Dạ.

Ông Hiệu-trưởng tuy mù nhưng chắc đã quen thuộc đường lối trong văn-phòng, nên ông đứng dậy ung dung tiễn cô giáo Phạm-thị-Toàn ra đến cửa.



« Chàng nghệ-sĩ mù », mà ở đây người ta gọi là Thầy Năm, đã trở thành một giáo viên thực thụ ở trường Mù Chợ-lớn. Chỉ một tháng đầu, năm ngón tay của chàng đã quen rờ trên các bảng chữ nổi Braille, chàng đã đọc được các sách giáo khoa sử-địa và Việt-văn làm riêng cho giáo viên và học sinh Mù với những tấm bảng đúc bằng chữ nổi. Chàng lại được ông Hiệu-trưởng và các giáo viên đề cử làm trưởng ban Văn-nghệ, coi cả về ba bộ môn Ca-Vũ-Nhạc. Trong những giờ phút tĩnh mịch âm u, nhờ cô Toàn, người bạn gái Mỹ-Tho, trung thành, tận tụy, mà chàng không thấy mệt, chàng sáng tác vài ba bản nhạc u sầu gọi lên những tiếng tơ lòng lâm ly ảo não. Hầu hết các bài chàng ca dạy cho học sinh Mù, do tự chàng đặt ra và tự chàng phổ nhạc, đều là những lời rên rỉ thống thiết, reo vang hy vọng tung bừng, ông Hiệu trưởng, các giáo viên, tất cả nhân viên và học sinh đều mê giọng đờn

của chàng, nhất là với chiếc đờn Hạ-uy-di. Ông Hiệu-trưởng đã phải nhiệt-thành khen-tặng : « Anh là một thiên-tài ». Chàng điều-khiển cả hai bộ-môn Ca Nhạc, trong hai tháng trời ròng-rã đã hoàn-thành một chương-trình nghệ-thuật dồi-dào, với 6 Nghệ-sĩ Mù, Giáo-viên và học-sinh.

Cô Toàn, về bộ Vũ, cũng đã thành-công trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi ấy với hai vũ điệu mới, rất hấp-dẫn và vô-cùng cảm-dộng. Với 16 học-sinh được lựa chọn, ở đây toàn là Nam học-sinh Mù từ 10 đến 16 tuổi, cô cải trang thành 8 nàng thôn-nữ và 8

nông dân trai-trẻ cùng nhau múa hát mừng ngày lúa chín, và một Vũ-diệu Cendrillon. Tập dượt mấy lần chắc chắn có kết quả tốt đẹp không ngờ, ông Hiệu-trưởng và toàn thể giáo-viên đã quyết định ngày mồng 4 Tết ban Văn-nghệ Trường Mù sẽ trình diễn công khai trên sân-khấu Đô-thành. Cô giáo Toàn tình nguyện phụ trách việc cổ động trên các báo và bán vé trước bắt đầu từ Rằm tháng Chạp ta.

(còn nữa)

KỶ SAU : Ông Ngọc - Minh và cô Ánh.

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Geomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



S á c h B á o M ó i

★ **Câu hỏi thường thức** —. Luyện thi Tiểu-học và Đệ-thất. Sử ký, Địa lý, Khoa học, Vệ sinh, Công thức toán, Công dân giáo-dục, Soạn đúng theo chương trình mới của Bộ Q.G.G.D.

Do Giáo sư TỪ-PHÁT biên soạn. Nhà X.B. Thanh-Quang, Saigon. Giá bán : 22\$.

★ **Thăm Lặng**. Thi tập của HỒNG-PHƯỚC. Tác-giả xuất bản. 18, Thành-Thái — An-Giang (Long Xuyên) Giá 16\$.

★ **Nội san Cổ học Quảng-Trị**. Chủ-nhiệm : Thạch-lữ NGUYỄN HỮU HIỆT. Chủ bút : Hiếu-Thiện NGUYỄN CHU HẬU. Nhiều bài có giá trị về Không-học. Giá 13\$.

★ **Ánh Than hồng**. Tập san Xuân của Mỏ Than Nông Sơn. Chủ trương biên tập : Ô. Ô. Kỹ-sư Trương-văn-Thuần và Hoàng văn Lưu. 86, Đại lộ Độc-lập Đà nẵng. Nhiều bài khảo-cứu, về mỏ Than Nông-Sơn và các vấn đề kinh-tế liên-hệ, và thơ, truyện ngắn, tùy bút, có giá-trị đặc-biệt.

★ **Tâm sự Ngàn Thu**. Thi tập của Ô. BÚT-TRÀ. Chủ-báo *Sài Gòn Mới*. Phụ nữ Ngày mai xuất bản. In trên giấy hoa màu vàng thật đẹp. Bìa Verni, trình bày thanh nhã. Có bốn câu thơ đề trên bìa :

*Tâm sự chứa đầy bầu lệ nóng,
Ngàn thu dành tưới quả tim côi.
Ánh hùng là của lò gian khổ,
Nung nấu đau thương để cứu đời.*

Tựa của Bác-sĩ HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

Bản đặc biệt không đề giá bán.

★ **Dân ca Việt Nam**. « Vietnamese Folk songs » « Chansons folkloriques du Việt Nam ».

Do ô. NGUYỄN-HỮU-BA, giáo-sư Quốc nhạc, trường Quốc-gia Âm nhạc và kịch nghệ Việt Nam, ký-âm và sưu-tập. Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản.

Đây là tập I, soạn theo chương trình trường Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ, dành cho các lớp ca xướng, Nhạc-pháp, Sư phạm và Trung học phổ thông.

Tựa : ô. NGUYỄN PHỤNG, Giám đốc trường Quốc-gia âm nhạc và kịch nghệ : Ảnh ô. NGUYỄN CAO ĐÀM, Hon Kortrijk ARPS. và TRẦN CAO LĨNH, Saigon. Bìa trình bày do họa-sĩ TÚ-DUYÊN. Bản đặc biệt không đề giá bán.

★ **Kịch ảnh**

Kịch ảnh *số ra mắt* do ông Quốc-Phong làm Chủ-nhiệm kiêm Chủ bút, ông Hoàng Trọng Miên làm Tổng Thư-ký tòa soạn.

KỊCH ẢNH là một tuần báo nghệ-thuật phát hành mỗi sáng thứ bảy, in offset 8 trang trong và nhiều màu cả hai bìa, với sự cộng tác của nhiều nhà văn và ký giả quen thuộc. Giá 6\$.

Xin sửa lại mấy lỗi nhà in

Trong P.T. số 75

- Trang 16, (tục ngữ Congo), thay vì :
Than mà *ngạch* tro, xin đọc : NGẠO
- Trang 19, Danh ngôn về người đàn-bà
Thay vì : le plus *afreux*, xin đọc : le plus AFFREUX.
- Trang 102, câu thơ thứ ba, thay vì : hay-lo-hóa, xin đọc ;
hay-HO-hóa.

Nhờ bạn đọc sửa lại giùm. Xin đa tạ.



★ Trị bệnh tê bại

(của Ô. Nguyễn-Đức-Thận, 14/16 Yersin Dalat)

Trong những ngày gần Tết vừa qua, đứa con nhỏ của tôi mắc phải bệnh tê bại hai chân. Tôi đã cho cháu điều-trị theo Đông-Y Dược và cháu đã lành bệnh hẳn sau khi dùng 4 thang thuốc sau đây :

— Bạch Linh 2 chỉ — Bạch Truật 3 chỉ — Xích Thược 2 chỉ — Sài Hồ 1 chỉ — Toàn Quy 3 chỉ — Tử sao — Bạch Phạ Tử 3 chỉ — Phòng Phong 1 chỉ — Kim Ngân Hoa 1 chỉ — Hồ Cốt 1 chỉ — Nhị Hồng Sâm (hoặc Bạch Lộ Sâm) 3 chỉ khương chế sao

Nhân đọc trong Tạp-Chí Phổ-Thông số 75 bài « Cao Xương Hồ » của Bác-Sĩ Hoàng-Mộng-Lương nói về công-dụng của hồ cốt trong việc trị gân cốt yếu liệt, bại xuy, tôi xin giới-thiệu toa thuốc trên đây để thêm tài-liệu nghiên-cứu.

★ Lại bài thơ Nước Lụt

(của ông Vũ-Huyền-Dư, Huế)

Nhân đọc liên tiếp các bài thơ « Nước lụt » của các ông :

— Ô. THANH-TÙNG (Qui-nhơn) đăng báo Phổ-Thông số 70 và ông MẶC-CẦM (Quảng-ngãi) đăng số 71 đều nói là của Cụ LÊ-TRUNG-ĐÌNH :

— Ô. NGUYỄN-VĂN-HUỆ (Điện-bàn, Quảng-nam) đăng số 71 nói chắc chắn là của Cụ Tú-tài HUỖNH-QUÝ tức TÚ-QUÝ.

Qua Tạp-chí LÀNH-MẠNH số 63 ra ngày 1-12-1961 tại Huế.

— Ô. THANH-HUY lại nói của Cụ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU, Đến Phổ-thông số 73 ;

— Ô. THUY-MẬU (Hòa-vang, Quảng-nam) được nghe một nhà nho cao niên bảo là của Cụ ÔNG-ÍCH-KHIÊM tức Tiểu-Phong-Lê-

— Ô. NGUYỄN-ĐĂNG-THUYỀN (Túy-vân, Thừa-thiên) lại dẫn chứng bài thơ « Nước lụt » ấy có khác 4 ông kia, mà không nói tác-giả là ai !

Riêng tôi được biết bài thơ ấy là của ông PHAN-VĂN-TRỊ trong quyển : « Cuộc bút chiến giữa PHAN-VĂN-TRỊ và TÔN-TIẾP-TƯỜNG » do ông THÁI-BẠCH soạn và SỐNG MỚI xuất-bản năm 1957 trang 18 số 9.

Ông Cử TRỊ giữa lúc giao thời Pháp-Việt (1862, 63. v.v...) ông vẫn chịu cảnh nghèo túng, một mực với non sông, không hợp tác với Pháp và phản đối những hạng người theo Pháp tìm nơi nương tựa...

Nguyên văn bài thơ Nước lụt ấy như sau :

Mưa từng đổ, gió từng hồi,
Thế-giới bao nhiêu nước khỏa rồi
Lũ kiến bắt tài đòi chỗ tấp,
Chòm rong vô dụng sủi bèo trôi.
Lao xao nội lực nghe chim óng,
Lồm xồm giường cao thấy chó ngồi.
Nỡ bỏ dân nghèo trên gác yếu,
Nào vua Hạ-Vũ ở đâu người ?

Thật là hoang mang, không biết căn cứ vào đâu ; kính xin các nhà khảo cứu Văn-học-sử tận tình truy xét về xuất-xứ đích-xác của bài thơ đặc-sắc trên kia.

★ Con Rầy.

(của ông Nguyễn-Tuyên, Hội-An)

... Tôi chỉ là một người dân quê chất phác, ngày ngày tấc tấc, rì rì, tay lấm chân bùn, làm ăn vất vả sống về nghề nông. Xưa nay hết 99% sống về nghề này. Nhưng đến nay vì sao không hiểu : năm Canh Tý (1960) rầy ăn lúa mùa tháng 8, năm Tân-Sửu (1961) sâu, rầy, chuột bọ phá hết cả hoa lợi, đến năm nay, năm Nhâm Dần (1962) mùa tháng ba lúa lên không trổ. Người ta thường nói : *Tý hư, Sửu hao, Dần bất lợi*, thật là đúng.

Nay nhân thể tôi có làm bài thơ bát cú này xin gửi đến ông. Có chỗ nào sơ sót mong ông vui lòng sửa chữa và đăng lên Phổ-Thông gọi là tiếng nói thô sơ của đồng ruộng, góp vào tập báo chung của dân tộc :

CON RẦY

Tạo hóa sinh chi những giống rầy
Từ đâu xáo xạc đến nơi đây ?
Xanh xanh nhảy xuống bu ngàn gốc
Ưa ưa bò lên bám triệu cây.

Rộc thấp, non già, nhui nhút đậu
Đồng cao, ruộng cạn, rậm rả bay.
Đeo vô chích hút hoa mau ruội,
Ác nghiệt làm chi rửa hồi mây!

NGUYỄN-TUYỂN

★ **Phải chăng «nhân tài gặp nhau» ?**

(của bạn Thiện-Chương, sinh-viên Đại học Khoa học Sài-gòn)

Nhân một sự tình cờ tôi được đọc tập báo Xuân Nhâm Dần (1962) của một trường tư ở đường Chi-Lăng Gia-định.

Tôi thấy trong tập báo này có đăng 2 bài thơ Đường luật, nhan đề là Xuân dưới bút hiệu *Chế-Lan*.

Hai bài thơ ấy tôi đã được đọc trong tạp-chí *Phổ-Thông*. *Xuân Tân-Sửu* (1961) dưới nhan đề «*Xuân Về*» và tác-giả là TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG, Sở dĩ tôi còn nhớ được hai bài thơ này là vì kỷ xuân năm ngoái tôi có họa lại gởi về cho cô HỖ-Khương ở Huế. Vì lẽ ấy, tôi vô cùng ngạc nhiên khi đọc thấy cùng một bài thơ mà 1 năm sau tên tác giả đã khác.

Không biết vì vô tình hay cố ý tác-giả *CHẾ-LAN* đã viết sai mấy chữ ở 2 câu cuối của bài thứ hai ? Nguyên văn của cô HỖ-Khương trong tập xuân *Phổ-Thông* *TÂN-SỬU 1961*:

Nước non còn vương sầu ly hận
Dấu bề chưa phai cuộc đời đời.
Nhấn hỏi nàng xuân thơ ít vận
Bao giờ thế lộ khỏi chia đôi ?

Trong tờ *Xuân Đạt Đức* *NHÂM-DẦN (196)*

Nước non còn vương sầu ly hận.
Dấu bề chưa phai cuộc đời đời
Nhấn hỏi NÀY xuân thơ ít vận :
Bao giờ Thế HỖ Dứt chia đôi ?

(CHẾ-LAN)

Tôi kính mong ông. cho đăng mấy dòng này lên mặt báo *Phổ-Thông* và yêu cầu tác giả *Chế-Lan* lên tiếng giùm cho để độc giả đăng biết chính xác.

★ **Thư Paris gửi về tòa soạn.**

(của Ô. NGUYỄN-VĂN-CỐN, Tiến-sĩ Văn chương Pháp)

... Anh em sinh viên và các giới trí thức bên này được đọc quyền *Phổ-Thông*, rất hoan nghênh. Những anh em xa đất nước đã

lâu đều vui sướng ngạc nhiên về sự tiến bộ cả về ý và hình giá trị đặc biệt của nội dung.

... Hai chữ *Phổ - Thông* đã thành tên vườn hoa quả thân của chúng ta và công gây dựng của anh rất là lớn lao. Ở P trong các bạn của tôi, trí thức, sinh-viên, buôn bán, hoặc nhà đã truyền tay người này qua người khác và hai tập P.T. anh cho, nay đã cũ mèm ! Chỗ đáng mừng là bên này họ đã đọc nh số báo đặc biệt, in rất huy hoàng, của Pháp về Noël và J de l' An, nhưng họ rất chú ý đến số xuân *Phổ-Thông* từ Sài-bay qua, giá trị không kém. Anh chị em đọc say mê, và trong có chút gì xa xăm, mơ màng... gởi bao thương nhớ về Đất N thân yêu...

NGUYỄN-V-CỐN

● **Của cô Thanh-Thúy, Hartford, Connecticut, U.S**

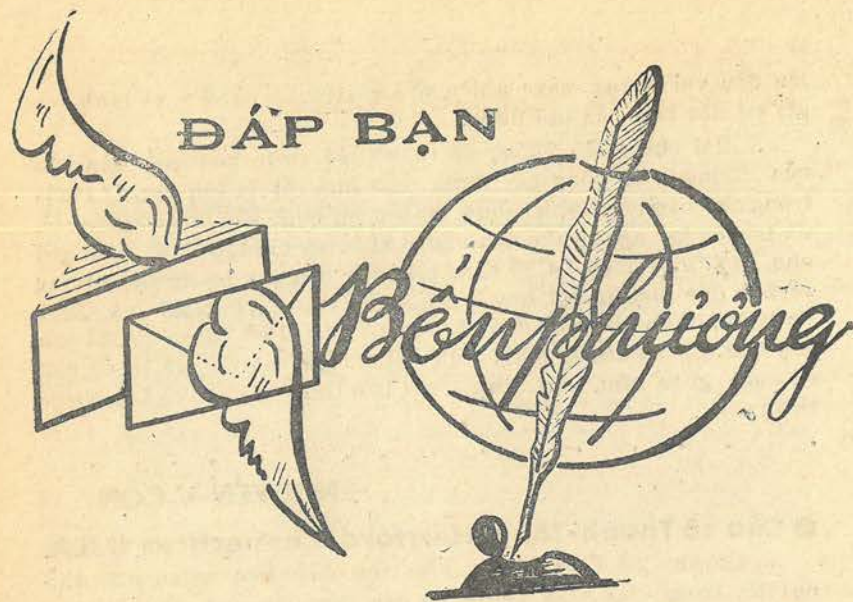
... Quyền *Phổ Thông* xuân nằm trên chiếc bàn salon nhỏ nơi đây trong mấy ngày Tết ta, và liên tiếp đến nay, chuyển các bàn tay của sinh viên ở Mỹ, đã gọi lên cho chúng tôi nhiều cảm hoài yêu mến... Ai cũng khen *Phổ-Thông* hay lắm, xứng đáng tiêu biểu tinh thần văn nghệ của Việt-Nam phát triển cùng mức với trào lưu quốc tế. Chúng tôi xin trao về *Phổ-Thông* tất cả cảm tình thân ái và tin tưởng sâu rộng

THANH-THÚY

Cùng quý bạn đã họa bài thơ «Trầm Lặng»

Chúng tôi đã nhận được rất nhiều bài thơ của quý Bạn xa có nhĩa ý họa vận bài thơ *Trầm-Lặng* của N.V. trong số *Xuân Tân-Sửu*. Tất cả các bài thơ họa đều hay. Nhiều bài rất lâm-lý cảm-động. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn quý bạn. Rất tiếc không thể đăng hết hoặc đăng một vài bài, vậy xin quý bạn rộng lượng tha thứ.

P. T.



★ DIỆU HUYỀN

★ Cô Phan-thị Thanh-Thu, Lê-quí-Đôn, Nha-trang

● Đi xe đạp nhiều không có gây bệnh gì nguy-hiêm cho bộ phận sinh-dục cả. Nhưng phụ nữ có thai-nghén nhất định không nên đi xe đạp.

● Học nằm hay viết nằm không có hại gì cả. Chính trong lúc tôi đang trả lời thư các bạn đây, tôi cũng viết nằm. Tôi viết nằm đã 20 năm nay rồi, có sao đâu ! Học nằm lại mau thuộc bài hơn, vì cái đầu được đặt yên tĩnh trên gối, trí óc được thoải-khoảnh hơn.

● Bài và thơ, cứ gửi đến Tòa soạn như thường lệ, không phải theo một điều kiện nào cả. Dĩ-nhiên, thư phải dán đủ tem bưu-diện, vì nhà báo không nhận những thư phạt.

★ Ô. Văn-Sơn, Bình-Dương.

● Câu tục ngữ thời xưa : « *Lính về làng như Thần-Hoàng về miếu* », là có ý nói Lính thuở trước về làng hay phá-phách, làm khổ dân làng. Cũng như Thần-Hoàng về miếu, làng phải cúng tế nếu không sẽ bị phá hại. (Theo dị đoan xưa).

● Chữ « *Lạ-lục* » là tiếng kép. Các vấn-đề tổ-chức Tòa-án, sẽ có bài riêng.

★ Bà Thanh-Rý, Calmette, Sài-gòn.

● HỎI : « Tại sao trong số Xuân, ai cũng có đăng hình hết, mà riêng có chị Diệu-Huyền thân-yêu của chúng tôi lại không có hình ? Hay là ông giám-đốc ghét gì chị, nên không đăng hình của chị ? Hay là ông Tú ghen ? Hay là... hay là... ?? »

Chị phải trả lời cho suông sẽ nhé ! »

★ Bạn Vũ-ngọc-Sơn, quận Đức-Phong, tỉnh Phước-Long.

« ... tui em tìm kiếm mỗi mắt trong 2 số báo Xuân và Tân niên mà chả thấy hình chị đâu cả. Thiết tui em ức quá, chị ạ. Sao mà chị « *mật-bí* » thế ??? »

● **Và các bạn :** LÊ-THANH (Huế), DƯƠNG-THỊ-MỸ, (Hội-an), BÌNH ĐẰN (Saigon), LIÊN KIM (Paris), KIỀU CÔNG THỤY (Long Xuyên), VĨNH HẠNH (Saigon), O.R. (Dalat).

Xin trả lời chung : không phải bị ông Giám đốc ghét, cũng không phải « *mật bí* ». D.H. không có hình trong số Xuân chỉ vì một lý do là D.H. mắc cỡ, không bao giờ chụp hình, nên không có hình. Các bạn thông-cảm rồi chứ ?

★ Bạn Vũ ngọc Sơn, Phước Long

Bạn không có « *Phụ bản danh nhân Thế giới* », thì cho chúng tôi biết địa chỉ rõ-ràng, sẽ gửi 1 tấm biểu bạn.

★ Những bạn thiếu phụ-bản hoặc phụ bản bị rách nát.

Xin gửi tên và địa-chỉ, sẽ gửi biểu. Tòa soạn chỉ còn ít thôi.

★ Bạn Xuân Phương, Huế

Nếu phải 3, 4 năm nữa mới làm đám cưới được, thì đôi bạn nên nhẫn-nại chờ đợi nhau đến chừng đó, chứ vội gì ? Ngày tháng còn dài, hạnh phúc còn nhiều hứa hẹn tốt đẹp, đừng nôn ruột, hành động mù quáng sẽ rất rối thêm. Đôi bạn nên bảo nhau. Đừng buồn.

★ Ô. Trần Hà, Ty Điện-Địa, Kiến Phong

● P. T. từ số 1 đến số 10, không còn.

● Sách nói về nghệ thuật nhiếp ảnh, ông lên Saigon, tìm đến các hiệu sách lớn.

● Vấn đề các trường dạy chuyên nghiệp về xe Vespa. Xin ông thân hành lên Saigon hỏi tiện hơn.

★ **CÙNG CÁC BẠN :** còn nhiều thư các bạn hỏi nhưng vì kỳ này bài nhiều quá. Vậy số đến sẽ trả lời nhiều hơn.

Mùa thi sắp tới, thí-sinh dọn thi T.H.D.N.C.
và Tú-Tài I cần có ngay cuốn :

VIỆT-VĂN BÌNH GIẢNG

(Lớp Đệ-Tứ và Đệ-Nhị A,B,C,D Trung-Học)

của Giáo-sư **BÀNG-BÁ-LÂN**

— Phương-pháp mới mẽ dễ hiểu — Tài-liệu phong-phú chính xác —

— Có thêm phần *bài tập* hướng dẫn cách làm luận —

— Rất cần ích cho những người tự học để thi —

● Soạn theo đúng chương-trình hiện hành của Bộ Q.G.G.D. ●

Sách dày trên 600 trang khổ lớn — In toàn giấy satiné tốt.

Bìa offset 4 màu do họa-sĩ Tú-Duyên trình bày.

Nhà xuất-bản XÂY-DỰNG phát-hành
33, Trương-quốc-Dụng, Phú-Nhuận — SAIGON

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BỒN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

Những Phật-tử muốn học tập đúng lời Phật dạy.
Muốn chấn hưng nền văn-hóa Phật-giáo nước nhà.
Những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu chân lý cao
thâm của Đạo Phật.

Những ai đang khao khát tìm một chỗ muốn nương
tựa tinh thần, một lý tưởng cho cuộc đời.

Những ai muốn tìm hiểu tin tức Phật-giáo nước nhà
và thế giới.

HÃY ĐỌC

Liên-Hoa Nguyệt-San

Do Giáo-Hội Tăng-Già toàn quốc xuất bản. Thượng-
tọa THÍCH-ĐÓN-HẬU làm Chủ-nhiệm với sự cộng tác
của những vị Giảng-Sư, Tăng-sĩ du học ngoại quốc và
văn-nghệ-sĩ Phật-tử toàn quốc.

— Có phát hành tại chùa Xá-Lợi, Ấn-quang Saigon,
các chùa Phật-giáo và các nhà sách Phật-giáo trong nước.

Thư từ liên lạc xin đề : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Tòa-Soạn LIÊN-HOA 66 đường Chi-Lăng

Hộp thư 24 — HUẾ

Giá mua mỗi số 10\$, trọn năm 12 số tại Huế : 110\$.
ngoài Huế : 120\$



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON ĐÚT
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-ĐƯỢC

Thẻ-lệ Giải Thưởng Văn-Chương

« TINH-VIỆT » 1962

I. — MỤC ĐÍCH

Cũng như các năm vừa qua, Tinh-Việt Văn-Đoàn tổ chức trong năm 1962 những giải thưởng Văn-chương có mục-đích góp phần vào sự tiến triển của văn-chương học thuật Việt-nam, đề cao những giá trị tinh-thần, phát-nguy nhân-vị, tình yêu gia-đình, tổ-quốc, và nghĩa huynh-đệ nhân loại.

II. — GIẢI THƯỞNG

Tinh-Việt Văn-Đoàn đặt ra hai loại giải-thưởng mang danh hai nhà học giả Việt-nam và quốc-tế :

1. — Giải thưởng Trương Vĩnh Ký, dành cho loại sáng tác (tiểu thuyết, thi ca, kịch bản).

2. — Giải thưởng Lecomte Du Noy, dành cho loại khảo luận phê bình.

Mỗi giải thưởng định là hai mươi ngàn đồng (20.000 đồng).

Riêng về năm 1962, vì có các phần thưởng năm trước chưa phát nên sẽ có hai giải Trương Vĩnh Ký và hai giải Lecomte du Noy, tổng cộng 80.000 đồng.

III. — THẺ LỆ

1. — Các tác-phẩm dự cuộc tranh giải phải viết bằng Việt-ngữ, hợp với một hay nhiều nguyên-tắc nêu rõ ở « mục đích cuộc thi », chưa xuất-bản hoặc mới chỉ xuất-bản sau ngày 1 tháng giêng dương-lịch năm 1962.

2. — Số trang tối thiểu của mỗi tác-phẩm dự giải định như sau

	Loại tiểu thuyết	Loại khảo cứu
a) Nếu sách in rồi :	200 trang	120 trang
b) Nếu đánh máy :	140 trang	80 trang
c) Nếu viết tay :	240 trang	150 trang
(Đánh máy hay viết tay, dùng khổ giấy 21 x 27 hay tương đương, viết một mặt).		

3. — Mỗi tác-phẩm phải gởi ba (3) bản. Mỗi người có thể gởi một hay nhiều tác-phẩm để dự một hay cả hai loại giải thưởng.

4. — Tác-phẩm phải gởi đến Văn-phòng Tinh-Việt Văn-Đoàn số 290/11 đại-lộ Công-lý Saigon, trước ngày 31-8-1962. Kết quả sẽ được công bố vào cuối năm 1962.

5. — Nếu không có tác-phẩm đoạt trọn giải thưởng, số tiền mỗi giải có thể chia thành nhiều giải khuyến-khích để thưởng những tác-phẩm đáng khuyến-khích nhất.

6. — Đoàn viên thực thụ của Tinh-Việt Văn-Đoàn cũng như những vị được mời vào ban giám khảo không dự thi.

Saigon, ngày 20 tháng 1 năm 1962

TINH-VIỆT VĂN ĐOÀN

290/11 đại-lộ Công-lý Saigon — Đ. T. 25.168

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

T ẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công-nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (*neurasthénie*), hay xúc động (*nervosité malade*), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (*gâtisme*) v.v.. »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng Văn Hồ).

COQUELUCHEINE

Trị bằng thuốc này, bệnh Ho gà chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khất huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

DẦU TRUNG-TÂM



CHUYÊN TRỊ : Các chứng bốn mùa
cảm mạo, trúng gió sổ mũi, nghẹt mũi, ăn
không tiêu, no hơi sinh bụng, ruột hoặc bao
tử đau thắt, trẻ em đau bụng, đi xe đi
tàu say sóng, và các chứng thủng độc
ngoài da v.v...

Nhà thuốc **TRUNG-TÂM**

Đông Dược-Sỹ **CHÂU-HIỀN-HỮU**
Số 6, Bến Lê-quang-Liêm — **CHOLON**

Trị Thận Duy Nhất chỉ có :

THUỐC ĐAU LƯNG

HỒNG - NGUYỄN



Chuyên trị các chứng thận suy, đau thắt
ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân
nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận,
bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận
và khen tặng.

Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ

Bà **DƯƠNG-XUÂN-LANG**

Nhà thuốc và phòng mạch :

246, Nguyễn - Hoàng — **CHOLON**

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

XỔ-SỔ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ TA THÊM CỦA

LÔ ĐỘC-ĐẮC 1.000.000¢

Xổ Thứ Ba Hàng tuần

mỗi vé 10\$00.

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

Quý vị thường hay dài đêm, thận suy, đau lưng, di mộng hoạt tinh, gân cốt nhứt mỗi, đầu vàng mắt hoa v.v... nên thường uống :

BỔ THẬN CHUYÊN DƯỢC

PHƯỚC LỘC THỌ NAM CHI BỬU

(Thuốc bổ của đàn ông)

Quý Bà quý Cô khi hư huyết kém, da mặt xanh xao, thân hình gầy ốm, kinh nguyệt không đều, sản hậu thiếu máu v. v. . . nên thường uống :

PHỤ NỮ CHUYÊN DƯỢC

PHƯỚC LỘC THỌ NỮ CHI BỬU

(Thuốc bổ của đàn bà)

Đông Dược-Sĩ **ONG-SUNG SỐ 57**, Đại-lộ Không-tử **CHOLON**; và các tiệm thuốc Bắc ở khắp nơi đều có bán.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233 Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.
- Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AÙ MỸ

HEPATIC

Chuyên trị đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỀN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

Giấy phép số 292/CDVITT/ND ngày 9-10-1961
In tại nhà in TÂN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ

PHỔ-THÔNG

SỐ TỜ (78):

- ★ Chạy đua lên Không-trung **VÕ-QUANG-YẾN**
Tiến-sĩ Khoa-học, Paris
 - ★ Thắc mắc của sinh-viên du-học . . . **NÔNG-BẰNG-GIANG**
Đại-học — Osaka-Japan
 - ★ Cô gái áo xanh **CARL CARMER**
(Truyện ngắn quốc-tế)
 - ★ Tình Xuân **NGUYỄN-VĂN-CỒN**
Paris
 - ★ Cấp bằng Việt Pháp và Mỹ **PHÙNG-LÊ-ÁNH**
Đại-học Laguna—Philippines
 - ★ Giấc mơ hoa **DUYÊN-HỒNG**
 - ★ Đôi nét chấm phá về
Lê-thánh-Tông **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**
Bệnh-viện Hồng-Bàng Saigon
 - ★ Chín tháng 10 ngày
trong bụng mẹ **DIỆU-HUYỀN**
- Và các mục thường xuyên của **THIỆU-SƠN, TÂN-PHONG, THẨM-THỆ-HÀ, ĐIỀN-SƠN** v.v...